

## LỜI MỞ ĐẦU

Hoà cùng với sự phát triển của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam trong những năm qua đã có những chuyển biến mạnh mẽ, chúng ta đã từng bước công nghiệp hoá- hiện đại hoá nền kinh tế và hội nhập kinh tế một cách sâu rộng. Trên trường quốc tế, Việt Nam cũng được đánh giá là một nước có giàu tiềm lực phát triển, là nơi thu hút vốn đầu tư từ khắp các châu lục.

Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế vừa có yếu tố hợp tác chặt chẽ vừa có yếu tố cạnh tranh quyết liệt ấy, các nhà kinh doanh phải năng động và sáng tạo hơn, sáng suốt với những phương án kinh doanh phù hợp để sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả nhất, tạo khả năng chiếm lĩnh thị trường làm cho doanh nghiệp ngày càng phát triển đi lên vững mạnh. Bởi vậy, các doanh nghiệp phải luôn quan tâm đến tính hiệu quả trong hoạt động kinh tế, chú trọng đến lượng chi phí bỏ ra, doanh thu đạt được và kết quả kinh doanh trong kỳ. Do đó, hạch toán kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là vấn đề không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đặt ra cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, sau khi đi sâu và tìm hiểu về công tác này tại Công ty cổ phần thép Châu Phong, em đã chọn nghiên cứu đề tài: “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thép Châu Phong”.

Nội dung của khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận được kết cấu làm ba chương:

**Chương 1:** Những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

**Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thép Châu Phong.

**Chương 3:** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thép Châu Phong.

Kết hợp kiến thức thu thập được trong quá trình học tập nghiên cứu tại trường, cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng tài chính kế toán ở đơn vị thực tập, đặc biệt có sự hướng dẫn tận tình của cô giáo- thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo em đã hoàn thành bài khóa luận này.

Tuy nhiên do thời gian tiếp cận thực tế, khả năng nghiên cứu, nhận thức tổng quan còn hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót.

Em mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

**CHƯƠNG 1:****NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG  
DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI****1.1. Lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Doanh thu, chi phí và xác định đúng kết quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng, quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi đất nước ta đang chuyển sang nền kinh tế thị trường và đã gia nhập WTO- một sân chơi lớn đối với doanh nghiệp. Vì quá trình này chuyển hóa vốn từ hình thái hiện vật sang hình thái giá trị “tiền tệ”, doanh nghiệp không bị chiếm dụng vốn và tiết kiệm được các chi phí vốn để tái sản xuất kinh doanh. Khi hội nhập kinh tế, các doanh nghiệp sẽ không được Nhà nước hỗ trợ về bất cứ mặt nào như tìm kiếm đầu vào, đầu ra cho sản phẩm, buộc các doanh nghiệp phải tự thân vận động, chủ động tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ, thay đổi công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, tăng sức cạnh tranh trước hàng ngoại. Để thực hiện điều này, các doanh nghiệp Việt Nam đang đứng trước rất nhiều khó khăn và thử thách, nhất là đối với doanh nghiệp có công tác bán hàng kém hiệu quả.

Các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp.

Tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ có vai trò quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với cả các đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế... :

✓ Đối với mỗi doanh nghiệp: Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

✓ Đối với các nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

✓ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra các quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

✓ Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

### **1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

#### **1.1.2.1. *Doanh thu* :**

◆ *Doanh thu* : là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

◆ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền đã thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

◆ *Doanh thu tiêu thụ nội bộ*: là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

◆ *Doanh thu hoạt động tài chính*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính như : tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán, lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, lãi chuyển nhượng vốn...

◆ *Thu nhập khác*: là các khoản thu nhập, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản thu mang tính chất không thường xuyên, như: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định (TSCĐ), thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại, thu nhập từ quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

#### **1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu :**

◆ *Chiết khấu thương mại* : là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa ,dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua bán hàng.

◆ *Giảm giá hàng bán* : là khoản doanh nghiệp giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán chỉ được tính là khoản giảm trừ doanh thu nếu phát sinh sau khi phát hành hóa đơn.

◆ *Hàng bán bị trả lại* : là số hàng hoá đã xác định là tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân thuộc về doanh nghiệp như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách theo thỏa thuận.

◆ Ngoài ra còn có một số khoản thuế làm giảm trừ doanh thu là : thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB); thuế xuất khẩu; thuế giá trị gia tăng (GTGT) nộp theo phương pháp trực tiếp.

Trong đó:

+ Thuế TTĐB : là loại thuế đánh trên hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu được cấu thành trong giá bán sản phẩm.

+ Thuế xuất khẩu : là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hoá phải chịu thuế xuất khẩu.

+ Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

$$\begin{array}{rcc} GTGT \text{ của hàng} & & \text{Doanh số hàng hoá,} & & \text{Giá vốn hàng hoá, dịch} \\ \text{hoá, dịch vụ} & = & \text{dịch vụ bán ra} & - & \text{vụ bán ra} \end{array}$$

### 1.1.2.3. Chi phí :

◆ *Giá vốn hàng bán* : phản ánh giá trị gốc của hàng hoá, dịch vụ đã thực sự tiêu thụ trong kỳ. Đối với doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán ngoài giá trị mua của hàng hoá còn bao gồm cả chi phí mua phân bổ cho hàng hoá bán ra.

◆ *Chi phí bán hàng* : là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hóa và cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, quảng cáo, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành hàng hoá, chi phí đóng gói...

◆ *Chi phí quản lý doanh nghiệp* : là những khoản chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp, như chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

◆ *Chi phí tài chính*: là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính trong kỳ của doanh nghiệp, như: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, chi phí lãi vay, khoản lỗ tỷ giá hối đoái...

◆ *Chi phí khác*: là các khoản chi phí (lỗ) phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, như: chi phí

thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ (nếu có); tiền phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt thuế, truy nộp thuế....

◆ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)*: bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Trong đó:

+ Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ nộp trong tương lai phát sinh từ:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

#### **1.1.2.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:**

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian xác định, bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

#### **1.1.3. Thời điểm ghi nhận, nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### **1.1.3.1. Thời điểm, điều kiện ghi nhận doanh thu:**

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực số 14-“ Doanh thu và thu nhập khác” và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan:

❖ Doanh thu bán hàng hoá chỉ được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **1.1.3.2. Một số nguyên tắc hạch toán doanh thu trong doanh nghiệp thương mại:**

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính.
- Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ, doanh thu tiêu thụ ( bán hàng và cung cấp dịch vụ ) là giá bán chưa có thuế GTGT.
- Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu tiêu thụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu tiêu thụ là tổng giá thanh toán (gồm cả thuế TTĐB hoặc XK).



- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu tiêu thụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương pháp trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi được tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Những hàng hóa được xác định là tiêu thụ nhưng vì lý do về phẩm chất, quy cách kỹ thuật,... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại cho người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp nhận; hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng trên các TK 531- “Hàng bán bị trả lại”, hoặc TK 532- “Giảm giá hàng bán”, TK 521- “Chiết khấu thương mại”, cuối kỳ kết chuyển vào TK 511 để tính doanh thu thuần.

- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua thì trị giá số hàng này vẫn không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK511- “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” mà chỉ hạch toán vào bên Có TK131- “Phải thu của khách hàng” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào TK511 về trị giá hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh vào TK5114- “Doanh thu trợ cấp trợ giá”.

❖ Một số trường hợp không phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Trị giá hàng hoá xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.
- Trị giá hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa công ty, Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc.
- Trị giá hàng hoá đang gửi bán; dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được người mua chấp nhận thanh toán.
- Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (chưa được xác định là đã bán).
- Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

#### ***1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:***

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán đúng quy định và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và tình hình biến động của từng loại hàng hóa theo tiêu chuẩn số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

### **1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

### 1.2.1.1. Một số phương thức bán hàng :

❖ Phương thức bán hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ.

❖ Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận:

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

❖ Phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý ( bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

❖ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua, số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ ( về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

❖ Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem hàng hoá để đổi lấy hàng hoá khác không tương tự, giá trao đổi là giá hiện hành của hàng hoá tương ứng trên thị trường.

### 1.2.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế;
- Hoá đơn giá trị gia tăng hoặc hoá đơn bán hàng;
- Báo cáo bán hàng; bảng thanh toán hàng gửi đại lý, ký gửi;
- Chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, séc...
- Các chứng từ khác có liên quan...

1.2.1.3. Tài khoản sử dụng:

✦ **Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- + TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- + TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- + TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản

Tài khoản 511 dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng, cung cấp dịch vụ đã thực hiện.

→ Kết cấu và nội dung phản ánh chính của TK 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế TTĐB, thuế XK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế trong kỳ;</li> <li>- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp;</li> <li>- Chiết khấu thương mại, khoản giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 để xác định KQKD.</li> </ul>	<p>Doanh thu bán hàng hoá, và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</p>	
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 511 không có số dư cuối kỳ

✦ **Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ**

- + TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
- + TK 5122 - Doanh thu bán thành phẩm
- + TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 512 chỉ sử dụng cho các đơn vị có bán hàng nội bộ giữa các đơn vị trong một công ty hay một Tổng công ty, nhằm phản ánh số doanh thu bán hàng nội bộ trong một kỳ kế toán của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị.

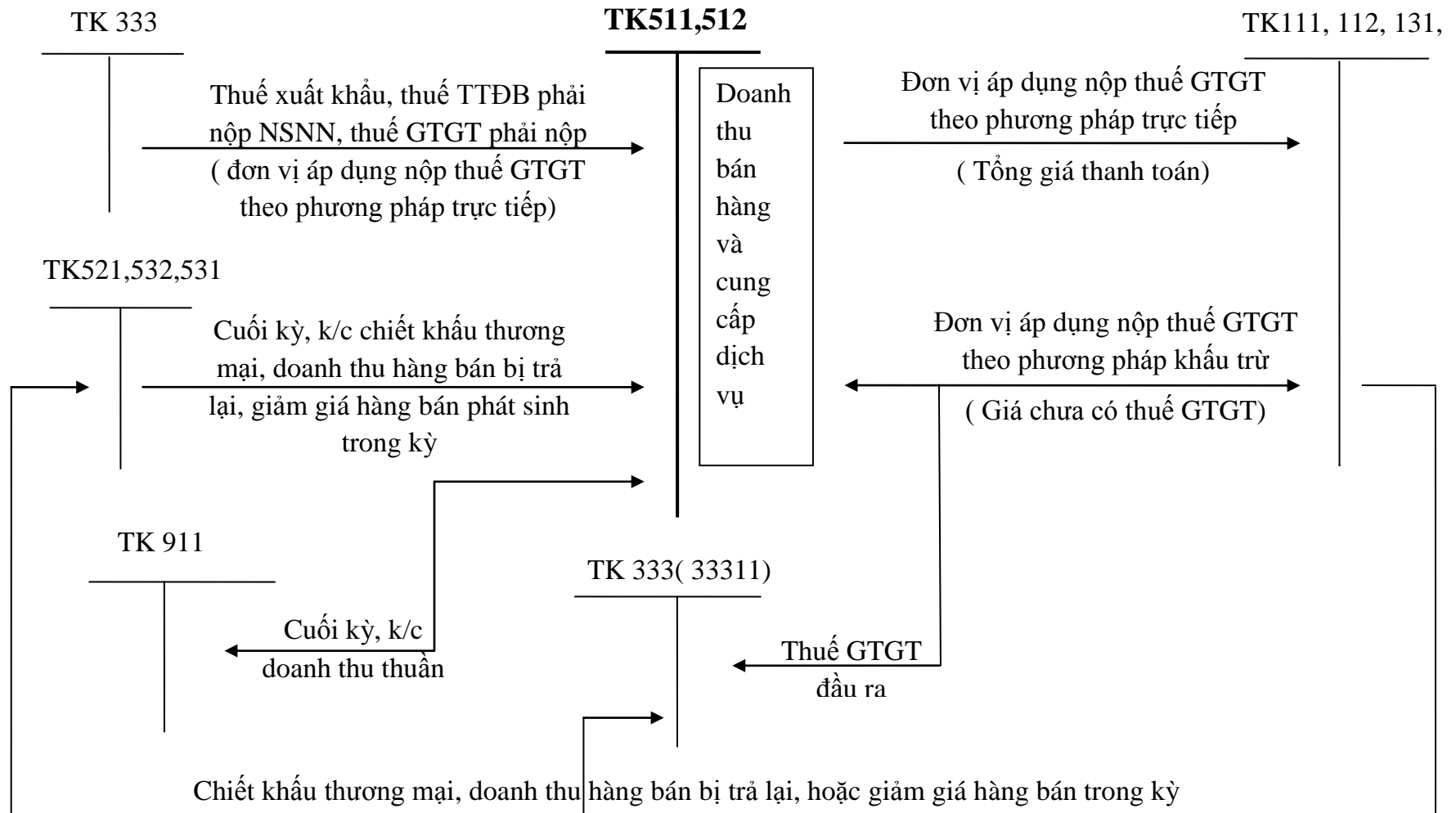
→ Kết cấu và nội dung phản ánh chính của TK 512

Nợ	TK 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế TTĐB phải nộp của số hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ;</li> <li>- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;</li> <li>- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 để xác định KQKD.</li> </ul>	<p>Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</p>	
<p><math>\Sigma</math> Số phát sinh Nợ</p>		<p><math>\Sigma</math> Số phát sinh Có</p>

TK 512 không có số dư cuối kỳ

◆ Các tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 131, 3331...

1.2.1.4. Trình tự hạch toán:



Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

1.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng ;
- Chứng từ thanh toán như phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng...;
- Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại ;
- Các chứng từ khác có liên quan...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

◆ **Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại (CKTM)**

Nguyên tắc hạch toán:

- Tài khoản này chỉ phản ánh khoản CKTM người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng CKTM, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã trừ CKTM thì doanh nghiệp không còn sử dụng TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ CKTM.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “ Hoá đơn GTGT”, hoặc “ Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Khi doanh nghiệp phải chi tiền trả về khoản chiết khấu thương mại cho người mua thì số tiền đó được hạch toán vào TK 521.

→ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 521:

Nợ	TK 521	Có
Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần.
$\Sigma$ Số phát sinh Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh Có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

◆ **Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại và được tính đúng theo đơn giá bán ghi trên hoá đơn bán trước đây. Các chi phí khác phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK641- Chi phí bán hàng.

→ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 531

Nợ	<b>TK 531</b>	Có
Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số hàng hoá đã bán.		Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511, hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
$\Sigma$ Số phát sinh Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh Có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

◆ **Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ. Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn ( giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

→ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 532:

Nợ	<b>TK 532</b>	Có
Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy định trong hợp đồng kinh tế.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán vào bên Nợ TK 511, hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
$\Sigma$ Số phát sinh Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh Có

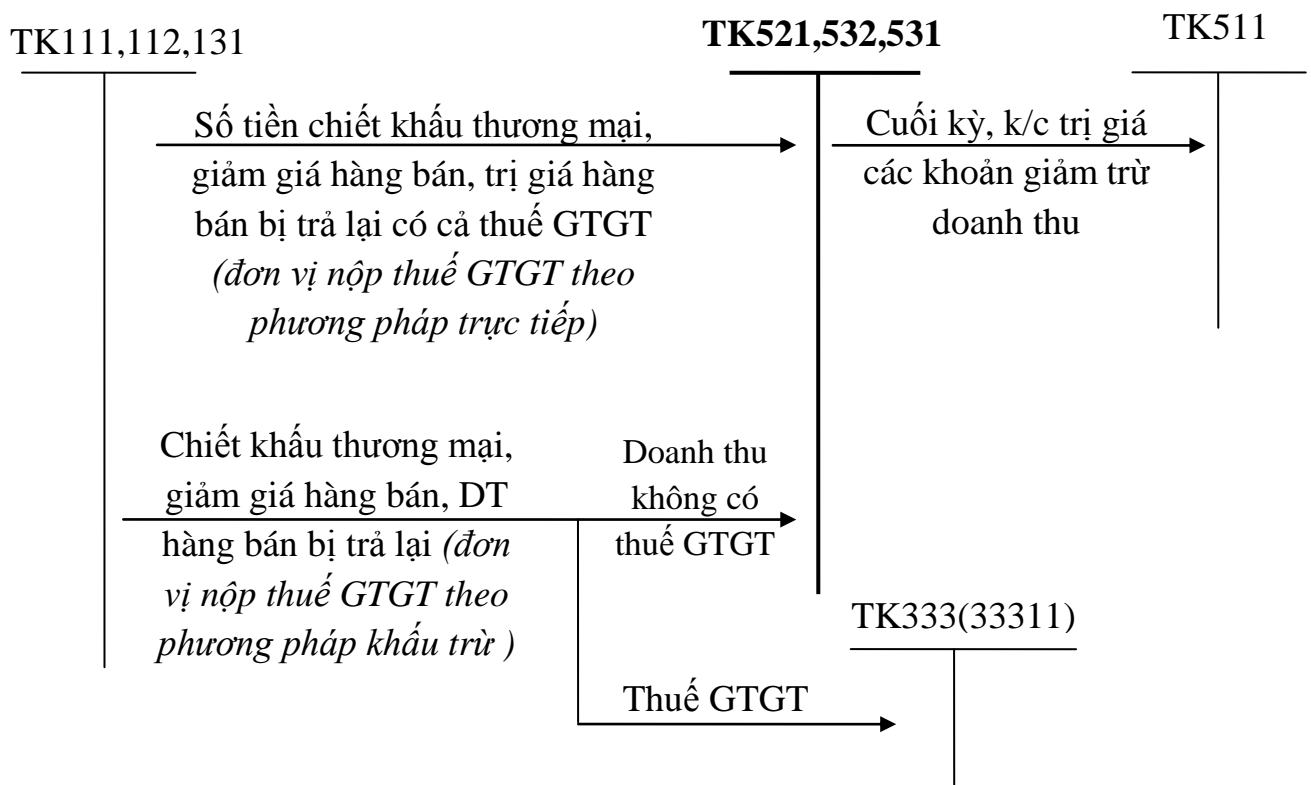
TK 532 không có số dư cuối kỳ



- ◆ Tài khoản 3331- Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.
- ◆ Tài khoản 3332- Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- ◆ Tài khoản 3333- Thuế xuất khẩu.
- ◆ Các tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 331,..

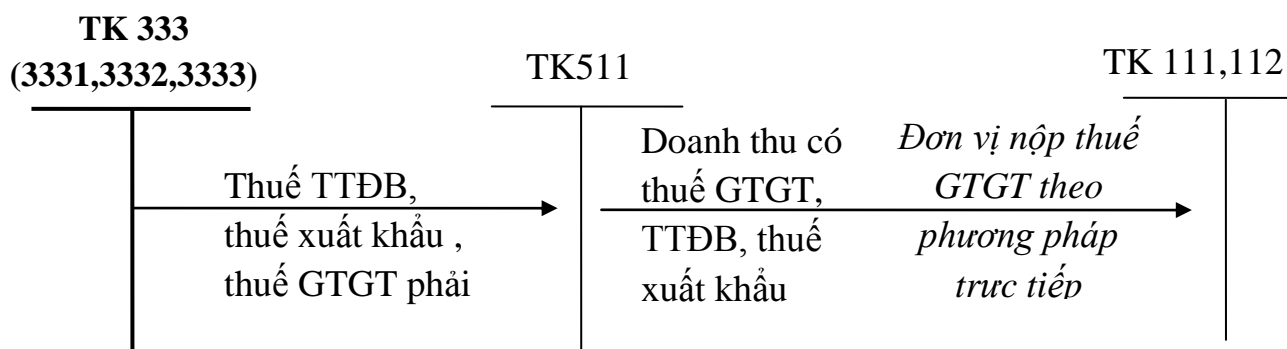
1.2.2.3. Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

- ➔ Trình tự kế toán các khoản giảm trừ doanh thu : chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại



**Sơ đồ 1.2: Kế toán chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại**

- ➔ Trình tự kế toán các khoản thuế làm giảm trừ doanh thu : thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu



**Sơ đồ 1.3: Kế toán các khoản thuế làm giảm trừ doanh thu**

**1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán**

**1.2.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán:**

Tuỳ theo đặc điểm hoạt động của từng doanh nghiệp, tuỳ thuộc vào yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của kế toán, thì trị giá vốn của hàng hoá xuất bán có thể được xác định bằng một trong các phương pháp sau đây, nhưng phải tuân theo nguyên tắc nhất quán trong niên độ kế toán, nếu có sự thay đổi thì phải giải thích rõ ràng:

- Phương pháp tính giá theo giá đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước - xuất trước ( FIFO)
- Phương pháp nhập sau - xuất trước ( LIFO)

Nội dung các phương pháp:

① Phương pháp tính giá theo giá đích danh:

- Theo phương pháp này, khi xuất kho hàng hoá thì căn cứ vào số lượng hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nào và sử dụng đơn giá nhập thực tế của lô hàng đó để xác định trị giá vốn của hàng hoá xuất kho.

- Ưu điểm: Phương pháp này dễ áp dụng với kế toán thủ công, tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế, tính trị giá xuất kho tương đối chính xác. Phù hợp với các doanh nghiệp kinh doanh ít mặt hàng, ít chủng loại, hàng hoá mang tính đơn chiếc có thể theo dõi dễ dàng từng loại, hàng hoá có giá trị kinh tế cao như ô tô, xe máy,...

- Nhược điểm: Phương pháp này không phù hợp với các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hoá và có nghiệp vụ xuất- nhập nhiều.

② Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này, trị giá vốn của hàng hoá xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền ( có thể xác định tại thời điểm xuất kho hoặc cuối kỳ )

$$\text{Trị giá vốn hàng hoá xuất kho} = \text{Số lượng hàng hoá xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

✓ Phương pháp xác định đơn giá xuất cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ :

$$\text{Đơn giá xuất bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hoá.

✓ Phương pháp xác định đơn giá xuất tại từng thời điểm xuất kho được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn (hay bình quân sau mỗi lần nhập):

$$\text{Đơn giá xuất bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

Phương pháp này có ưu điểm là có thể xác định được trị giá vốn hàng bán tại bất kỳ thời điểm nào mà không phải đến cuối kỳ. Tuy nhiên, nếu làm kế toán thủ công thì phải tính toán khá nhiều lần, tốn công sức.

③ Phương pháp nhập trước - xuất trước ( FIFO):

Phương pháp này dựa trên giả thuyết là hàng hoá nhập trước thì sẽ được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Phải xuất hết số hàng nhập trước rồi mới xuất đến số hàng nhập sau. Vì thế, trị giá hàng tồn cuối kỳ được xác định theo

đơn giá của những lần nhập cuối cùng. Phương pháp này thích hợp trong môi trường kinh tế có giá cả bình ổn, hoặc có xu hướng giảm, trị giá hàng tồn kho sẽ sát với giá cả hiện hành và dĩ nhiên phương pháp này sẽ chiếm ưu thế theo quan điểm lập bảng cân đối kế toán.

#### ④ Phương pháp nhập sau- xuất trước (LIFO)

Phương pháp này dựa trên giả thuyết là hàng hoá nào nhập kho sau sẽ được xuất kho trước tiên, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Phải xuất hết số hàng nhập sau mới xuất đến số hàng nhập trước đó. Vì thế, trị giá hàng tồn cuối kỳ được xác định theo đơn giá của những lần nhập đầu. Nếu tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp này thì chi phí hàng bán tương đối tương ứng với thu nhập.

#### 1.2.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Hoá đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kèm vận chuyển nội bộ;
- Biên bản giao nhận hàng hoá, biên bản kiểm kê hàng hoá
- Các chứng từ khác có liên quan...

#### 1.2.3.3. Tài khoản sử dụng :

##### ◆ **Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hoá, dịch vụ được xác định tiêu thụ trong kỳ.

- ◆ Các tài khoản khác có liên quan như TK 156, 157...

→ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632 :

Nội dung phản ánh của TK 632 có sự khác nhau giữa 2 trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ.

- ✓ Đối với kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ;</li> <li>- Khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;</li> <li>- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá;</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911;</li> <li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);</li> <li>- Trị giá vốn của hàng bán bị trả lại nhập kho.</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh Có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

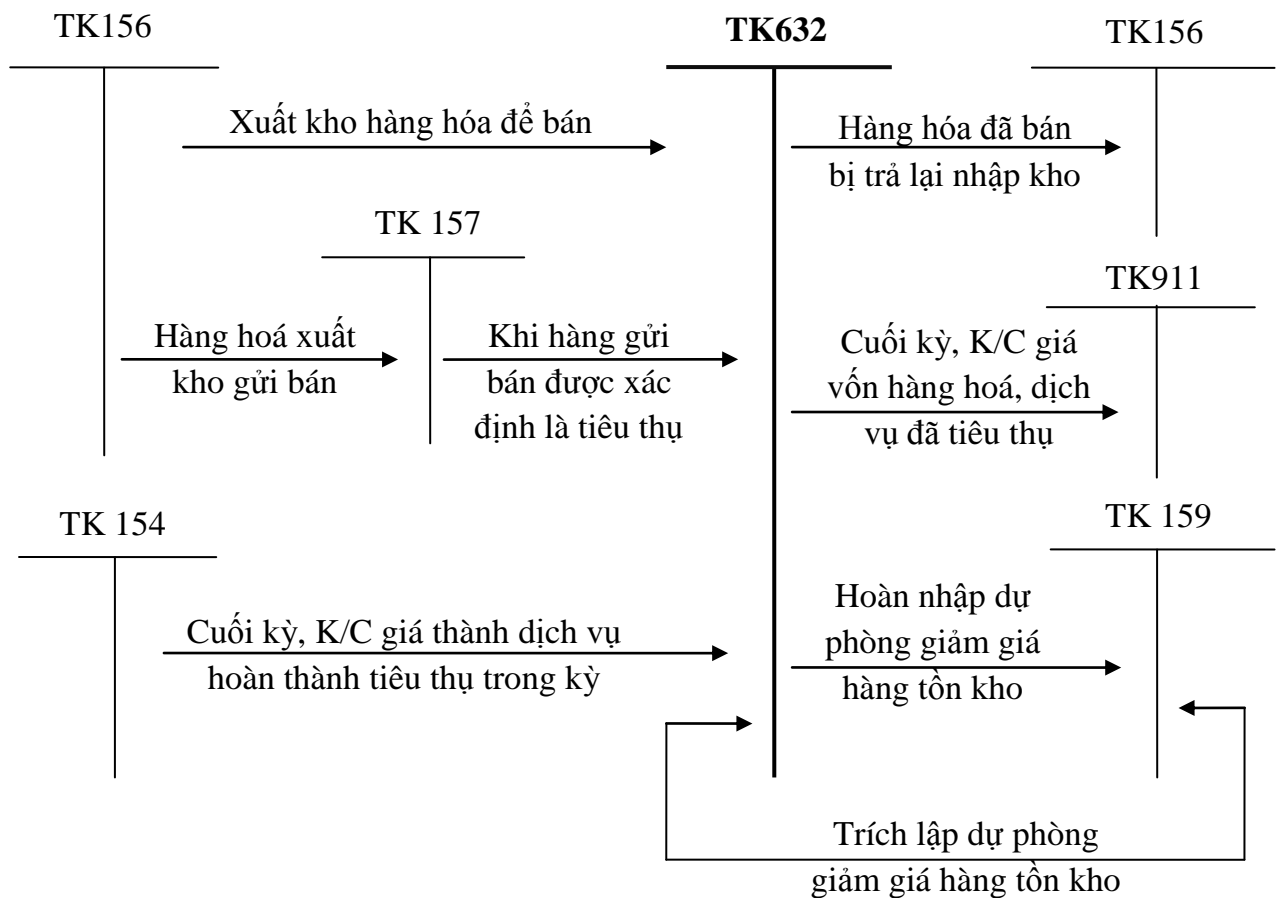
✓ Đối với kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ( DNTM):

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối kỳ, xác định và K/C trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá HTK phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xác định là tiêu thụ trong kỳ sang TK 911</li> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh Có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

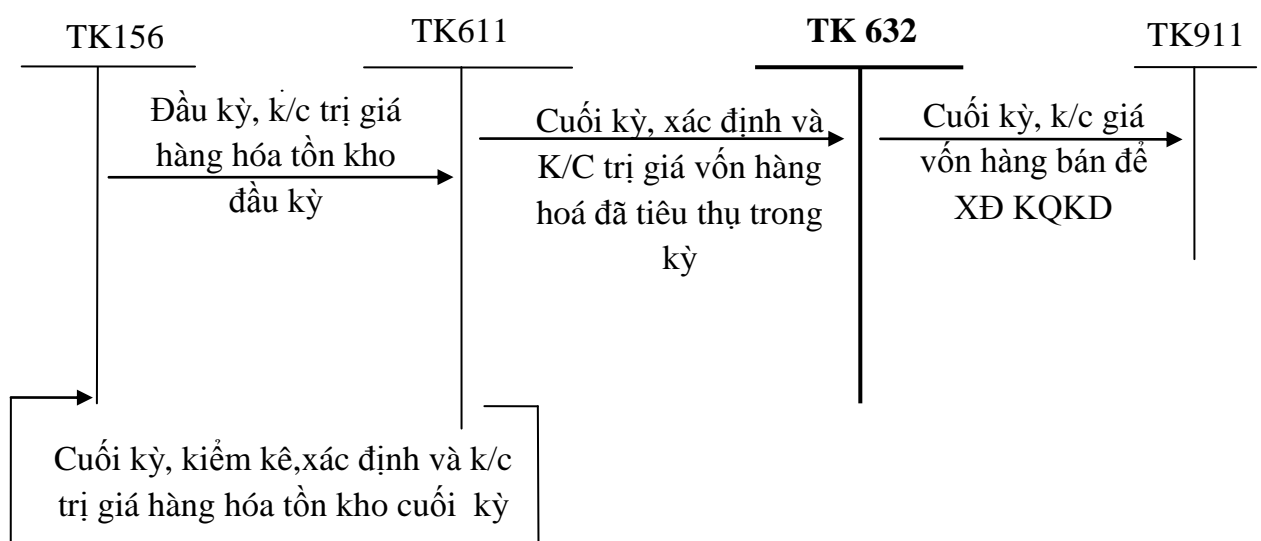
1.2.3.4. Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán:

➔ Theo phương pháp kê khai thường xuyên:



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên

➔ Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:



Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ

**1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng ( CPBH )**

1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng...
- Các chứng từ khác liên quan ...

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

◆ **Tài khoản 641- Chi phí bán hàng.** TK này có 7 TK cấp 2:

- + TK 6411 - Chi phí nhân viên
- + TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- + TK 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415 - Chi phí bảo hành
- + TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác

◆ Các tài khoản khác liên quan như TK 111, 112, 331, 214...

→ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 641:

Nợ	<b>TK 641</b>	Có
Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ		Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911- “ xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
$\Sigma$ Số phát sinh Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh Có

TK 641 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3. Trình tự hạch toán chi phí bán hàng:

Về mặt nguyên tắc:

Chi phí bán hàng là chi phí thời kỳ nên khi phát sinh CPBH trong kỳ phải tiến hành phân loại và tổng hợp theo quy định. Cuối kỳ, chi phí bán hàng cần được phân bổ, kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Việc tính toán phân bổ và kết chuyển CPBH được vận dụng tùy theo loại hình và điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp.

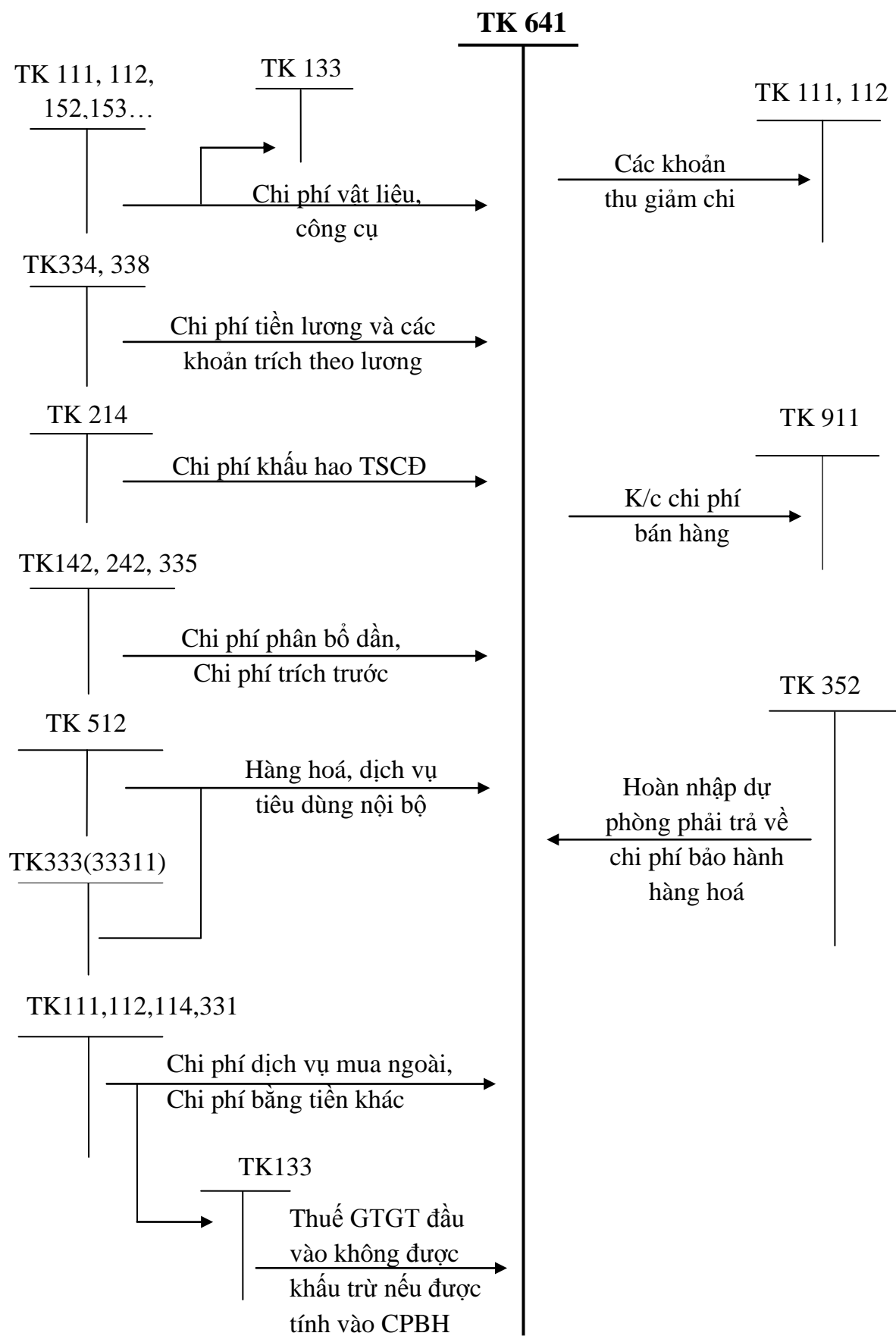
Đối với doanh nghiệp thương mại, trường hợp có dự trữ hàng hoá biến động giữa các kỳ thì phải phân bổ chi phí bán hàng cho hàng tồn kho cuối kỳ, tức là chuyển một phần chi phí bán hàng thành chi phí chờ kết chuyển, phần chi phí bán hàng còn lại phân bổ cho hàng đã bán trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

$$\text{CPBH phân bổ cho hàng tồn cuối kỳ} = \frac{\text{CPBH cần p.bổ đầu kỳ} + \text{CPBH cần p.bổ phát sinh trong kỳ}}{\text{SL hàng tồn đầu kỳ} + \text{SL hàng nhập trong kỳ}} * \text{SL hàng tồn c.kỳ}$$

$$\text{CPBH phân bổ cho hàng bán trong kỳ} = \text{CPBH phân bổ cho hàng tồn đầu kỳ} + \text{CPBH phát sinh trong kỳ} - \text{CPBH p.bổ cho hàng tồn cuối kỳ}$$

Trình tự hạch toán một số nghiệp vụ về chi phí bán hàng được thể hiện trong sơ đồ sau:





**Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí bán hàng**

**1.2.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**

1.2.5.1. *Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hoá đơn bán hàng
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác liên quan...

1.2.5.2. *Tài khoản sử dụng:*

◆ **Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.**TK này có 8 TK cấp 2:

- + TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426 - Chi phí dự phòng
- + TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác

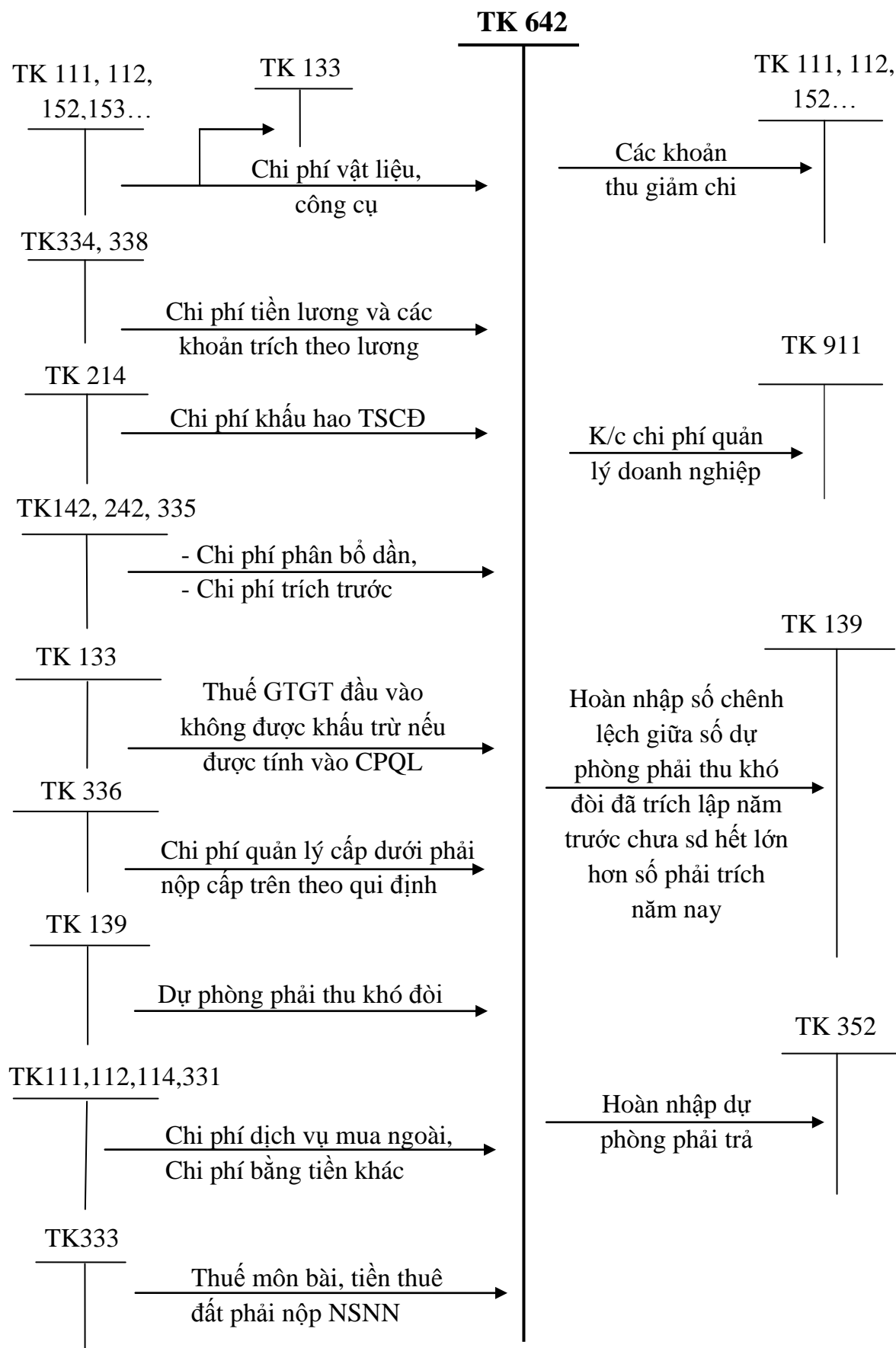
◆ Các tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 214, 334...

→ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 642:

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;</li> <li>- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập kỳ này lớn hơn số đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);</li> <li>- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);</li> <li>- Kết chuyển CPQLDN vào TK911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.</li> </ul>
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 642 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3. Trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp:



**Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

**1.2.6. Kế toán hoạt động tài chính**

Hoạt động tài chính là các hoạt động có liên quan đến việc huy động, khai thác, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp nhằm tăng thu nhập, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

1.2.6.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính:

- Chứng từ kế toán sử dụng:
  - Phiếu thu
  - Giấy báo có của ngân hàng
  - Chứng từ khác liên quan như bảng kê tính lãi...

- Tài khoản sử dụng:

✓ **Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.** TK này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

- ✓ Các tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112,...

→ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 515:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911- “ xác định kết quả kinh doanh” .</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;</li> <li>- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;</li> <li>- Chiết khấu thanh toán được hưởng;</li> <li>- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; hoặc khi bán ngoại tệ; hoặc do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục có gốc ngoại tệ của HĐKD;</li> <li>- K/c hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hđ đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính khác.</li> </ul>
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

1.2.6.2. Kế toán chi phí tài chính:

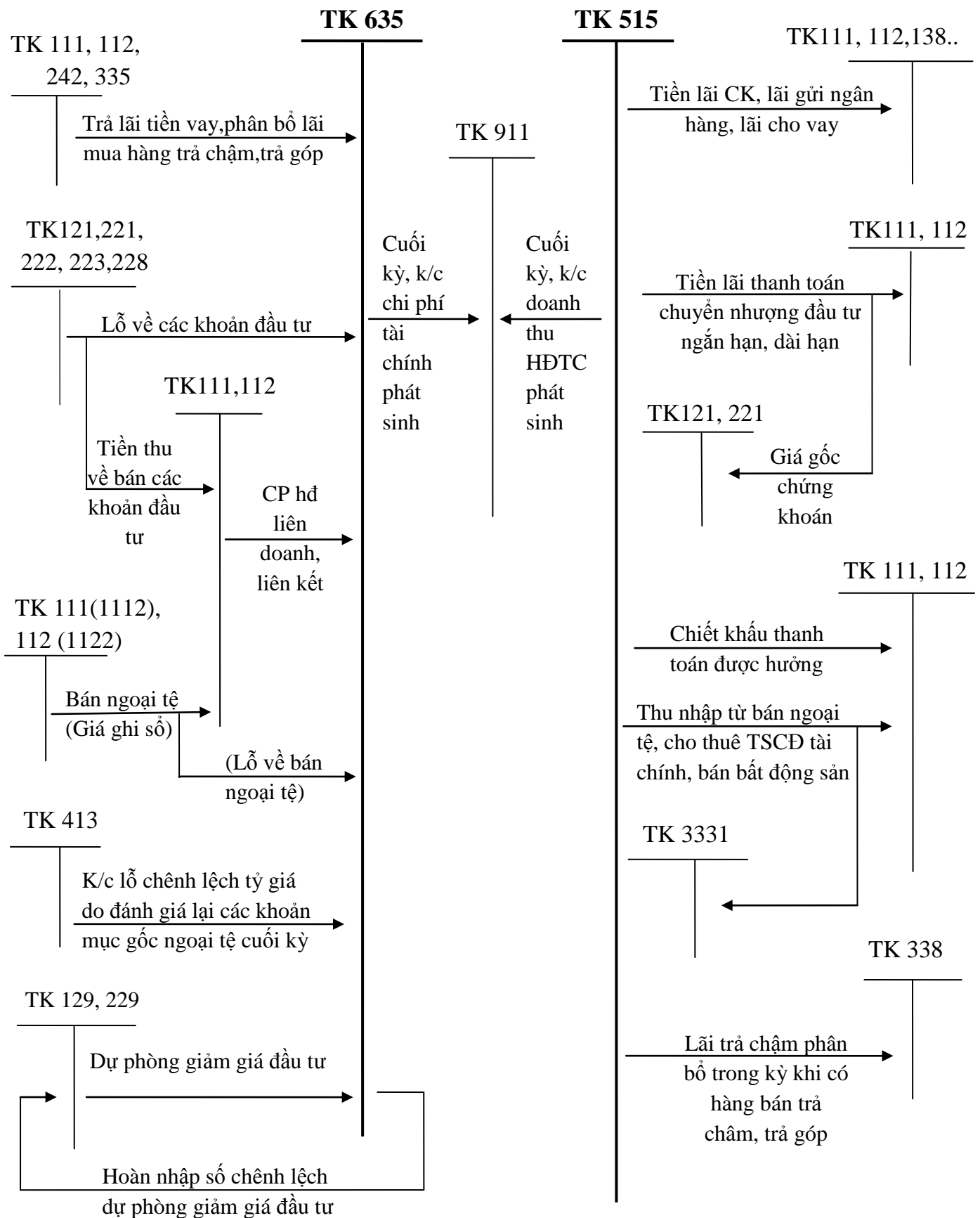
- Chứng từ kế toán sử dụng:
  - Phiếu chi
  - Giấy báo nợ của ngân hàng
  - Chứng từ khác liên quan như hợp đồng vay vốn, bảng tính lãi...
- Tài khoản sử dụng:
  - ✓ **Tài khoản 635 - Chi phí tài chính**
  - ✓ Các tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 413...

→ Kết cấu và nội dung TK 635:

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;</li> <li>- Lỗ bán ngoại tệ;</li> <li>- Chiết khấu thanh toán cho người mua;</li> <li>- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;</li> <li>- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của HĐKD;</li> <li>- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của HĐKD;</li> <li>- K/c hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hđ đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;</li> <li>- Các khoản chi phí của hđ đầu tư TC khác.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;</li> <li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li> </ul>	
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.6.3. Trình tự hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính:



Sơ đồ 1.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

### **1.2.7. Kế toán thu nhập, chi phí khác trong doanh nghiệp**

Hoạt động khác là các hoạt động xảy ra không thường xuyên trong doanh nghiệp, doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính trước nhưng ít có khả năng thực hiện. Các hoạt động này có thể do nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp, cũng có thể do nguyên nhân khách quan.

#### **1.2.7.1. Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng đối với các khoản thu nhập
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng đối với các khoản chi phí
- Các giấy tờ liên quan như: biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ; hợp đồng kinh tế; biên bản xử phạt hành chính;...

#### **1.2.7.2. Tài khoản sử dụng:**

✦ **Tài khoản 711- Thu nhập khác.** TK này phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp gồm một số khoản như:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Thu các khoản phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu( nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật; ....

→ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 711:

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác;</li> <li>- Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911- “ xác định kết quả kinh doanh”</li> </ul>	<p>Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ</p>	
$\Sigma$ Số phát sinh Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh Có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

◆ **Tài khoản 811- Chi phí khác.** TK này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ ( nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

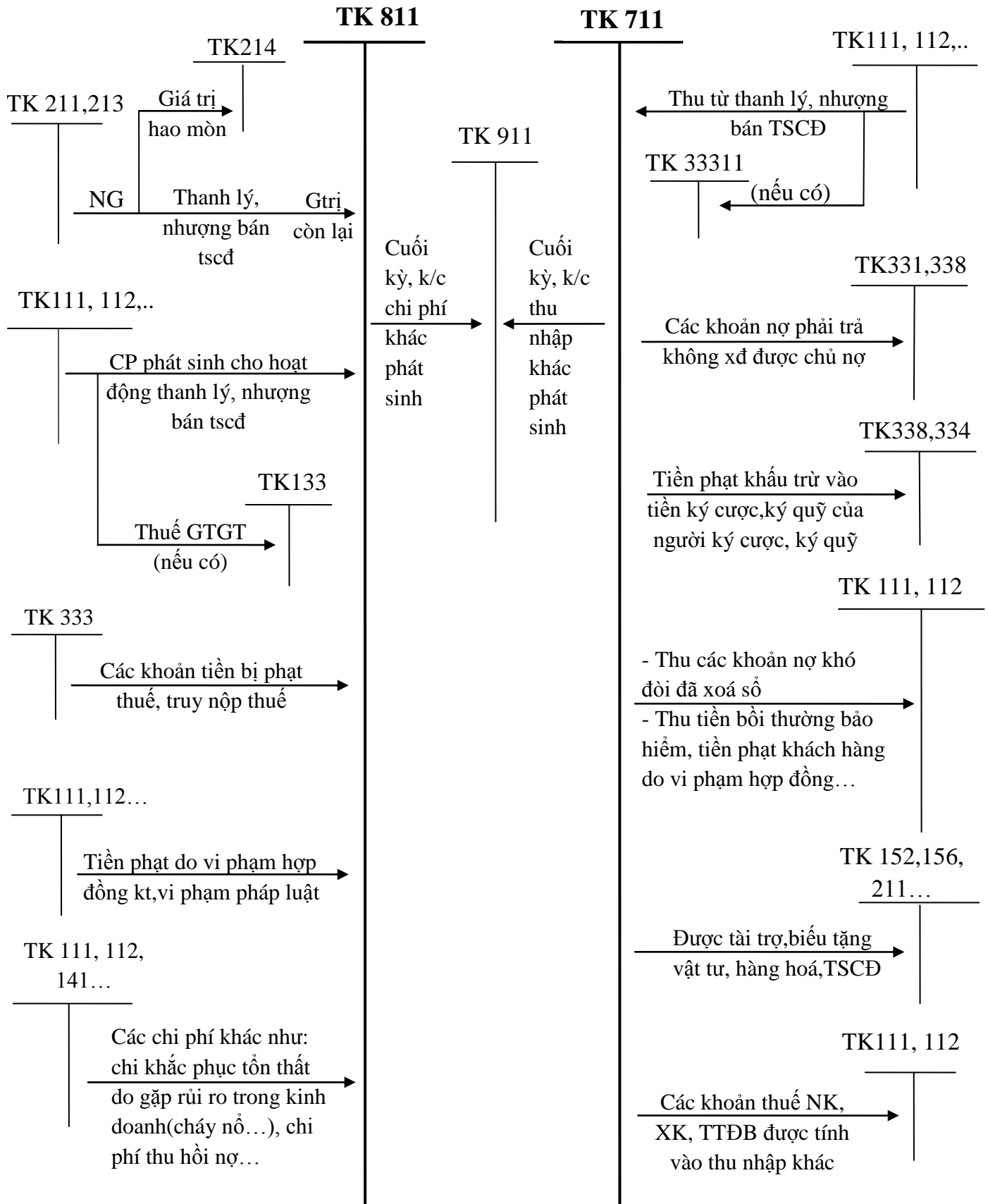
→ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 811

Nợ	TK 811	Có
<p>Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.</p>	<p>Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911- “ xác định kết quả kinh doanh”</p>	
$\Sigma$ Số phát sinh Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh Có

TK 811 không có số dư cuối kỳ



1.2.7.3. Trình tự hạch toán thu nhập khác và chi phí khác:



Sơ đồ 1.9: Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

**1.2.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận (lỗ) của một năm tài chính.

1.2.8.1. Tài khoản sử dụng :

✦ **Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

+ TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

+ TK 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

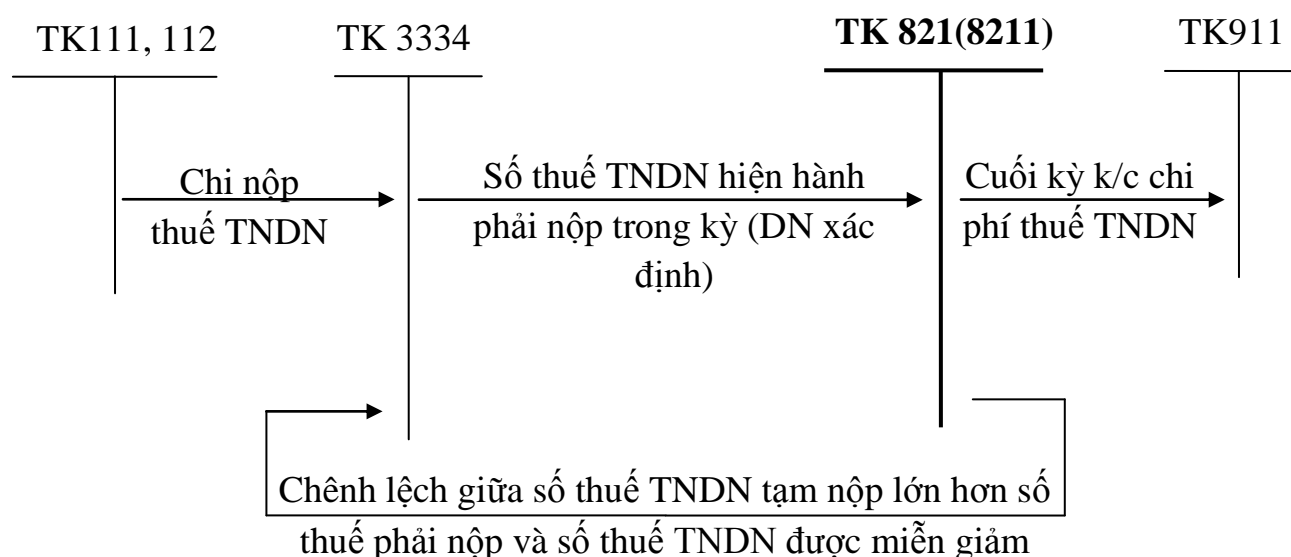
✦ Các tài khoản khác có liên quan như : TK 3334, 911...

→ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 8211- chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành:

Nợ	TK 8211	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm;</li> <li>- Thuế TNDN hiện hành các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập hiện hành đã ghi nhận trong năm;</li> <li>- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trọng năm hiện tại;</li> <li>- Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên Nợ TK 911.</li> </ul>	
Σ Số phát sinh Nợ	Σ Số phát sinh Có	

TK 8211 không có số dư cuối kỳ

1.2.8.2. Trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành:



**Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

**1.2.9. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

1.2.9.1. Cách xác định kết quả kinh doanh :

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời gian nhất định, là tấm gương phản chiếu rõ ràng về hiệu quả của các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nhà quản trị luôn phải nắm bắt rõ được hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có những phương hướng phù hợp thúc đẩy doanh nghiệp phát triển vững mạnh.

Sau một kỳ kế toán, cần xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là kết quả từ hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng ,cung cấp dịch vụ; được xác định bằng công thức sau:

<i>KQ HĐ sản xuất, kinh doanh</i>	=	<i>DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	-	<i>Giá vốn hàng bán</i>	-	<i>Chi phí bán hàng</i>	-	<i>Chi phí quản lý DN</i>
-----------------------------------	---	--	---	-------------------------	---	-------------------------	---	---------------------------

Trong đó:

$$DTT \text{ về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

- Kết quả hoạt động tài chính là kết quả của các hoạt động có liên quan đến việc huy động, khai thác, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp:

$$Kết \text{ quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

- Kết quả hoạt động khác là kết quả của những hoạt động bất thường trong doanh nghiệp, là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

$$Kết \text{ quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.2.9.2. Tài khoản sử dụng :

◆ **Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ hạch toán.

→ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 911:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;</li> <li>- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác;</li> <li>- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp;</li> <li>- Kết chuyển lãi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ bán trong kỳ;</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN;</li> <li>- Kết chuyển lỗ.</li> </ul>	
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

◆ **Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh ( lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

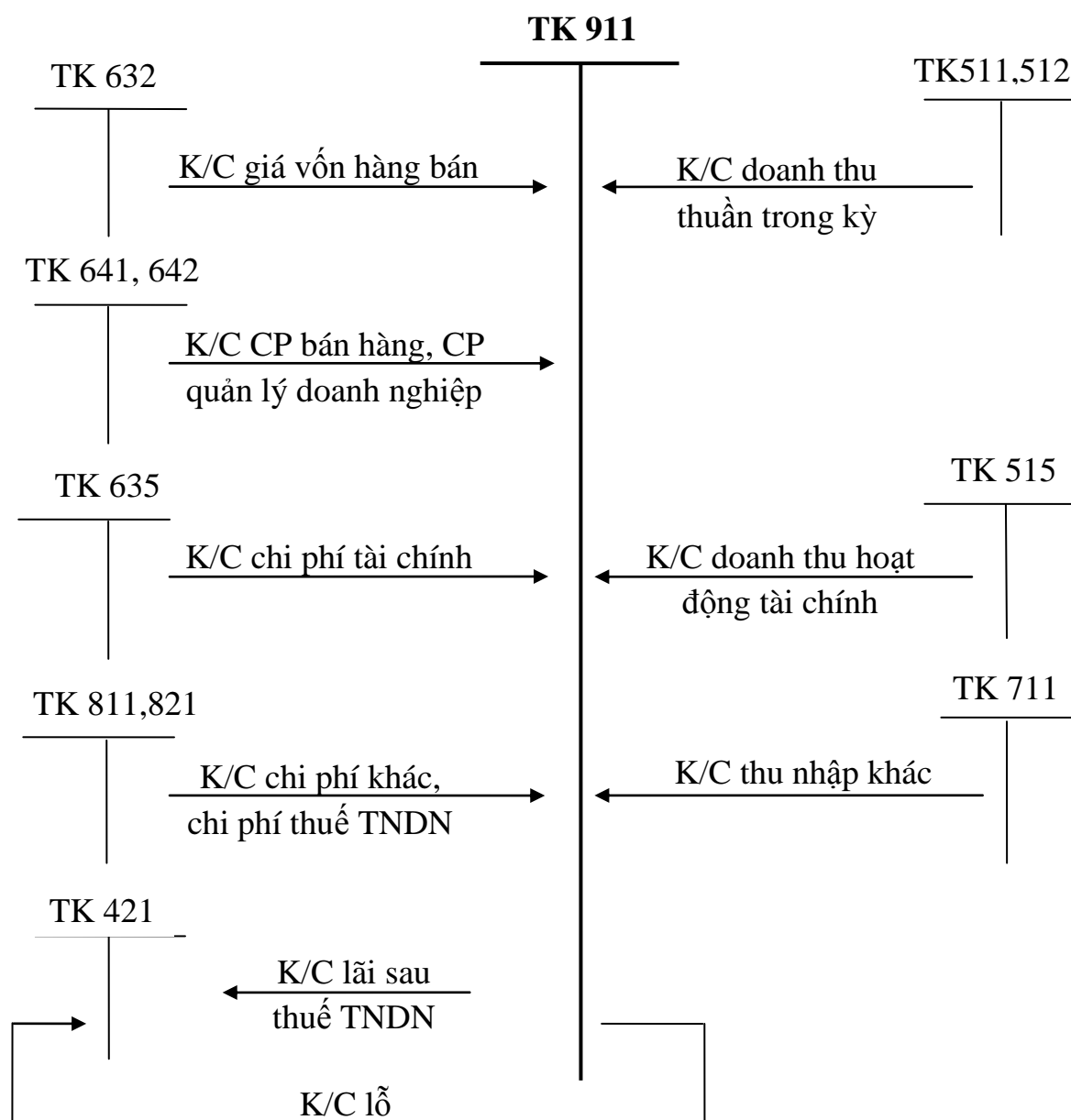
Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2:

- + **TK 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước** : Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước.
- + **TK 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay** : Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay.

→ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 421:

Nợ	TK 421	Có
<p><b>Số lỗ về hoạt động sản xuất, kinh doanh chưa xử lý đầu kỳ.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</li> <li>- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;</li> <li>- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;</li> <li>- Bổ sung nguồn vốn kinh</li> </ul>	<p><b>Số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chưa phân phối hoặc chưa sử dụng đầu kỳ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;</li> <li>- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ cấp dưới được cấp trên cấp bù;</li> <li>- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.</li> </ul>	
<p><math>\Sigma</math> Số phát sinh Nợ</p>		<p><math>\Sigma</math> Số phát sinh Có</p>
<p><b>Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý cuối kỳ.</b></p>		<p><b>Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng cuối kỳ.</b></p>

1.2.9.3. Trình tự hạch toán :



*Sơ đồ 1.11: Kế toán xác định kết quả kinh doanh*

**1.3. Tổ chức vận dụng sổ kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

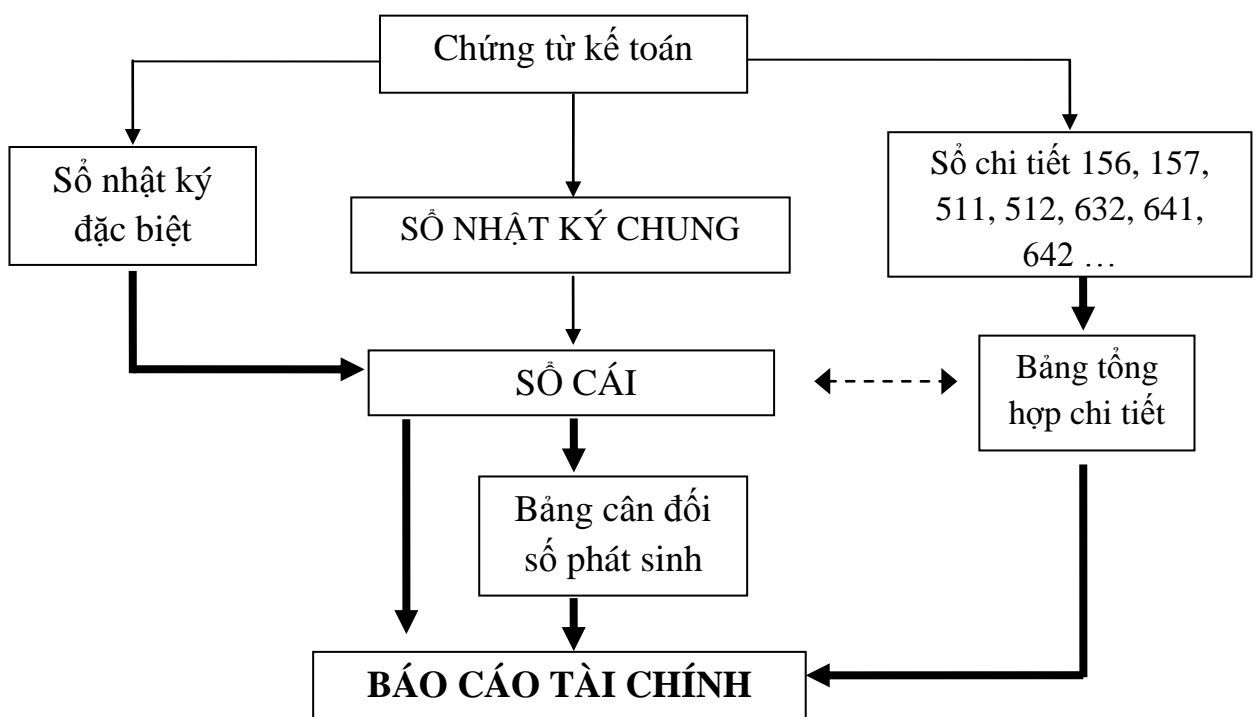
Để ghi chép và hệ thống hoá thông tin kế toán, mỗi doanh nghiệp sử dụng một loại hình thức sổ kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ đội ngũ cán bộ kế toán của doanh nghiệp.

Hiện nay, doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau: Nhật ký chung, Nhật ký- Sổ Cái, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký- Chứng từ, Kế toán trên máy vi tính.

**1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung**

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi vào Sổ Cái các tài khoản có liên quan.

- Trình tự ghi sổ:



**Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**

- Ghi chú: Ghi hàng ngày —————>  
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ —————>  
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <----->

**1.3.2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

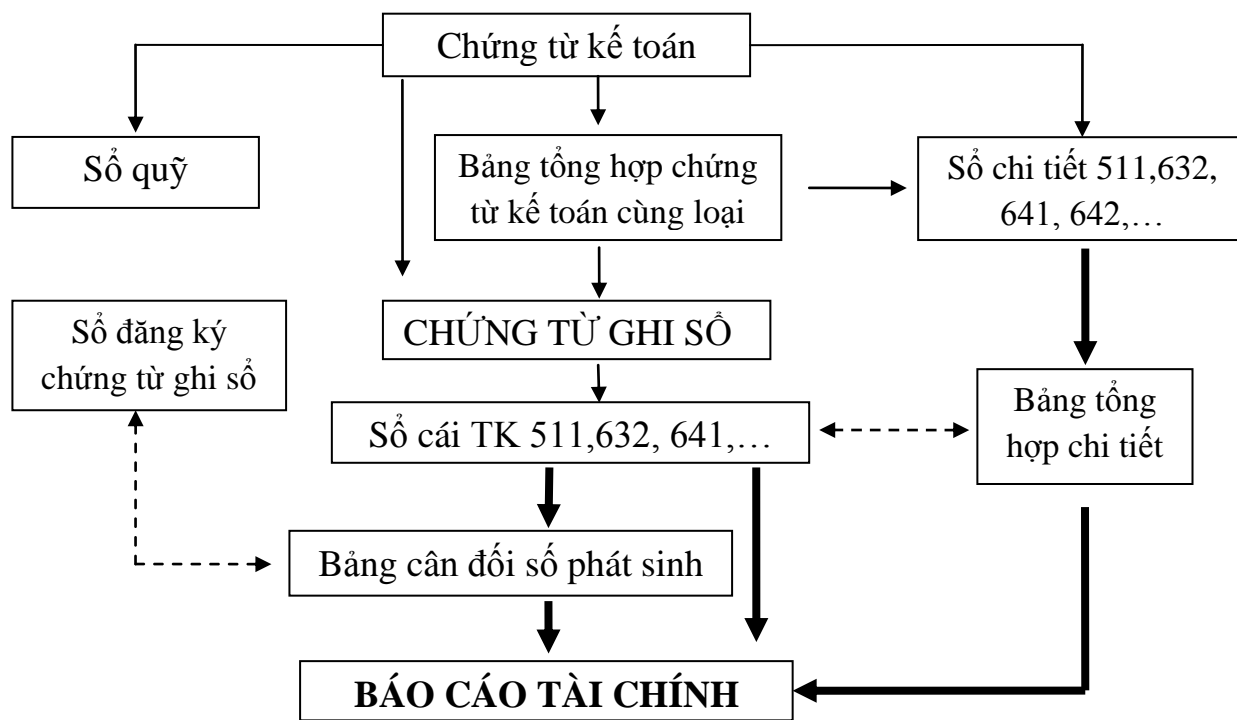
- Đặc điểm: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

- Trình tự ghi sổ:



**Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ**

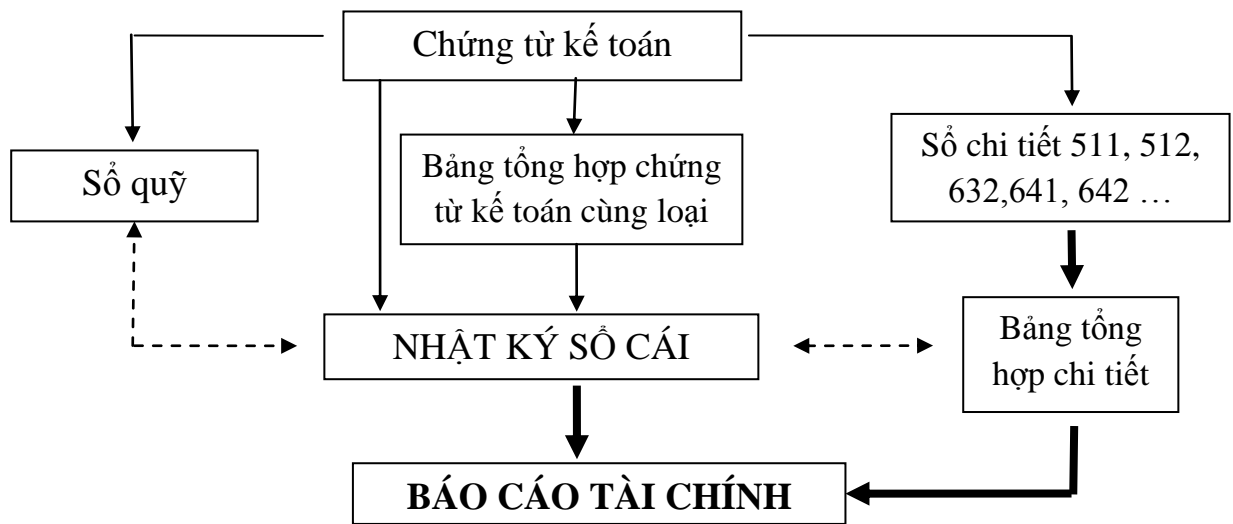
Ghi chú: Ghi hàng ngày (định kỳ) —————>  
 Ghi cuối tháng (hoặc định kỳ) —————>  
 Đối chiếu, kiểm tra <----->

**1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái**

- Đặc điểm: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ Cái

- Trình tự ghi sổ:





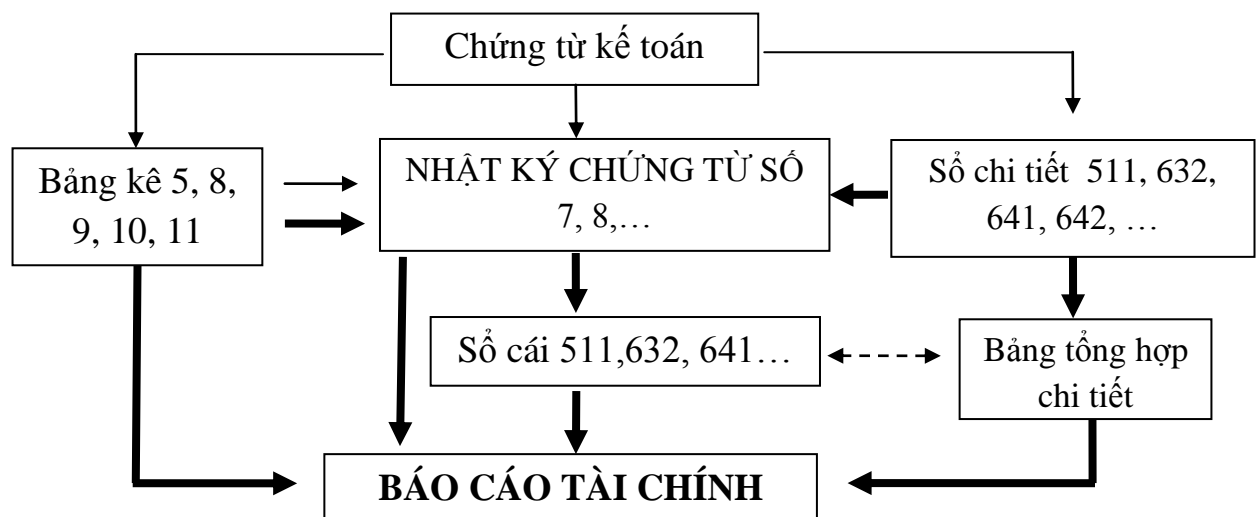
**Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký- Sổ Cái**

Ghi chú: Ghi hàng ngày →  
 Ghi cuối tháng (hoặc định kỳ) →  
 Đối chiếu, kiểm tra ↔

**1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ**

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào Bảng kê và Nhật ký- Chứng từ , sổ chi tiết có liên quan; cuối tháng, tổng hợp số liệu trên các Nhật ký- Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

- Trình tự ghi sổ:



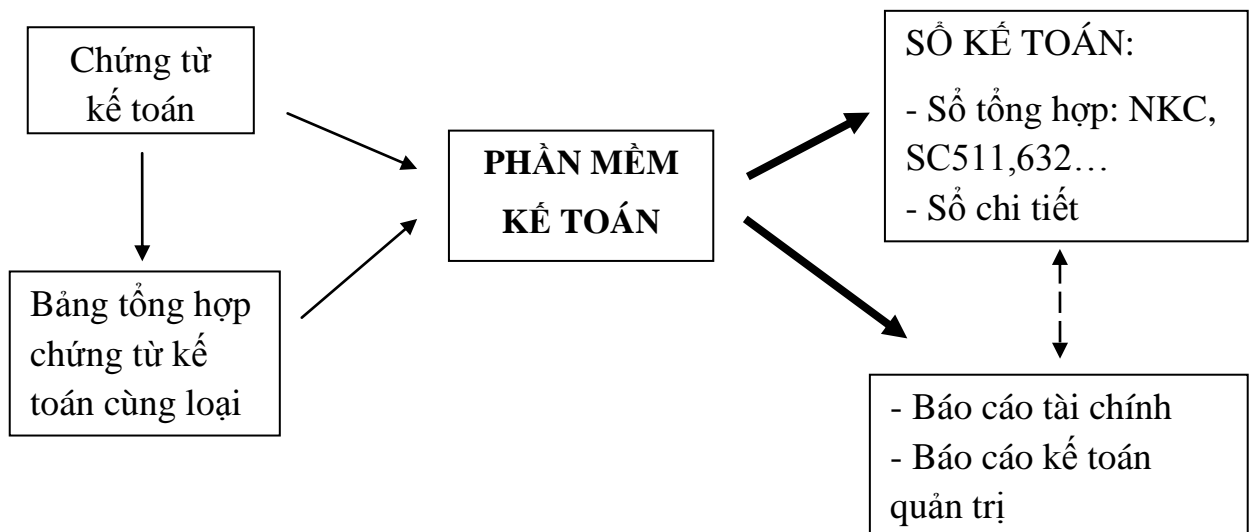
**Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký- Chứng từ**

Ghi chú: Ghi hàng ngày →  
 Ghi cuối tháng (định kỳ) →  
 Đối chiếu, kiểm tra ↔

**1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

- Đặc điểm: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên và phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện hướng dẫn trong thông tư 103/2005/TT-BTC ban hành ngày 24/11/2005. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

- Trình tự ghi sổ:



**Sơ đồ 1.16. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy**

Ghi chú:      Nhập số liệu hàng ngày                      —————>  
                   In sổ, báo cáo định kỳ                        —————>  
                   Đối chiếu, kiểm tra                                <----->

## CHƯƠNG 2:

# **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG**

### **2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty cổ phần thép Châu Phong**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty cổ phần thép Châu Phong**

- Tên doanh nghiệp: **Công ty cổ phần thép Châu Phong**
- Tên giao dịch quốc tế : *Châu Phong Steel Joint-stock Company*
- Email: [ChauPhongsteel@vnn.vn](mailto:ChauPhongsteel@vnn.vn)
- Trụ sở giao dịch : Thôn Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
  - Vốn điều lệ : 35 tỷ đồng
  - Mã số thuế : 0200636699
  - Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.
  - *Công ty cổ phần thép Châu Phong* chính thức được thành lập và đi vào kinh doanh từ ngày 14 tháng 7 năm 2005 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001611.
- Ngành nghề kinh doanh đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh:
  - + Kinh doanh hàng hoá, các nguyên phụ liệu phục vụ cho ngành công nghiệp thép.
  - + Kinh doanh vật tư thứ liệu, phế liệu, vật liệu kim loại, kinh doanh xi măng, máy móc, thiết bị phụ tùng.
  - + Sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất và gia công các mặt hàng kim khí, cơ khí.
  - + Kinh doanh dịch vụ kho bãi, kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch, dịch vụ xuất nhập khẩu.

- Ngành hàng kinh doanh mũi nhọn của công ty hiện nay là kinh doanh mặt hàng thép, với các sản phẩm thép ống, thép lá, thép cuộn, thép tấm các loại..., đây là những mặt hàng thuộc ngành công nghiệp nặng có giá trị giao dịch cao, sản phẩm của công ty cung cấp cho các nhà máy đóng tàu, công trình kết cấu thép, các công ty kinh doanh thép khác ở Hải Phòng và khu vực miền Bắc...

- Hiện tại, để đáp ứng nhu cầu dự trữ, tập kết hàng hoá công ty có 3 kho hàng: kho chính tại thôn Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương với diện tích hơn 8000 m<sup>2</sup>, kho tại tổng kho kim khí 52 Sở Dầu và kho đường Mười.

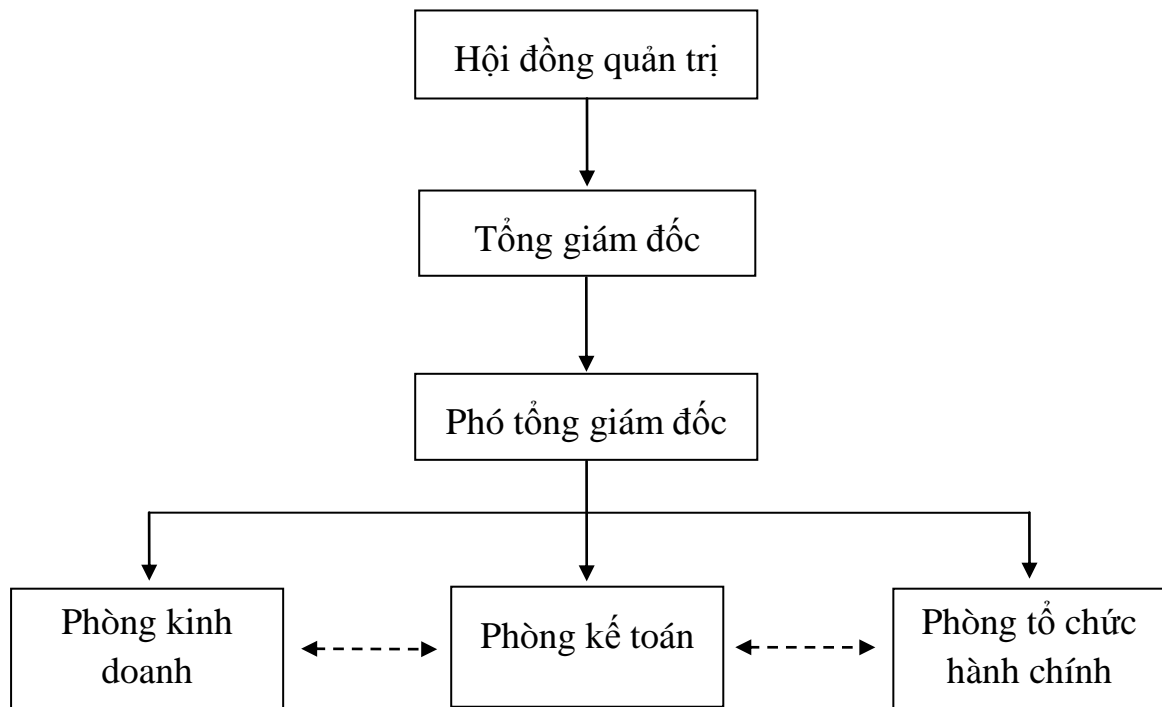
- Là một doanh nghiệp trẻ, thành lập chưa được 5 năm, hoạt động trong cơ chế thị trường hiện nay, với sự cạnh tranh gay gắt, quyết liệt của các doanh nghiệp kinh doanh buôn bán thép khác, đặc biệt là những năm gần đây, giá thép không ổn định, thị trường sắt thép thế giới và trong nước luôn biến động không ngừng đã làm cho công ty gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, vượt lên trên những khó khăn đó, công ty cũng đã đạt được một số kết quả đáng khả quan:

Năm	2007	2008	2009
Chỉ tiêu			
Doanh thu bán hàng hóa	150.739.420.750	162.663.763.547	209.791.280.809
Lợi nhuận sau thuế	893.767.992	792.536.694	1.219.394.461

Với mục tiêu không ngừng phát triển kinh doanh, tối đa hoá lợi nhuận, tạo việc làm ổn định cho cán bộ công nhân viên, đảm bảo lợi ích của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước theo luật định, ban giám đốc công ty luôn cố gắng đưa ra những phương hướng kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất, giúp công ty phát triển bền vững, tạo được lòng tin, uy tín trước các bạn hàng.

### **2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý :**

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty được bố trí theo kiểu trực tuyến chức năng. Tổng giám đốc điều hành trực tiếp hoạt động công ty thông qua phó tổng giám đốc và các trưởng phòng ban; ngược lại, các phòng ban có chức năng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao cũng như tham mưu cho ban giám đốc những ý kiến, những đề xuất để xây dựng và phát triển công ty.



**Sơ đồ 2.1. Bộ máy quản lý của công ty CP thép Châu Phong**

Ghi chú:             $\longrightarrow$             Quan hệ chỉ đạo  
                           $\longleftrightarrow$             Quan hệ phối hợp

Chức năng của các bộ phận như sau:

❖ **Hội đồng quản trị:**

- Hoạch định chiến lược, đề ra những giải pháp cho công ty.
- Đầu tư vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật.
- Bổ nhiệm các chức danh trong công ty ....

❖ **Tổng giám đốc:**

- Đề đạt các phương án kinh doanh trước hội đồng quản trị
- Là người đứng đầu có quyền tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo các phương án đã được hội đồng quản trị thông qua, chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trước hội đồng quản trị.
- Là đại diện pháp nhân của công ty trong quan hệ kinh tế, trước cơ quan pháp luật, tài phán.

**❖ Phó tổng giám đốc:**

- Có nhiệm vụ thay mặt tổng giám đốc khi tổng giám đốc đi vắng hoặc được tổng giám đốc uỷ quyền, giao quyền hạn để giải quyết và điều hành công tác nội chính, có trách nhiệm thường xuyên bàn bạc với tổng giám đốc về công tác tổ chức, tài chính, kinh doanh, tạo điều kiện cho tổng giám đốc nắm bắt và điều chỉnh kế hoạch.

- Triển khai các công việc đã thống nhất xuống các bộ phận kịp thời và thông tin nhanh những thuận lợi, khó khăn trong việc điều hành để tổng giám đốc rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng chỉ đạo mới.

**❖ Phòng kế toán:**

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán thống kê và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan trong hoạt động tài chính kế toán của công ty.

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán linh hoạt, gọn nhẹ, làm việc có hiệu quả trong phạm vi toàn công ty phù hợp với mô hình tổ chức kinh doanh.

- Theo dõi, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách trung thực, đầy đủ, kịp thời trong quá trình hoạt động kinh doanh. Tính toán và trích nộp đầy đủ các khoản nộp ngân sách, thanh toán đúng hạn các khoản vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả...

- Tổng hợp các số liệu báo cáo tài chính, cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng theo chế độ quy định.

- Phân tích hoạt động kinh tế nhằm đánh giá đúng đắn tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Tổ chức quản lý, lưu trữ, gìn giữ các bí mật, tài liệu kế toán.

**❖ Phòng tổ chức hành chính:**

- Tổ chức bộ máy hành chính nhân sự, xây dựng các nội quy làm việc, tổ chức công tác văn thư, lưu trữ.

- Soạn thảo và trình giám đốc ký kết các hợp đồng lao động, đề xuất những ý kiến cho ban giám đốc công ty về giải quyết vấn đề tuyển dụng, phân công lao động. Theo dõi thời gian làm việc, tình hình làm việc, chất lượng công việc,... xây dựng thang bảng lương của các cán bộ công nhân viên...

❖ **Phòng kinh doanh:**

- Theo dõi hoạt động kinh doanh của công ty, tìm hiểu thị trường, tham mưu cho giám đốc về phương hướng tổ chức kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ;
- Tìm kiếm đối tác và nguồn khách hàng mới cho công ty.
- Thiết lập mối quan hệ lâu dài với các bạn hàng...

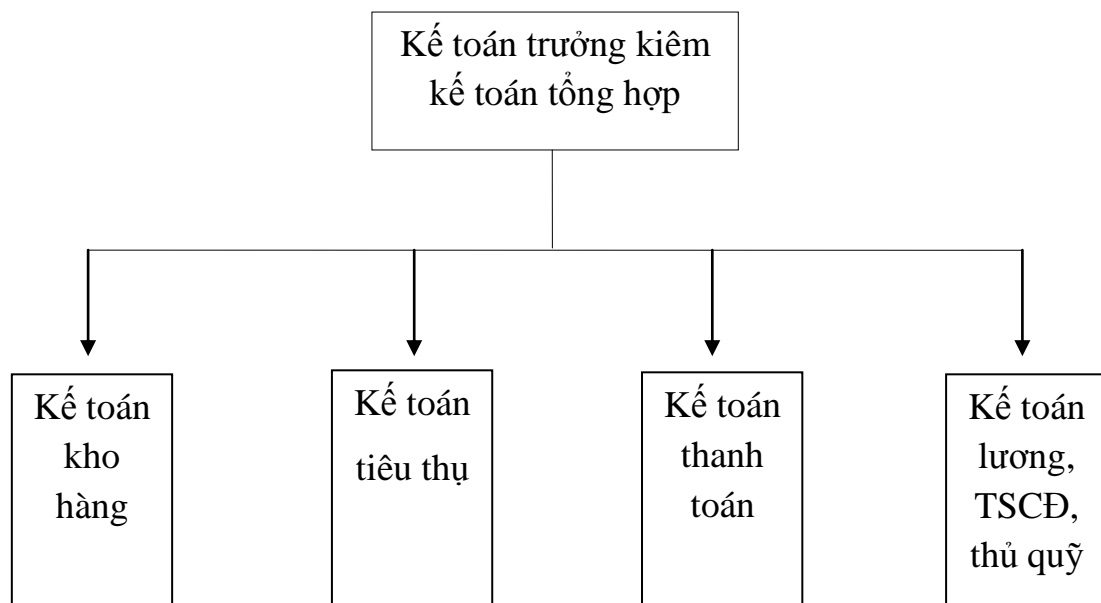
**2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần thép Châu Phong**

2.1.3.1. Bộ máy kế toán của công ty:

Hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng trong việc điều hành và quản lý kinh doanh, là công cụ hữu hiệu trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế tài chính trong đơn vị cơ sở cũng như toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Để công tác kế toán có tác dụng tích cực đối với yêu cầu quản lý thì công việc quan trọng là phải tổ chức bộ máy kế toán như thế nào cho phù hợp với đặc điểm tổ chức, quy mô hoạt động kinh doanh, với tình hình phân cấp quản lý tài chính cũng như khả năng, trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có của công ty.

Đây là sơ đồ mô tả cơ cấu bộ máy kế toán của công ty:



**Sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán Công ty CP thép Châu Phong**

Phòng kế toán của công ty gồm một kế toán trưởng và các nhân viên kế toán làm việc kết hợp chặt chẽ với nhau dưới sự phân công công việc của kế toán trưởng .

- Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:
  - Điều hành bộ máy kế toán, chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc về công tác tài chính kế toán của công ty theo chế độ hiện hành.
  - Thiết kế phương án tự chủ tài chính, đảm bảo khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn vốn của công ty như tính toán chính xác mức vốn cần thiết, tìm mọi biện pháp giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho công ty.
  - Làm công việc của kế toán tổng hợp, kiểm tra, tổng hợp số liệu, lập báo cáo tài chính thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
- Kế toán kho hàng: Quản lý, hạch toán hoạt động mua hàng gồm nhập khẩu trực tiếp, mua hàng khai thác của các công ty, mua hàng của các nhà máy sản xuất trong nước; theo dõi hàng tồn kho; phản ánh và theo dõi tình hình công nợ với nhà cung cấp...
- Kế toán tiêu thụ: Quản lý công tác tiêu thụ hàng hoá, theo dõi tình hình công nợ các khoản phải thu khách hàng, đơn đốc đòi chiếu công nợ.
- Kế toán tiền lương, TSCĐ, thủ quỹ : Theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ, tiến hành trích khấu hao TSCĐ; hạch toán các khoản tiền lương và bảo hiểm xã hội cho cán bộ công nhân viên; quản lý, bảo quản quỹ tiền mặt, thu tiền và xuất quỹ theo các chứng từ hợp lệ...
- Kế toán thanh toán: Theo dõi và phản ánh chính xác các biến động liên quan đến các khoản thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng...

#### 2.1.3.2. Đặc điểm chính sách, chế độ kế toán áp dụng :

Hiện nay, công ty cổ phần thép Châu Phong đang áp dụng việc hạch toán kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- ✓ Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến ngày 31/12.
- ✓ Đơn vị tiền tệ trong ghi chép hạch toán kế toán : đồng Việt Nam.
- ✓ Nguyên tắc và phương pháp quy đổi các đồng tiền khác: theo tỷ giá giao dịch thực tế. Số dư cuối kỳ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo.



✓ Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng, xác định thời gian khấu hao theo quyết định 206/2003/QĐ- BTC.

✓ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp xác định trị giá hàng hoá xuất kho: phương pháp bình quân liên hoàn.

✓ Phương pháp tính thuế GTGT : Công ty áp dụng tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

✓ Hình thức kế toán : Hình thức kế toán trên máy vi tính, công ty sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting 2008.f.

### 2.1.3.3. Đặc điểm hình thức kế toán máy công ty đang áp dụng:

Ngày nay, với sự phát triển tiên tiến của công nghệ thông tin, việc áp dụng phần mềm kế toán đã được các công ty sử dụng rất phổ biến trong công tác hạch toán kế toán của công ty mình. Việc áp dụng và sử dụng phần mềm kế toán đã giúp cho các nhà quản trị có được những thông tin ưu việt, nhanh chóng. Điều này đã hỗ trợ đắc lực giúp cho các nhà quản trị quản lý công ty và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty tốt hơn rất nhiều.

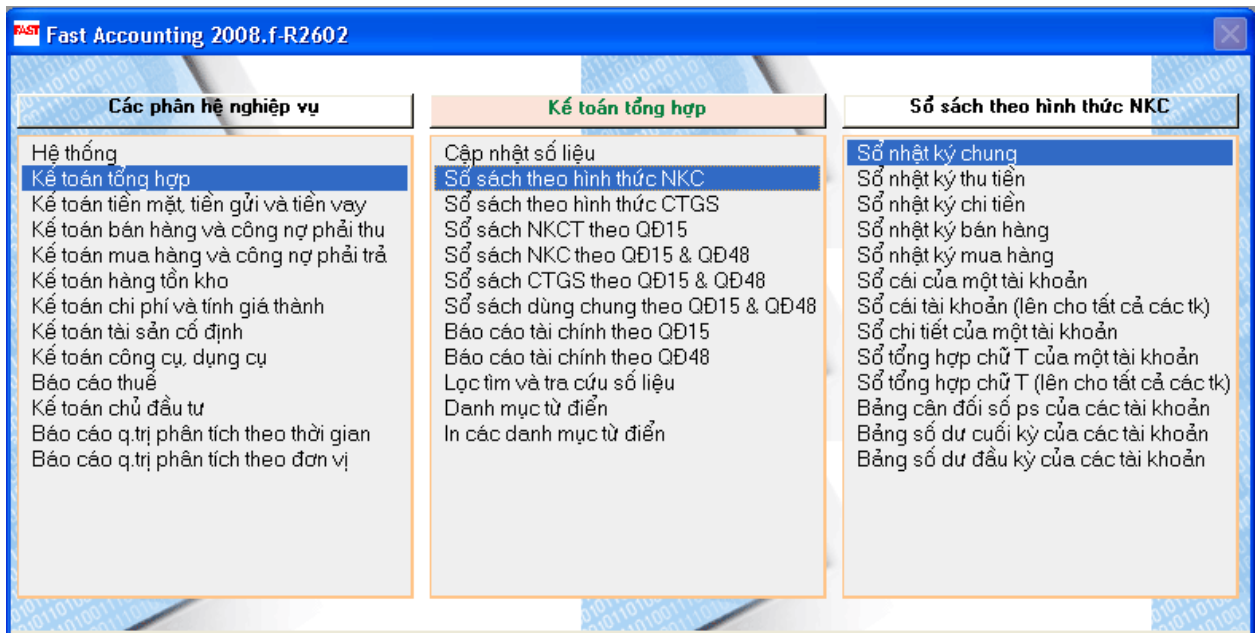
Thấy được lợi ích đó, công ty cổ phần thép Châu Phong cũng đã vi tính hoá công tác hạch toán kế toán của mình cho phù hợp với yêu cầu quản lý, công tác kế toán của công ty đã áp dụng phần mềm kế toán Fast Accounting 2008.f - phần mềm dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ - do Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST thiết kế.

Các phân hệ nghiệp vụ trong phần mềm như sau:

1. Hệ thống
2. Phân hệ kế toán tổng hợp
3. Phân hệ kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay
4. Phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu
5. Phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả
6. Phân hệ kế toán hàng tồn kho
7. Phân hệ kế toán chi phí và tính giá thành

8. Phân hệ kế toán TSCĐ
9. Phân hệ kế toán công cụ, dụng cụ
10. Báo cáo thuế
11. Phân hệ kế toán chủ đầu tư
12. Phân hệ báo cáo quản trị phân tích theo thời gian
13. Phân hệ báo cáo quản trị phân tích theo đơn vị.

→ Đây là giao diện của phần mềm Fast Accounting 2008.f:



**Màn hình 1: Giao diện phần mềm Fast Accounting**

⇒ Bộ sổ sách của hình thức kế toán máy công ty đang áp dụng là bộ sổ sách kế toán được thiết kế theo hình thức Nhật ký chung nhưng không giống hoàn toàn mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

⇒ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu của từng phần hành được thiết kế sẵn trên phần mềm.

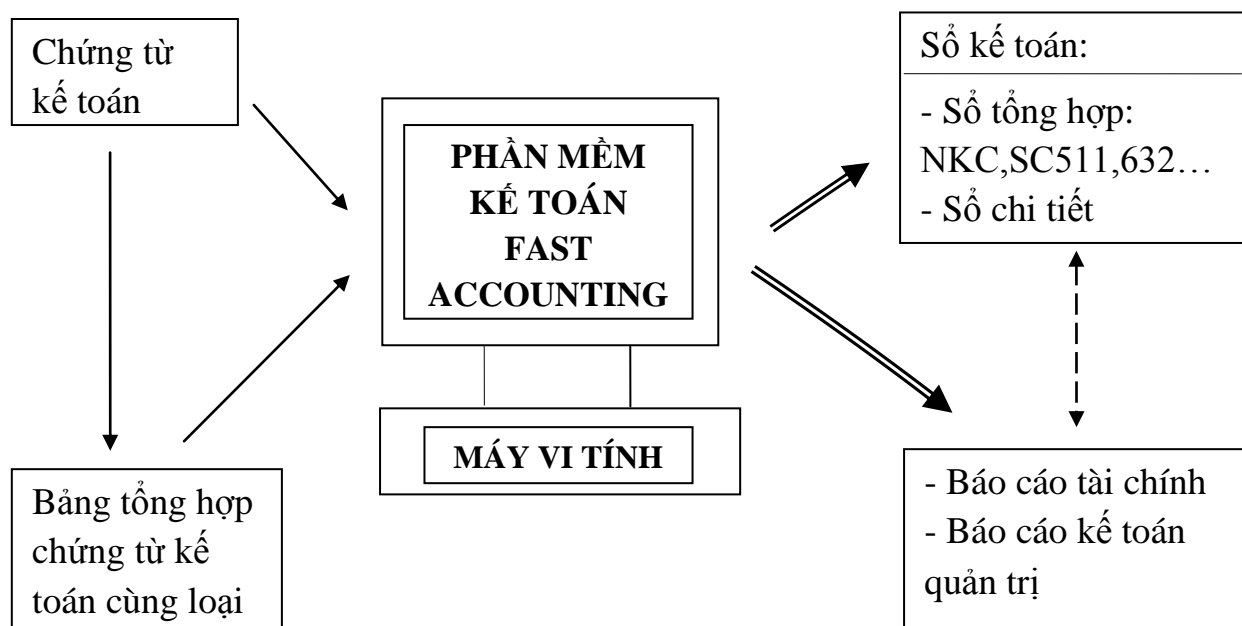
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp( Nhật ký chung, sổ cái...) và sổ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các bút toán phân bổ, kết chuyển..., khoá sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định, sao lưu dữ liệu, chuyển kỳ kế toán.

Cuối kỳ, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

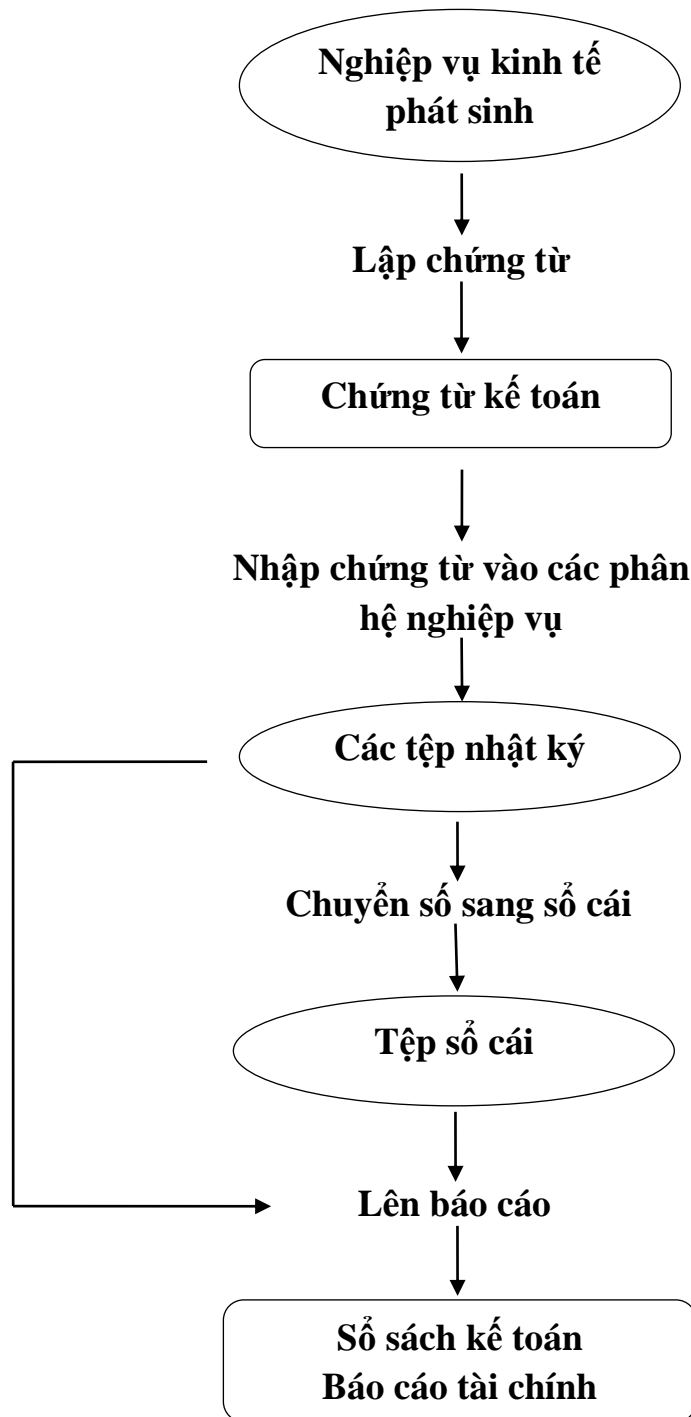
Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy được mô tả tổng quát theo sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy**

- Ghi chú:
- > Nhập số liệu hàng ngày
  - =====> In sổ, báo cáo cuối kỳ
  - ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

➤ Đối với phần mềm kế toán Fast Accounting, quy trình xử lý số liệu được thực hiện như mô tả của sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.4 : Quy trình xử lý số liệu trong phần mềm kế toán Fast Accounting**  
 (Nguồn dữ liệu: Hướng dẫn sử dụng phần mềm Fast Accounting)

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thép Châu Phong**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ:**

✓ Đặc điểm doanh thu: Doanh thu của công ty cổ phần thép Châu Phong chủ yếu phát sinh từ hoạt động bán hàng hoá.

✓ Phương thức bán hàng :

+ Phương thức bán hàng trực tiếp: Công ty sẽ giao hàng cho khách hàng tại kho của công ty. Sau khi người mua nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn thì số hàng bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

+ Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận: Công ty sẽ gửi hàng cho khách hàng theo các điều kiện đã ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của công ty, cho đến khi khách hàng nhận được số hàng đó, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng đó coi là được tiêu thụ.

✓ Phương thức thanh toán: Công ty thực hiện phương thức thanh toán đa dạng, phụ thuộc vào các hợp đồng kinh tế đã được ký kết:

+ Thanh toán ngay, có thể bằng tiền mặt, hoặc không bằng tiền mặt như séc, chuyển khoản...

+ Thanh toán chậm: khách hàng có thể trả chậm trong một khoảng thời gian nhất định. Thời gian chậm trả được thoả thuận và quy định rõ trong hợp đồng, nếu khách hàng không thanh toán đúng hạn thì sẽ phải chịu lãi của phần tiền quá hạn theo lãi suất của ngân hàng.

#### **2.2.1.1. Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng kinh tế
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng...

#### **2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng:**

✓ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ  
Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hoá
- Các tài khoản khác có liên quan: TK 333, 111, 112, 131

## ✓ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 511
- Bảng kê hoá đơn bán hàng
- Sổ cái các tài khoản liên quan

2.2.1.3. Quy trình hạch toán:

Khi khách hàng có nhu cầu mua hàng sẽ liên hệ với phòng kinh doanh của công ty, hai bên sẽ thoả thuận ký kết hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hoá. Căn cứ vào hợp đồng kinh tế được ký kết cũng như số lượng thực tế xuất kho kế toán tiến hành viết hoá đơn GTGT.

Kế toán trưởng xem xét thông qua hoá đơn, sau đó hoá đơn được chuyển lên cho Tổng giám đốc ký duyệt.

Sau đó, kế toán sẽ tiến hành cập nhật số liệu vào phần mềm: Vào phân hệ *Kế toán bán hàng và công nợ phải thu* \ Cập nhật số liệu \ Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho.

Sau khi cập nhật thông tin vào phần mềm, các số liệu sẽ theo quy trình xử lý của phần mềm để đưa lên các sổ sách kế toán là sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 511, sổ cái các tài khoản liên quan, các báo cáo.

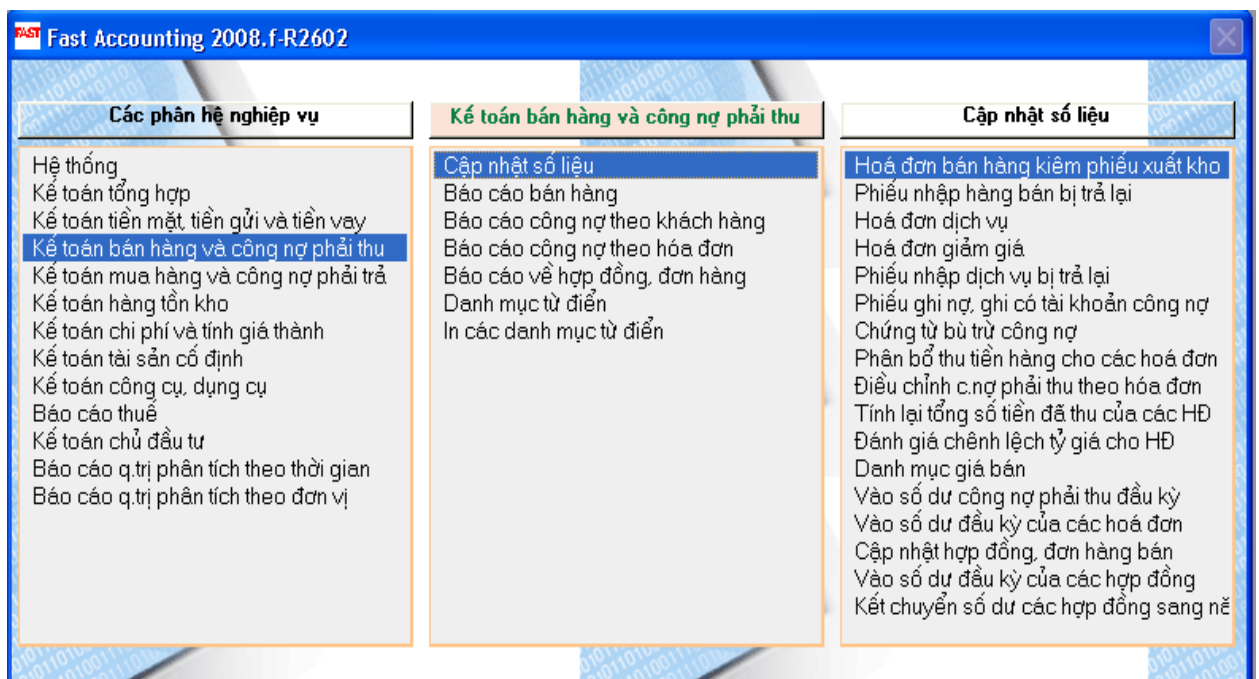
Cuối kỳ, kế toán in sổ sách và báo cáo.

**Ví dụ 01:**

- Ngày 19/12/2009, Công ty CP thép Châu Phong ký hợp đồng kinh tế bán thép cho Công ty CP Lisemco 2.

- Kế toán xuất hoá đơn GTGT số 075473 (***Biểu số 2.1***) phản ánh doanh số bán, cộng tiền hàng = 888.357.191 đồng; tiền thuế GTGT 5% = 44.417.860 đồng; tổng thanh toán = 932.775.051 đồng.

- Kế toán tiến hành cập nhật thông tin vào phần mềm: kế toán vào phân hệ nghiệp vụ *Kế toán bán hàng và công nợ phải thu* \ Cập nhật số liệu \ Hoá đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho.



**Màn hình 2: Giao diện Kế toán bán hàng và công nợ phải thu \ Cập nhật số liệu \ Hoá đơn bán hàng kiêm P XK**

- Kế toán nhập đầy đủ các thông tin yêu cầu trên màn hình nhập liệu.

Ví dụ: + Ô “*Loại hoá đơn*”: gõ 1- Xuất bán; nếu không nhớ mã, ta có thể đưa trỏ chuột vào ô này rồi ấn Enter, danh mục loại hoá đơn (danh mục giao dịch) hiện ra, ta chọn 1- Xuất bán.

+ Ô “*Mã khách*”: ta đưa trỏ chuột vào ô này, ấn Enter, danh mục khách hàng xuất hiện, ta chọn mã KH0535- CT CP Lisemco 2, địa chỉ khách hàng sẽ tự hiện lên theo như ta đã khai báo trong danh mục khách hàng; ta có thể thêm mới một khách hàng trong danh mục khách hàng bằng cách ấn phím F4- thêm, sửa thông tin khách hàng ấn phím F3- sửa.

+ Ô “*Mã nx(TK nợ)*”: gõ 13111( phải thu khách hàng).

+ Ta lần lượt nhập các thông tin về ngày hạch toán, số seri, số hoá đơn.

+ Ô “*Mã hàng*” : ta đưa trỏ chuột vào ô này rồi ấn Enter, danh mục hàng hoá xuất hiện, ta chọn mã L90- thép góc 90.

+ Ta nhập số lượng xuất bán, giá bán tương ứng đối với từng mặt hàng, phần mềm sẽ tự tính ô Thành tiền. Để tính thuế GTGT đầu ra, ô “*Mã thuế*”: ta chọn 05- tức là mức thuế suất 5%, phần mềm sẽ thực hiện tính số tiền thuế GTGT trên tổng tiền hàng...

Sau khi cập nhật đầy đủ thông tin, ta ấn [Lưu] để lưu chứng từ. Số liệu sẽ được chuyển lên phân hệ kế toán Tổng hợp để cập nhật vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 511, Bảng kê hoá đơn bán hàng...

**FAST Hoa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho. Kỳ : 01/10/09-31/12/09**

Loại hoá đơn 1 Xuất bán Ngày ht 19/12/2009  
 Mã khách KH0535 CT CP Lisemco 2 Ngày lập ct 19/12/2009  
 Địa chỉ Km35- QL10- Quốc Tuấn- An Lão- HP Quyền số  
 Ng. mua hàng Nguyễn Văn Đông MST 0200786983 Số seri HD/2009B  
 Diễn giải Bán hàng T12 Số hđ HD075473  
 Mã nx (tk ng) 13111 BPKD Nhóm hàng Tỷ giá VND 1,00

Sửa trường tiền  Xuất theo giá vốn đích danh cho VT giá TBF4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem PN, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Mã vv	Tồn kho	Số lượng	Giá bán VND	Thành tiền VND	tk d
L90	Thép góc 90	kg	KH01		70 238,84	57 028,04	13 066,00	745 128 371	511
TA0172	Thép tấm cuộn từ 2 đến 16	kg	KH01		236 957,44	9 915,46	14 445,00	143 228 820	511
			KH01			0,00	0,00	0	

Tính thuế theo giá trước chiết khấu

Số lượng 66 943,50 Tiền hàng VND 888 357 191  
 Mã thuế 05 5,00% Tk thuế 13111 / 33311 Tiền ck  
 Cục thuế Ghi chú Tiền sau ck 888 357 191  
 Xử lý Ghi vào sổ cái Tổng tiền Tiền thuế VND 44 417 860  
 Tổng TT 932 775 051 Hạn TT 0  
 Hạn CK

**Màn hình 3: Màn hình nhập liệu hoá đơn GTGT số 075473**



**Biểu số 2.1: Hoá đơn GTGT số 0075473**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		<b>HD/2009B</b>			
Liên 3: Nội bộ		<b>0075473</b>			
Ngày 19 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng:.....		CTY CP THÉP CHÂU PHONG Thôn Tràng Duệ, xã Lê Lợi, H.An Dương, Hải Phòng MST: 0200636699			
Địa chỉ:.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:..... MS:.....					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty cổ phần Lisemco 2 Địa chỉ: Km 35- QL10 - Quốc Tuấn - An Lão - HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: Chậm trả MS: 0200786983					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1.	Thép góc 90	kg	57.028,040	13.066	745.128.371
2.	Thép tấm cuộn từ 2ly đến 16ly x1500xC	kg	9.915,460	14.445	143.228.820
Cộng tiền hàng:					888.357.191
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT:		44.417.860	
Tổng cộng thanh toán:					932.775.051
Số viết bằng chữ: <i>Chín trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, không trăm lăm một đồng./.</i>					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Để xem hoặc in các sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký chung, kế toán vào phân hệ ***Kế toán tổng hợp \ Sổ sách theo hình thức Nhật ký chung \...***

Muốn xem sổ nào, ta kích vào tên sổ đó, đặt các điều kiện lọc, rồi ấn [ Nhận].

**Biểu số 2.2 : Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...
10/12	PC 331	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2009			
		Chi phí điện thoại	64281	227.272	
		Tiền mặt VN	1111		227.272
		Thuế GTGT được khấu trừ	13311	22.728	
		Tiền mặt VN	1111		22.728
....	...	.....	...	....	....
<b>19/12</b>	<b>HD 075473</b>	<b>Bán hàng T12(CT CP Lisemco2)</b>			
		<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>13111</b>	<b>888.357.191</b>	
		<b>Doanh thu bán hàng hoá</b>	<b>5111</b>		<b>888.357.191</b>
		<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>13111</b>	<b>44.417.860</b>	
		<b>ThuếGTGT đầu ra phải nộp</b>	<b>33311</b>		<b>44.417.860</b>
		Giá vốn hàng bán	632	859.912.637	
		Hàng hoá	156		859.912.637
...	...	...	...	...	...
20/12	HD 075478	Bán hàng T12(CT CP đầu tư và XD Hùng Vương)			
		Phải thu của khách hàng	13111	68.077.620	
		Doanh thu bán hàng hoá	5111		68.077.620
		Phải thu của khách hàng	13111	3.403.881	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		3.403.881
		Giá vốn hàng bán	632	65.298.792	
		Hàng hoá	156		65.298.792
....	...	.....	...	...	...
25/12	BC 25/12	Thu tiền hàng(CT TNHH ống thép190)			
		Tiền VND gửi NH CPTM Quốc tế-HP	112102	300.000.000	
		Phải thu khách hàng	13111		300.000.000
...	...	.....	...	...	....

Tổng cộng :

317.341.605.712 317.341.605.712

Ngày... tháng...năm...

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty CP thép Châu Phong)

**Biểu số 2.3 : Sổ cái TK 511**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản : 511- Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ**

Từ ngày 01/10/2009 đến 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TKĐÚ	Số tiền	
Ngày	Số				Nợ	Có
01/10	HD 075381	CT CP kết cấu thép số 5	Bán hàng T10	13111		1.768.024.360
...	....	....	....	....		...
14/12	HD 075471	CT TNHH Hoàng Uyên	Bán hàng T12	13111		56.923.708
16/12	HD 075472	CT TNHH MTV Thanh Niên	Bán hàng T12	13111		5.377.472
<b>19/12</b>	<b>HD 075473</b>	<b>CT CP Lisemco2</b>	<b>Bán hàng T12</b>	<b>13111</b>		<b>888.357.191</b>
...	...	...	...	...		...
20/12	HD 075478	CT CP đầu tư và xây dựng Hùng Vương	Bán hàng T12	13111		68.077.620
...	...	...	...	...		...
30/12	HD 075488	CT TNHH công nghiệp Ba Vi	Bán hàng T12	13111		2.808.054.735
31/12	PKT		K/C doanh thu bán hàng 511->911	911	60.324.968.539	

Tổng phát sinh nợ: 60.324.968.539

Tổng phát sinh có: 60.324.968.539

Số dư cuối kỳ :

KÊ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm....  
NGƯỜI GHI SỔ  
( Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty CP thép Châu Phong)

**Biểu số 2.4: Bảng kê hoá đơn bán hàng**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG**

Từ ngày 01/10/2009 đến 31/12/2009

Chứng từ		Diễn giải	ĐVT	Mã kho	Số lượng	Giá bán	Doanh thu
Ngày	Số						
....		...		...	...	...	...
16/12	HD 075472	CT TNHH MTV Thanh Niên Bán hàng T12		KH03 13111			
		TA0181- Thép tấm cuộn cán nóng từ 6 đến 12 ly x1500 xC	kg		423.900	12.685	5.377.472
					Tiền hàng:		5.377.472
					Thuế GTGT :		268.874
					Tổng cộng :		5.646.346
19/12	HD 075473	CT CP Lisemco2 Bán hàng T12		KH01 13111			
		L90- Thép góc 90	kg		57.028,04	13.066	745.128.371
		TA0172- Thép tấm cuộn từ 2đến 16 ly x 1500 x C	kg		9.915,46	14.445	143.228.820
					Tiền hàng :		888.357.191
					Thuế GTGT :		44.417.860
					Tổng cộng :		932.775.051
....	....	.....		...	...	...	...
20/12	HD 075478	CT CP đầu tư và XD Hùng Vương Bán hàng T12		KH03 13111			
		TCU-Thép chữ U	kg		6.110	11.142	68.077.620
					Tiền hàng:		68.077.620
					Thuế GTGT:		3.403.881
					Tổng cộng:		71.481.501
....		....	...		...	...	....

Tổng tiền hàng : 60.324.968.539

Tổng tiền thuế GTGT : 3.016.248.427

Tổng thanh toán : 63.341.216.966

Ngày...tháng...năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Nguồn số liệu: phòng kế toán công ty CP thép Châu Phong)

**Biểu số 2.5: Sổ cái TK 131**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
**Tài khoản: 131- Phải thu khách hàng**  
Từ ngày 01/10/2009 đến 31/12/2009

Số dư đầu kỳ : 12.227.393.021

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
14/12	HD 075471	CT TNHH Hoàng Uyên	Bán hàng T12	5111	56.923.708	
14/12	HD 075471	CT TNHH Hoàng Uyên	Bán hàng T12	33311	2.846.185	
16/12	HD 075472	CT TNHH MTV Thanh Niên	Bán hàng T12	5111	5.377.472	
16/12	HD 075472	CT TNHH MTV Thanh Niên	Bán hàng T12	33311	268.874	
<b>19/12</b>	<b>HD 075473</b>	<b>CT CP Lisemco2</b>	<b>Bán hàng T12</b>	<b>5111</b>	<b>888.357.191</b>	
19/12	HD 075473	CT CP Lisemco 2	Bán hàng T12	33311	44.417.860	
...	...	...	...	...	...	...
25/12	BC25/12	CT TNHH Ống thép 190	Thu tiền hàng	112102		300.000.000
...	...	...	...	...	...	...

Tổng phát sinh nợ : 64.105.216.435  
Tổng phát sinh có : 75.650.043.362  
Số dư nợ cuối kỳ : 682.566.094

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...  
NGƯỜI GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

**2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của doanh nghiệp.  
Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.

$$\frac{\text{Đơn giá xuất bình quân sau lần nhập } i}{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

### 2.2.2.1. Chứng từ kế toán, tài khoản, sổ sách sử dụng:

- ✓ Chứng từ kế toán: Phiếu xuất kho (Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho)
- ✓ Tài khoản sử dụng:
  - Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán
  - Tài khoản liên quan như TK 156- hàng hoá
- ✓ Sổ sách sử dụng:
  - Sổ Nhật ký chung
  - Sổ cái TK 632 và tài khoản liên quan (TK 156)

### 2.2.2.2. Quy trình hạch toán:

Sau khi nhập hoá đơn GTGT vào phần mềm phản ánh phần doanh thu, kế toán tiến hành các thao tác để tính giá vốn hàng bán.

Đối với phần mềm kế toán Fast Accounting, khi cập nhật hoá đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho, thì chương trình sẽ xử lý cả hai nghiệp vụ:

- + bán hàng (ghi tăng doanh thu và công nợ phải thu)
- + xuất kho hàng hoá (giảm hàng tồn kho và tăng giá vốn).

Vì vậy, khi cập nhật xong các thông tin trên màn hình nhập liệu của hoá đơn GTGT như đã trình bày ở phần 2.2.1.3, các trường về giá vốn hàng bán sẽ bỏ trống, kế toán ấn [ Lưu ] để lưu lại chứng từ và đóng các cửa sổ, quay ra giao diện chính của phần mềm. Từ giao diện chính, kế toán vào phân hệ nghiệp vụ **Kế toán hàng tồn kho | Cập nhật số liệu | Tính giá trung bình di động theo ngày**. Khi đó, phần mềm sẽ tính giá xuất kho cho số hàng bán và cập nhật vào hoá đơn kiêm phiếu xuất kho vừa lưu.

Các số liệu cập nhật sẽ được chuyển đến phân hệ Tổng hợp để lên sổ sách : sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 632, sổ cái TK 156, sổ chi tiết hàng hoá...

Cuối kỳ, kế toán in sổ kế toán và báo cáo.

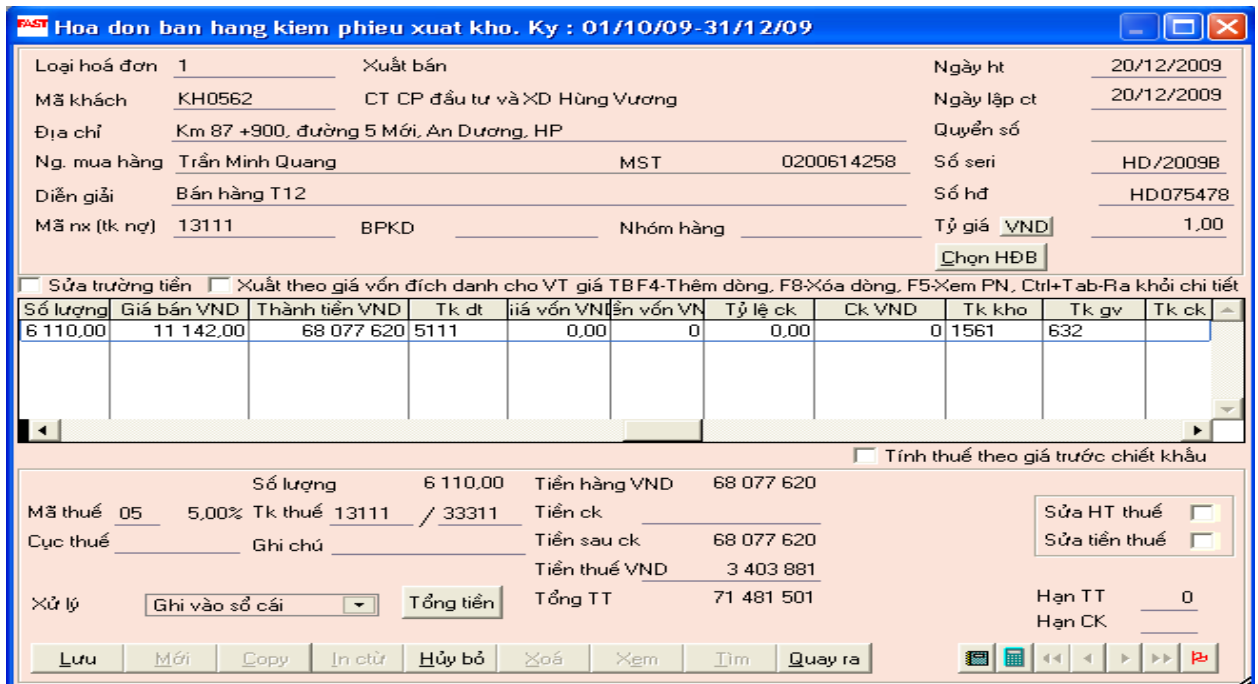
#### **Ví dụ 02:**

- Ngày 20/12/2009, Công ty cổ phần thép Châu Phong bán 6.110 kg thép chữ U cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hùng Vương theo hoá đơn GTGT số 0075478 (**Biểu số 2.6**)

**Biểu số 2.6: Hoá đơn GTGT số 0075478**

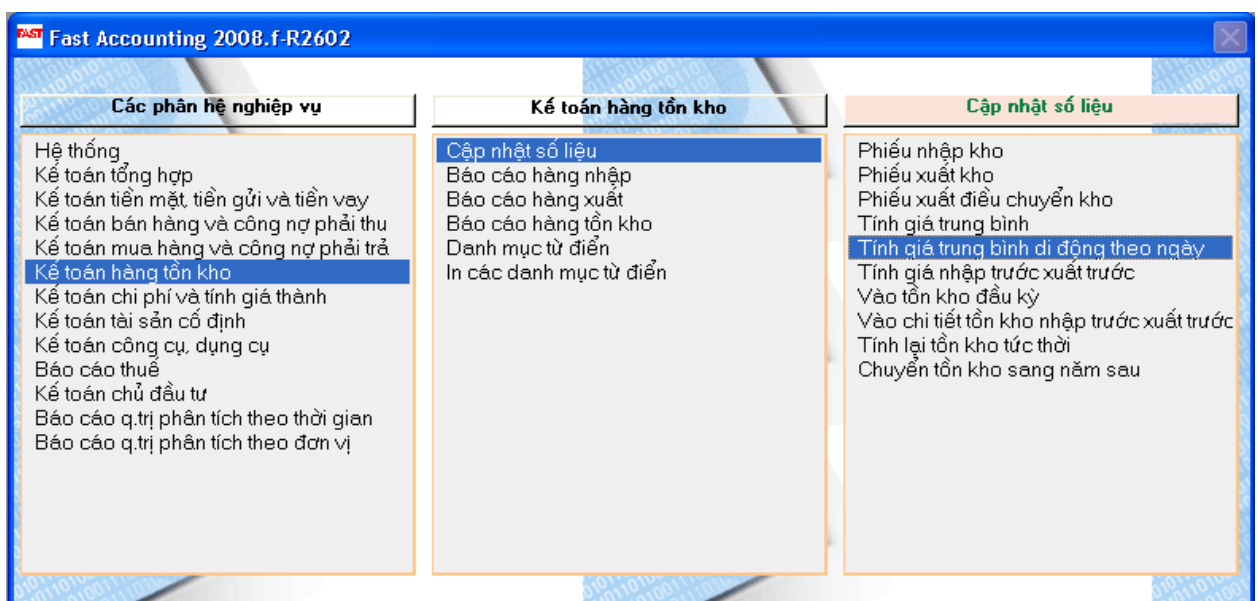
<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		<b>HD/2009B</b>			
Liên 3: Nội bộ		<b>0075478</b>			
Ngày 20 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng:.....		CTY CP THÉP CHÂU PHONG .....			
Địa chỉ:.....		Thôn Tràng Duệ, xã Lê Lợi, H.An .....			
Số tài khoản:.....		Dương, Hải Phòng .....			
Điện thoại:.....MS:.....		MST: 0200636699 .....			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hùng Vương					
Địa chỉ: Km 87+900, đường 5 Mới, An Dương, HP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK			MS: 0200614258		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1.	Thép chữ U	kg	6.110,0	11.142	68.077.620
Cộng tiền hàng:				68.077.620	
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT:		3.403.881	
Tổng cộng thanh toán:				71.481.501	
Số viết bằng chữ: <i>Bảy mươi một triệu, bốn trăm tám một đồng, năm trăm linh một đồng./.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0075478 , kế toán cũng tiến hành cập nhật hoá đơn vào phần mềm thông qua phân hệ: **Kế toán bán hàng và công nợ phải thu \ Cập nhật số liệu \ Hoá đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho.**



**Màn hình 04: Màn hình nhập liệu hoá đơn GTGT số 075478**

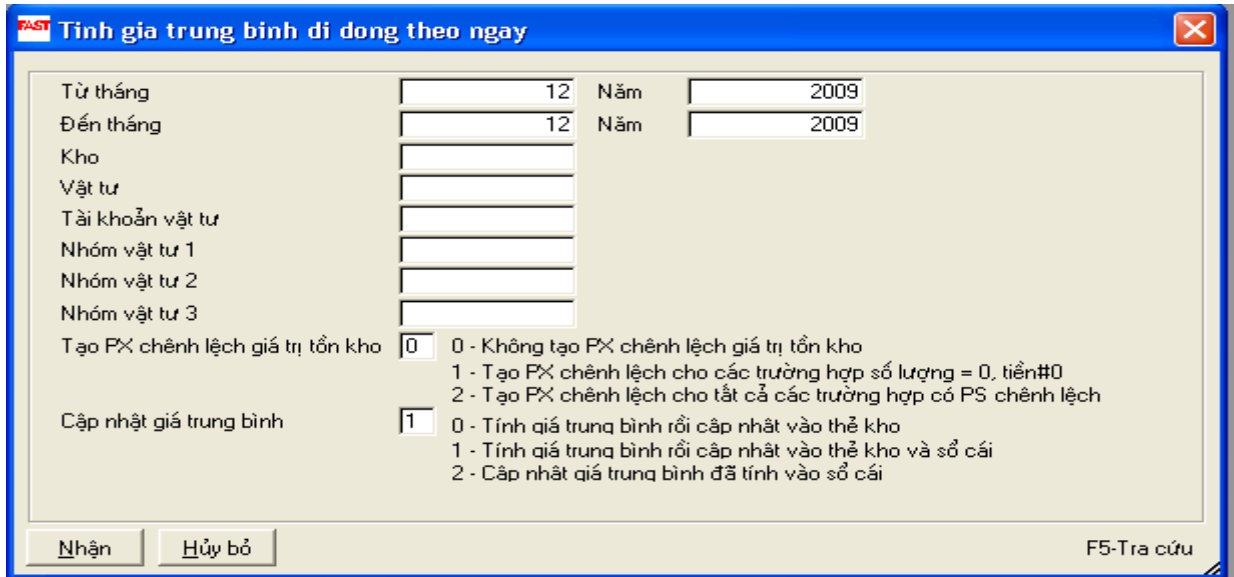
Sau khi cập nhật xong những thông tin của hoá đơn, ta thấy trên màn hình, phần phản ánh giá vốn bỏ trống. Kế toán ấn [ Lưu ], quay ra giao diện chính, vào phân hệ nghiệp vụ **Kế toán hàng tồn kho \ Cập nhật số liệu \ Tính giá trung bình di động theo ngày.**



**Màn hình 05: Giao diện Kế toán hàng tồn kho \ Cập nhật số liệu \ Tính giá trung bình di động theo ngày**

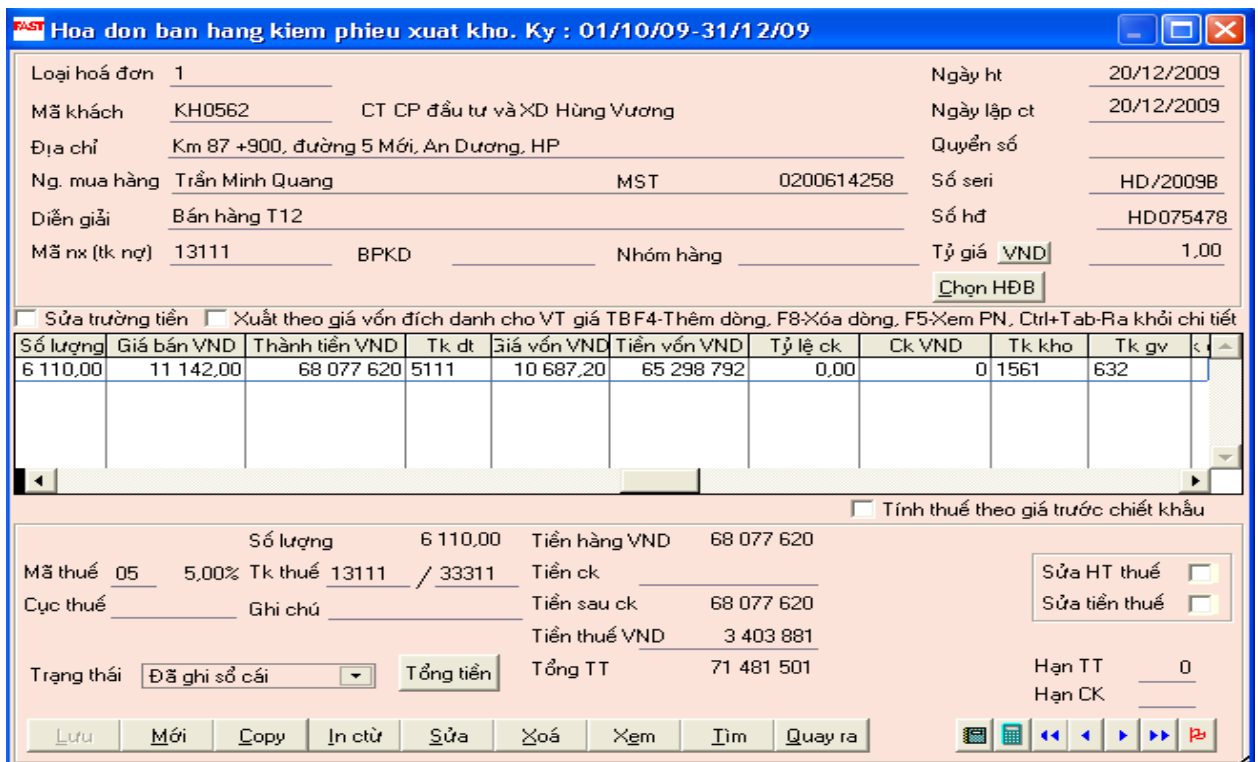


Kế toán nhập các thông tin yêu cầu về thời gian, mã kho, hay mã vật tư cần tính giá. Nếu ta chỉ nhập thời gian, các trường về mã kho, mã vật tư... để trống thì phần mềm sẽ tính giá vốn cho tất cả các hàng hoá xuất bán. Sau đó ấn nút [ Nhận ], khi đó phần mềm sẽ thực hiện tính trị giá vốn cho hàng hoá bán theo yêu cầu.



**Màn hình 06: Nhập yêu cầu Tính giá trung bình di động theo ngày**

Ta vào lại phân hệ Kế toán bán hàng và công nợ phải thu, kiểm tra lại hoá đơn vừa lưu sẽ thấy phần mềm đã tính và cập nhật giá vốn.



**Màn hình 07: Cập nhật giá vốn cho hàng hoá xuất bán**

Giá vốn đã được phân mềm tính toán và cập nhật như màn hình trên là :

Đơn giá xuất = 10.687,2 đ/kg

Trị giá vốn = 65.298.792.

→ Kiểm tra lại:

Mặt hàng TCU- thép chữ U tồn cuối tháng 11/2009 là: số lượng =8.075kg, trị giá = 84.787.500 đ.

Ngày 11/12, nhập mua của công ty TNHH thép Thanh Bình HTC, số lượng là 10.439,4 kg , trị giá = 113.079.581 đ

Như vậy, đơn giá xuất ngày 20/12 được tính như sau:

$$\frac{84.787.500 + 113.079.581}{8.075 + 10.439,4} = 10.687,2 \text{ (đ/kg)}$$

Trị giá vốn = 10.687,2 \* 6.110 = 65.298.792 đ

**Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG Thôn Tràng Duệ, xã Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng									
<b>PHIẾU XUẤT KHO</b> Ngày 20 tháng 12 năm 2009 Số: 075478									
Người nhận hàng:		Trần Minh Quang							
Đơn vị:		CT CP đầu tư và XD Hùng Vương							
Địa chỉ:		Km 87 +900, đường 5 Mới, An Dương, HP							
Nội dung:		Bán hàng T12							
ST T	Mã kho	Mã VT	Tên VT	TK nợ	TK có	ĐV T	SL	Đơn giá	Thành tiền
1.	KH 01	TCU	Thép chữ U	632	1561	kg	6.110	10.687,2	65.298.792
<b>Tổng cộng</b>									<b>65.298.792</b>
Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm chín hai đồng.									
Ngày 20 tháng 12 năm 2009									
Người lập biểu		Người nhận hàng		Thủ kho		KT trưởng		Thủ trưởng đơn vị	

**Biểu số 2.8 : Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...
10/12	PC 331	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2009			
		Chi phí điện thoại	64281	227.272	
		Tiền mặt VN	1111		227.272
		Thuế GTGT được khấu trừ	13311	22.728	
		Tiền mặt VN	1111		22.728
....	...	.....	...	....	....
19/12	HD 075473	Bán hàng T12(CT CP Lisemco2)			
		Phải thu của khách hàng	13111	888.357.191	
		Doanh thu bán hàng hoá	5111		888.357.191
		Phải thu của khách hàng	13111	44.417.860	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		44.417.860
		Giá vốn hàng bán	632	859.912.637	
		Hàng hoá	156		859.912.637
...	...	...	...	...	...
20/12	HD 075478	<b>Bán hàng T12(CT CP đầu tư và XD Hùng Vương)</b>			
		Phải thu của khách hàng	13111	68.077.620	
		Doanh thu bán hàng hoá	5111		68.077.620
		Phải thu của khách hàng	13111	3.403.881	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		3.403.881
		<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>632</b>	<b>65.298.792</b>	
		<b>Hàng hoá</b>	<b>156</b>		<b>65.298.792</b>
....	...	.....	...	...	...
25/12	BC 25/12	Thu tiền hàng(CT TNHH ống thép190)			
		Tiền VND gửi NH CPTM Quốc tế-HP	112102	300.000.000	
		Phải thu khách hàng	13111		300.000.000
...	...	.....	...	...	....

Tổng cộng : 317.341.605.712 317.341.605.712

Ngày... tháng...năm...

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty CP thép Châu Phong)

**Biểu số 2.9: Sổ cái TK 632**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
**Tài khoản : 632 - Giá vốn hàng bán**  
 Từ ngày 01/10/2009 đến 31/12/2009

Số dư đầu kỳ

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TKĐÚ	Số tiền	
Ngày	Số				Nợ	Có
01/10	HD 075381	CT CP kết cấu thép số 5	Bán hàng T10	13111	1.627.239.873	
...	...	...	...	...	...	...
14/12	HD 075471	CT TNHH Hoàng Uyên	Bán hàng T12	13111	49.992.901	
16/12	HD 075472	CT TNHH MTV Thanh Niên	Bán hàng T12	13111	3.904.543	
19/12	HD 075473	CT CP Lisemco 2	Bán hàng T12	156	859.912.637	
....	...	...	...	...	...	...
<b>20/12</b>	<b>HD 075478</b>	<b>CT CP đầu tư và xây dựng Hùng Vương</b>	<b>Bán hàng T12</b>	<b>156</b>	<b>65.298.792</b>	
...	...	...	...	...	...	...
28/12	HD 075482	CT CP Lisemco 2	Bán hàng T12	156	39.856.501	
...	...	...	...	..	...	...
30/12	HD 075488	CT TNHH công nghiệp Ba Vi	Bán hàng T12	13111	2.553.734.583	
31/12	PKT	-	K/C giá vốn hàng bán	911		57.524.130.714

Tổng phát sinh nợ: 57.524.130.714  
 Tổng phát sinh có : 57.524.130.714  
 Số dư cuối kỳ:

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
 (Ký, họ tên)

Ngày....tháng...năm....  
 NGƯỜI GHI SỔ  
 (Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty CP thép Châu Phong)

**Biểu số 2.10 : Sổ chi tiết hàng hoá- thép chữ U**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ**

Tài khoản : 156 - Hàng hoá      Kho: KH01- kho Tràng Duê

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá: TCU - thép chữ U

Từ ngày 01/12/2009 đến 31/12/2009

Đơn vị tính: kg

**Tồn đầu :      8.075      84.787.500**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	ĐG	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Ngày	Số				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
11/12	PN 091112	Mua hàng	33111	10.832,0	10.439,4	113.079.581			18.514,4	197.867.081	
<b>20/12</b>	<b>HD 075478</b>	<b>Bán hàng T12</b>	<b>632</b>	<b>10.687,2</b>			<b>6.110,0</b>	<b>65.298.792</b>	<b>12.404,4</b>	<b>132.568.289</b>	
25/12	HD 075480	Bán hàng T12	632	10.687,2			8.153,4	88.205.736	4.151,0	44.362.553	
Tổng cộng:					10.439,4	113.079.581	14.263,4	153.504.528			
								<b>Tồn cuối</b>	<b>4.151,0</b>	<b>44.362.553</b>	

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm  
NGƯỜI GHI SỔ  
(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty CP thép Châu Phong)

### **2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:**

❖ Chi phí bán hàng (CPBH) là các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng của công ty bao gồm một số khoản như chi phí vật liệu bảo quản (bạt che phủ, sơn, gỗ kê hàng...), chi phí dịch vụ mua ngoài như chi phí cước vận chuyển...

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN) là những chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng cho bất kỳ hoạt động nào.

CPQLDN của công ty bao gồm một số khoản như: chi phí lương của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài ( như chi phí bảo vệ...), chi phí bằng tiền khác (như chi phí điện thoại, chi phí tiếp khách, công tác phí, chi phí xăng dầu...)

#### 2.2.3.1. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế
- Hoá đơn GTGT
- Bảng phân bổ lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Chứng từ thanh toán: phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng...
- Các chứng từ khác liên quan...

#### 2.2.3.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng :

- ✓ Tài khoản sử dụng:
  - Tài khoản 641- Chi phí bán hàng. TK chi tiết như:
    - TK 6412- Chi phí vật liệu
    - TK 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài...
  - Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp. TK chi tiết như:
    - TK 6421- Chi phí nhân viên
    - TK 6423- Chi phí công cụ dụng cụ
    - TK 6424- Chi phí khấu hao TSCĐ
    - ....

- ✓ Sổ sách sử dụng:
  - Sổ Nhật ký chung
  - Sổ cái TK 641
  - Sổ cái TK 642
  - Sổ cái các TK liên quan

#### 2.2.3.3. Quy trình hạch toán:

Trong kỳ, khi phát sinh các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành cập nhật thông tin vào các phân hệ kế toán tương ứng như căn cứ vào hoá đơn, chứng từ thanh toán, kế toán vào phân hệ Kế toán Tiền mặt, tiền gửi và tiền vay để phản ánh các khoản chi phí đã thanh toán, vào phân hệ TSCĐ để tính các khoản chi phí khấu hao TSCĐ, vào phân hệ tổng hợp thông qua các phiếu kế toán để phản ánh chi phí lương, các khoản trích theo lương của các nhân viên ...

Các số liệu cập nhật sẽ được chuyển đến phân hệ Kế toán tổng hợp để lên các sổ kế toán và báo cáo.

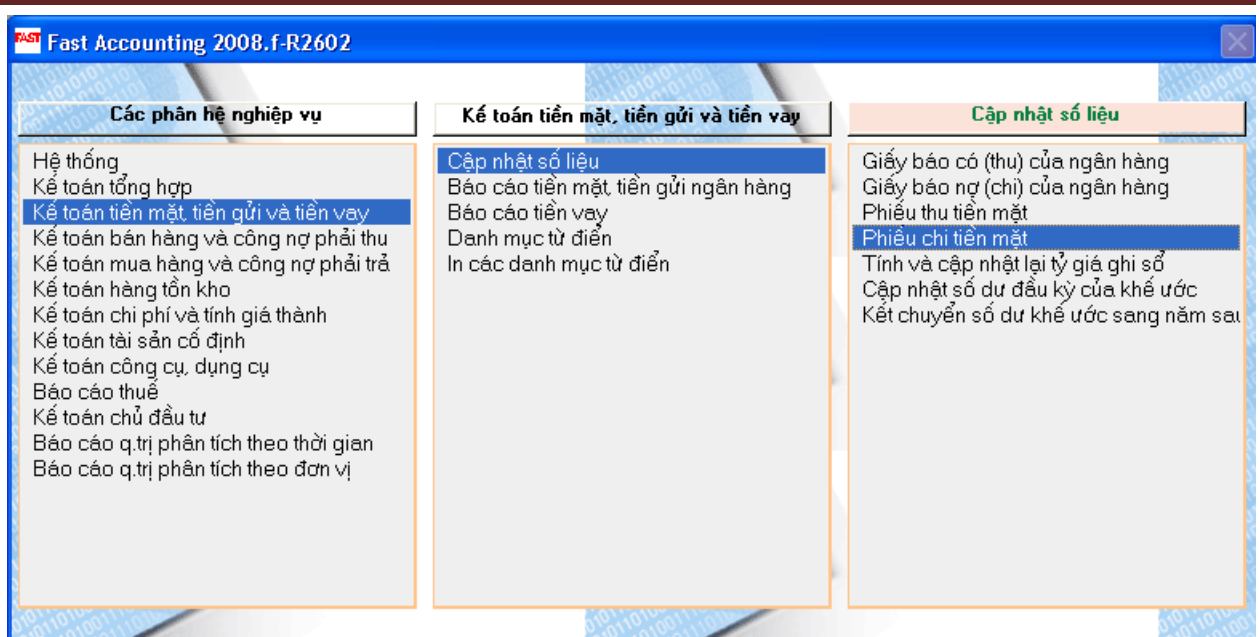
Cuối kỳ kế toán in các sổ sách và báo cáo.

#### **Ví dụ 03:**

- Ngày 02/12, Công ty cổ phần thép Châu Phong sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hoá của Công ty TNHH vận tải Minh Khang theo hoá đơn GTGT số 0010584 (***Biểu số 2.11***) .

- Căn cứ vào hoá đơn, kế toán lập phiếu chi thanh toán tiền cước vận chuyển trên, tổng tiền thanh toán là 10.560.000 đ (đã bao gồm VAT 5%). (***Biểu số 2.12***)

- Kế toán tiến hành cập nhật thông tin vào phần mềm như sau: chọn phân hệ nghiệp vụ ***Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay | Cập nhật số liệu | Phiếu chi tiền mặt | Mới.***



**Màn hình 08 : Giao diện Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay \ Cập nhật số liệu \ Phiếu chi tiền mặt**

- Kế toán tiến hành cập nhật các trường thông tin trên màn hình nhập liệu.

Ví dụ: + Ô “*Loại phiếu chi*”: gõ 8- Thanh toán chi phí trực tiếp bằng tiền mặt; nếu không nhớ mã của loại phiếu chi, ta có thể đưa trỏ chuột vào ô này rồi ấn Enter, bảng danh mục loại phiếu chi sẽ xuất hiện, ta có thể chọn loại phiếu chi phù hợp.

+ Ô “*Mã khách*”: ta đưa trỏ chuột vào ô này rồi ấn Enter, bảng danh mục khách hàng sẽ xuất hiện, ta chọn mã KH0069- CT TNHH vận tải Minh Khang; nếu muốn bổ sung mã khách hàng nào đó vào danh mục, ta ấn F4- thêm, nếu muốn sửa thông tin khách hàng ta ấn F3- sửa...Các thông tin về người nhận tiền, lý do chi...,ta nhập vào như bình thường.

+ Ô “*TK có*”: gõ 1111- Tiền mặt Việt Nam.

+ Ô “*TK nợ*”: gõ 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ Ta nhập trường số tiền, mã thuế 05- tức là mức thuế suất 5%, phần mềm sẽ tự tính ra số tiền thuế GTGT trên số tiền hàng hoá, dịch vụ...



**FAST** Phiếu chi tiền mat. Kỳ : 01/10/09-31/12/09

Loại phiếu chi	8	T/t chi phí trực tiếp bằng tiền	Ngày ht	02/12/2009
Mã khách	KH0069	CT TNHH vận tải Minh Khang	Ngày lập pc	02/12/2009
Địa chỉ	An Đồng, An Dương, HP		Quyển số	
Ng. nhận tiền	Nguyễn Văn Ba		Số pc	320
Lý do chi	Thanh toán cước V/C		TGGS VND	1,00
Tk có	1111	Tiền mặt Việt Nam	Hạn TT	0

Hạch toán | HD thuế | F4-Thêm dòng mới, F5-Tính tỷ giá ghi sổ, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk nợ	Tên tài khoản	Ps nợ VND	Diễn giải	HD	Ấu b
6417	Chi phí dịch vụ mua ngoài	10 057 000	Thanh toán cước V/C	1	3

Sửa trường tiền   
  Sửa tỷ giá ghi sổ   
  Sửa thông tin thuế   
 Tiền hh, dv    10 057 000  
 Số HD    Tiền thuế    503 000  
 Tổng TT    10 560 000  
 Trạng thái: Đã ghi sổ cái

Lưu    **Mới**    Copy    In chữ    Sửa    Xóa    Xem    Tìm    Quay ra

**Màn hình 09: Màn hình nhập liệu phiếu chi 320**

Sau khi nhập các thông tin cần thiết trên màn hình nhập liệu phiếu chi, kế toán ấn [Lưu] để lưu lại chứng từ. Khi đó, số liệu sẽ được chuyển đến phân hệ Tổng hợp để lên sổ sách kế toán : *sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 641*

**Biểu số 2.11: Hoá đơn GTGT số 0010584**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		<b>HD/2009B</b>			
Liên 2: Giao khách hàng		<b>0010584</b>			
<i>Ngày 02 tháng 12 năm 2009</i>					
Đơn vị bán hàng:.....		CÔNG TY TNHH VẬN TẢI MINH KHANG An Đồng, An Dương, Hải Phòng MST: 0200534045			
Địa chỉ:.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:.....MS:.....					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty cổ phần thép Châu Phong Địa chỉ: Thôn Tràng Duệ, xã Lê Lợi, An Dương, HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM/CK MS: 0200636699					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1.	Vận chuyển thép tấm từ Hải Phòng đến Đà Nẵng	tấn	32	314.286	10.057.000
Cộng tiền hàng: 10.057.000					
Thuế suất GTGT: 5%			Tiền thuế GTGT:		503.000
<b>Tổng cộng thanh toán:</b>					<b>10.560.000</b>
Số viết bằng chữ: <i>Mười triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.</i>					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

**Biểu số 2.12: Phiếu chi số 320**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG  
Thôn Tràng Duệ, xã Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng

Số phiếu : 320  
Tài khoản : 1111  
Tài khoản đứ : 6417  
13311

**PHIẾU CHI**

*Ngày 02 tháng 12 năm 2009*

Người nhận tiền: Nguyễn Văn Ba

Đơn vị: CT TNHH vận tải Minh Khang

Địa chỉ : An Đông, An Dương, HP

Về khoản : Thanh toán cước V/C

Số tiền: **10.560.000 VND**

Bằng chữ: Mười triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo 1 chứng từ gốc

**Thủ trưởng đơn vị**

**Kế toán trưởng**

**Kế toán thanh toán**

*Nguyễn Mạnh Cường*

*Nguyễn Xuân Hoà*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Mười triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.*

**Thủ quỹ**

*Ngày 02 tháng 12 năm 2009*

**Người nhận tiền**

*Nguyễn Thị Lan Hương*

*Nguyễn Văn Ba*

**Biểu số 2.13: Sổ Nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...
02/12	PC 320	<b>Thanh toán cước V/C (CT TNHH vận tải Minh Khang)</b>			
		<b>Chi phí dịch vụ mua ngoài</b>	<b>6417</b>	<b>10.057.000</b>	
		<b>Tiền mặt VN</b>	<b>1111</b>		<b>10.057.000</b>
		<b>Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>13311</b>	<b>503.000</b>	
		<b>Tiền mặt VN</b>	<b>1111</b>		<b>503.000</b>
...	...	...	...	...	...
10/12	PC 331	Thanh toán tiền điện thoại T11/2009			
		Chi phí điện thoại	64281	227.272	
		Tiền mặt VN	1111		227.272
		Thuế GTGT được khấu trừ	13311	22.728	
		Tiền mặt VN	1111		22.728
....	...	.....	...	....	....
19/12	HD 075473	Bán hàng(Cty CP Lisemco2)			
		Phải thu của khách hàng	13111	888.357.191	
		Doanh thu bán hàng hoá	5111		888.31.851
		Phải thu của khách hàng	13111	44.417.860	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		44.417.860
		Giá vốn hàng bán	632	859.912.637	
		Hàng hoá	1561		859.912.637
...	...	...	...	...	...
20/12	PN 024635	Mua hàng(Cty TNHH thép Thanh Bình- HTC)			
		Phải trả cho người bán	33111		895.895.513
		Thuế GTGT được khấu trừ	13311	663.572	
		Hàng hoá	1561	853.233.822	
....	...	.....	...	...	...

Tổng cộng :

317.341.605.712 317.341.605.712

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
( Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...  
GIÁM ĐỐC  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty CP thép Châu Phong)

**Biểu số 2.14: Sổ cái TK 641**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
**Tài khoản: 641- Chi phí bán hàng**  
**Từ ngày 01/10/2009 đến 31/12/2009**

Số dư đầu kỳ

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
02/12	PC 320	CT TNHH vận tải Minh Khang	Thanh toán cước V/C	1111	10.057.000	
04/12	PC 322	CT TNHH TM và vận tải Mạnh Hùng	Thanh toán cước V/C	1111	16.930.946	
...	...	...	...	...	...	...
05/12	PXK 112	Vũ Minh Hoan	Xuất vật tư phục vụ BH	152	586.500	
21/12	UNC 24	CT TNHH Ngô Kiều	Thanh toán cước V/C	112102	23.987.800	
...	...	...	...	...	...	...
25/12	UNC 114/09	CT CP TM- VT Phúc Hưng Thịnh	Thanh toán cước V/C	112105	16.476.191	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT	-	K/C Chi phí QLDN	911		273.940.135

Tổng phát sinh nợ : 273.940.135  
Tổng phát sinh có: 273.940.135  
Số dư cuối kỳ

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)  
Nguyễn Xuân Hoà

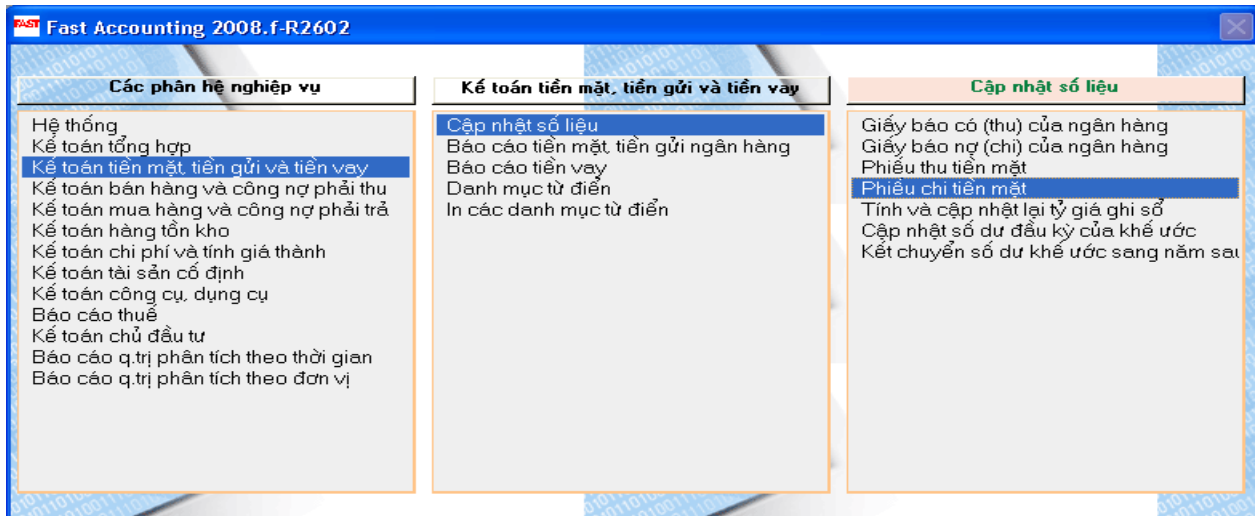
Ngày...tháng...năm...  
NGƯỜI GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

**Ví dụ 04:**

- Ngày 10/12, thanh toán tiền điện thoại di động tháng 11 theo hoá đơn GTGT số 641360 (**Biểu số 2.15**).

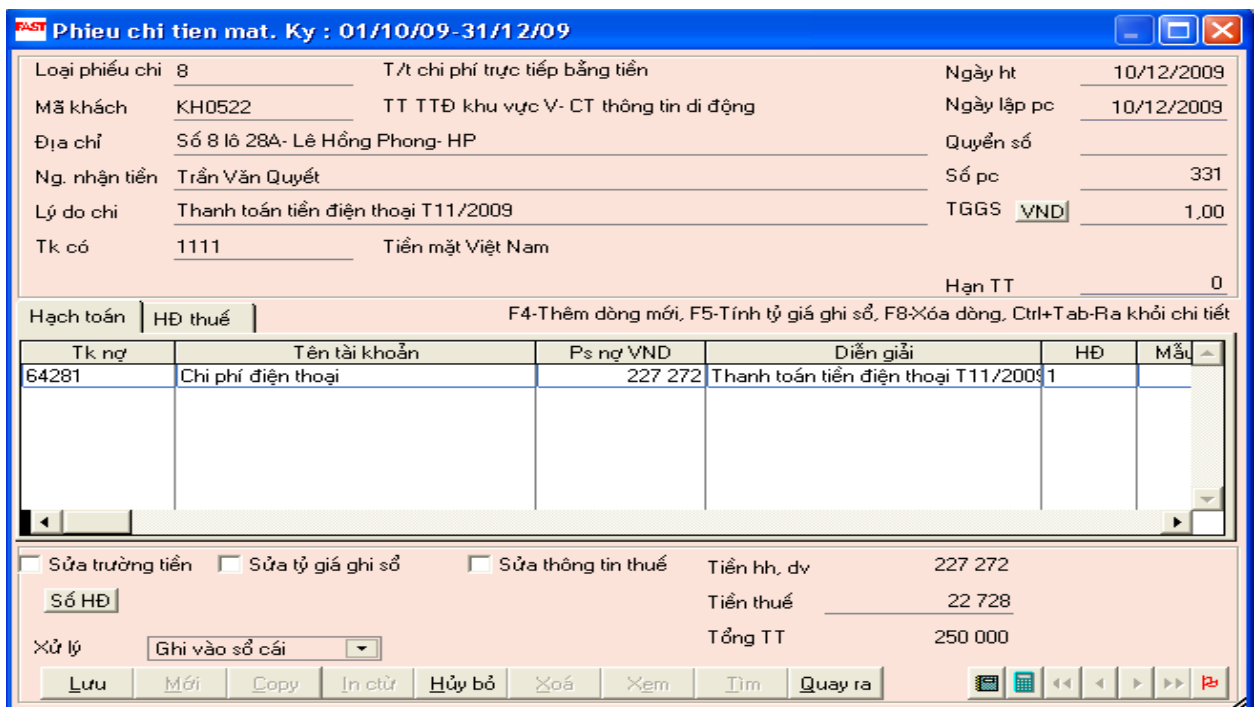
- Căn cứ vào hoá đơn GTGT cùng với giấy đề nghị thanh toán của ông Trần Văn Quyết đã được duyệt chi (**Biểu số 2.16**), kế toán lập phiếu chi số 331 phản ánh số tiền thanh toán là 250.000 đồng (**Biểu số 2.17**).

→ Kế toán vào phân hệ: *Tiền mặt, tiền gửi và tiền vay* | *Cập nhật số liệu* | *Phiếu chi tiền mặt* | *Mới*.



**Màn hình 10: Giao diện kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay |Cập nhật số liệu | Phiếu chi tiền mặt**

Kế toán tiền hành cập nhật các trường thông tin trên màn hình nhập liệu, sau đó ấn [Luu] để lưu chứng từ. Khi kế toán lưu số liệu vào phần mềm thì các số liệu vừa cập nhật được chuyển sang phân hệ Kế toán tổng hợp để lên các sổ sách kế toán: *Sổ Nhật ký chung; Sổ cái TK 642, và các sổ liên quan khác*



**Màn hình 11: Màn hình nhập liệu phiếu chi tiền mặt số 331**

**Biểu số 2.15: Hoá đơn GTGT số 641360**

**VMS**  
 CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG  
 TRUNG TÂM DI ĐỘNG KHU VỰC V  
 VIETNAM MOBILE TELECOM  
 SERVICE CO. CENTER V  
 Địa chỉ: Số 8 Lô 28A-Lê Hồng Phong-HP  
 Tel:18001090 Fax: 031.3558869  
 MS: 01 0068620 9 084

**HOÁ ĐƠN (GTGT)**  
**BILL(VAT)**  
 Liên 2: Giao khách hàng

**Mobifone**

Mẫu số: 01GTKT-2LN-09  
 Seri: **MG/2008T**  
 Số : **641360**

Tên khách hàng : Công ty cổ phần thép Châu Phong

MST: 02 00636699

Địa chỉ : Tràng Duệ - Lê Lợi - An Dương - HP

Số thuê bao: 0903452847

Mã khách hàng:.....

Cước từ ngày: 01/11/2009 đến ngày: 30/11/2009

Khoản	Số tiền
Cước dịch vụ thông tin di động :	227.272
Cộng tiền (1) :	227.272
Thuế suất GTGT:10% x (1)= Tiền thuế GTGT (2) :	22.728
Tổng cộng tiền thanh toán (3)=(1)+(2) :	<b>250.000</b>
<i>Số tiền viết bằng chữ: hai trăm năm mươi ngàn đồng.</i>	

Người nộp tiền  
 (ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 09 tháng 12 năm 2009  
 Nhân viên giao dịch  
 (ký, ghi rõ họ tên)

**TRẦN TRỌNG LIÊM**  
 0934 241 333

**Biểu số 2.16: Giấy đề nghị thanh toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2009

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

Kính gửi: Ông Tổng giám đốc công ty

Đồng kính gửi: Phòng kế toán tài chính

Tên tôi là: Trần Văn Quyết

Bộ phận công tác:.....

Tôi làm giấy này kính đề nghị Ông Tổng giám đốc Công ty và Phòng kế toán tài chính thanh toán tiền với nội dung như sau:

*Thanh toán tiền cước điện thoại di động tháng 11/ 2009*

*(có hoá đơn kèm theo)*

.....  
Tổng số tiền: Bằng số: **250.000 đồng**

Bằng chữ: *hai trăm năm chục nghìn đồng.*

Tôi xin chân thành cảm ơn !

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

PHÒNG KẾ TOÁN

DUYỆT

*Trần Văn Quyết*

*Nguyễn Xuân Hoà*

*Nguyễn Mạnh Cường*



**Biểu số 2.17: Phiếu chi số 331**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG  
Thôn Tràng Duệ, xã Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng

Số phiếu : 331  
Tài khoản : 1111  
Tài khoản đư : 64281  
13311

**PHIẾU CHI**

*Ngày 10 tháng 12 năm 2009*

Người nhận tiền: Trần Văn Quyết

Đơn vị: TT TTĐ khu vực V- CT thông tin di động

Địa chỉ : Số 8 lô 28A- Đường Lê Hồng Phong- HP

Về khoản : Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2009

Số tiền: **250.000 VND**

Bằng chữ: Hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo 1 chứng từ gốc

**Thủ trưởng đơn vị**

**Kế toán trưởng**

**Kế toán thanh toán**

*Nguyễn Mạnh Cường*

*Nguyễn Xuân Hoà*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.*

**Thủ quỹ**

*Ngày 10 tháng 12 năm 2009*

**Người nhận tiền**

*Nguyễn Thị Lan Hương*

*Trần Văn Quyết*

**Biểu số 2.18: Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...
02/12	PC 320	Thanh toán cước V/C (CT TNHH vận tải Minh Khang)			
		Chi phí cước vận chuyển	6417	10.057.000	
		Tiền mặt VN	1111		10.057.000
		Thuế GTGT được khấu trừ	13311	503.000	
		Tiền mặt VN	1111		503.000
...	...	...	...	...	...
10/12	PC 331	<b>Thanh toán tiền điện thoại T11/2009</b>			
		<b>Chi phí điện thoại</b>	<b>64281</b>	<b>227.272</b>	
		Tiền mặt VN	1111		227.272
		Thuế GTGT được khấu trừ	13311	22.728	
		Tiền mặt VN	1111		22.728
....	...	.....	...	....	....
19/12	HD 075473	Bán hàng (Cty CP Lisemco2)			
		Phải thu của khách hàng	13111	888.357.191	
		Doanh thu bán hàng hoá	5111		888.357.191
		Phải thu của khách hàng	13111	44.417.860	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		44.417.860
		Giá vốn hàng bán	632	859.912.637	
		Hàng hoá	156		859.912.637
...	...	...	...	...	...
20/12	PN 091112	Mua hàng (Cty TNHH thép Thanh Bình- HTC)			
		Phải trả cho người bán	33111		895.895.513
		Thuế GTGT được khấu trừ	13311	663.572	
		Hàng hoá	156	853.233.822	
....	...	.....	...	...	...

Tổng cộng : 317.341.605.712 317.341.605.712

KÊ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...  
GIÁM ĐỐC  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty CP thép Châu Phong)

**Biểu số 2.19: Sổ cái TK 642**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản: 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp**

*Từ ngày 01/10/2009 đến 31/12/2009*

Số dư đầu kỳ

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
02/12	UNC 111/09	CT CP dịch vụ bảo vệ Năm Sao	Thanh toán phí DVBV tháng 11/09	112105	8.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
<b>10/12</b>	<b>PC 331</b>	<b>TT TTD khu vực V -KH0522</b>	<b>Thanh toán tiền điện thoại T11/2009</b>	<b>1111</b>	<b>227.272</b>	
11/12	PC332	TT DV khách hàng- VTHP	Thanh toán cước điện thoại VP	1111	1.466.444	...
...	...	...	...	...	...	...
15/12	PC 335	CT điện lực HP	Thanh toán cước ĐT 221262	1111	484.249	
...	...	...	...	...	...	...
20/12	PC342	Nguyễn Xuân Hoà	Chi phí công tác	1111	3.332.714	
25/12	UNC 115/09	NH XNK Việt Nam- CN HP	Phí chuyển tiền	112105	500.000	
...	...	...	...	...	...	...
27/12	PKT 96	CT CP thép Châu Phong	Chi phí lương CBCNV	3341	39.900.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT KHTS1	-	PB KH TSCĐ T12	2141	48.953.083	
31/12	PKT	-	K/C Chi phí QLDN	911		538.021.437

Tổng phát sinh nợ: 538.021.437

Tổng phát sinh có: 538.021.437

Số dư cuối kỳ:

Ngày...tháng...năm...

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty CP thép Châu Phong)

### **2.2.4. Kế toán hoạt động tài chính:**

Hoạt động tài chính là các hoạt động có liên quan đến việc huy động, khai thác, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp nhằm tăng thu nhập, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Do doanh nghiệp không có các hoạt động đầu tư chứng khoán hay góp vốn liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp khác nên doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp chủ yếu bao gồm các khoản lãi tiền gửi ngân hàng hoặc tiền cho vay hoặc có thể là phần chiết khấu thanh toán được hưởng.

Chi phí tài chính của doanh nghiệp cũng chỉ bao gồm phần tiền lãi phải trả cho các khoản vay vốn ngân hàng hoặc các tổ chức, cá nhân khác.

#### **2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng đối với các khoản thu;
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng đối với các khoản chi;
- Các chứng từ khác có liên quan như: Hợp đồng vay vốn, Bảng kê tính lãi của ngân hàng...

#### **2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng:**

✓ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635- Chi phí tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112...

✓ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 515, 635

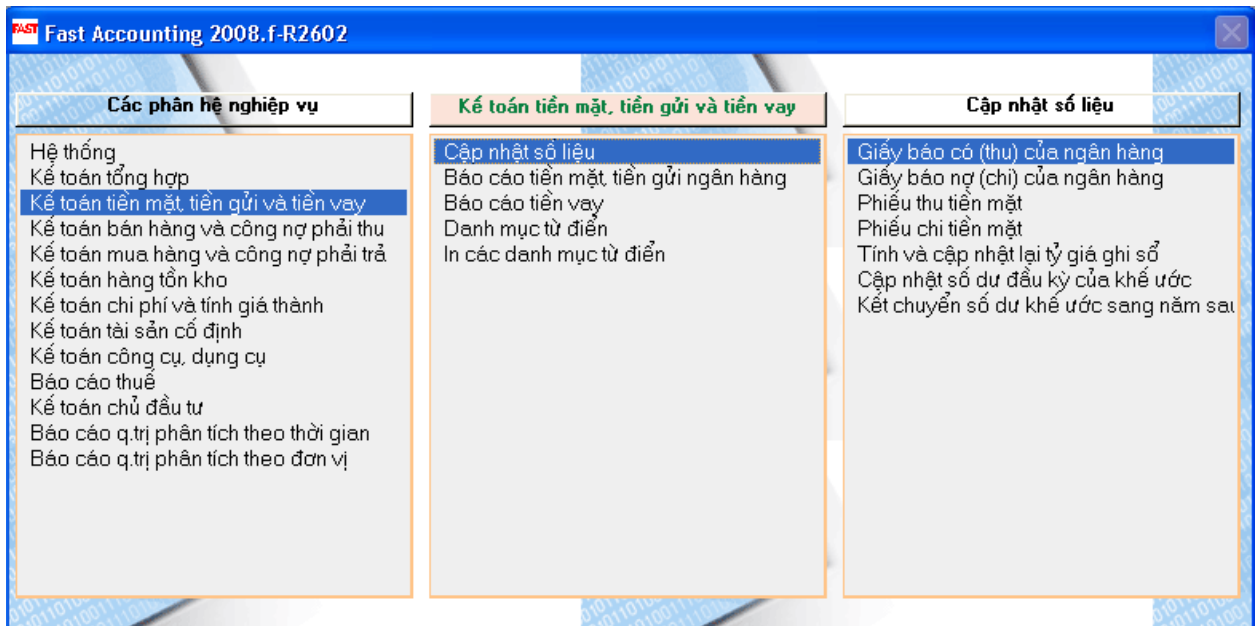
#### **2.2.4.3. Quy trình hạch toán:**

Khi phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, căn cứ vào các chứng từ gốc hợp lệ, kế toán tiến hành cập nhật số liệu vào phần mềm kế toán. Số liệu được cập nhật sẽ được xử lý, chuyển lên phân hệ Tổng hợp để lên các sổ sách kế toán có liên quan như sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 515, TK 635 và các TK liên quan.

**Ví dụ 05:**

- Ngày 24/12, Công ty nhận được báo có của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) - chi nhánh Hải Phòng về khoản tiền lãi nhập gốc. Số tiền là 2.488.796 đồng. (***Biểu số 2.20***)

- Kế toán tiến hành cập nhật số liệu vào phần mềm thông qua phân hệ nghiệp vụ ***Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay \ Cập nhật số liệu \ Giấy báo có (thu) của ngân hàng***



***Màn hình 12: Giao diện Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay \ Cập nhật số liệu \ Giấy báo có(thu) của ngân hàng***

- Kế toán cập nhật các thông tin trên màn hình nhập liệu:

Ví dụ: + Ô “loại phiếu thu”: ta gõ 9 - thu khác. Ta cũng có thể ấn Enter để danh mục các loại phiếu thu xuất hiện và chọn loại phù hợp.

+ Ô “ mã khách”: ta ấn Enter, danh mục khách hàng xuất hiện, ta chọn mã NH002- ngân hàng TMCP Quốc tế- CNHP

+ Ô “ TK nợ”:ta gõ 112102- tiền VND gửi tại ngân hàng TMCP Quốc tế- CNHP

+ Ô “ TK có” : ta gõ 5152- Lãi tiền gửi, tiền cho vay.

+ Ta nhập số tiền phát sinh, diễn giải....sau đó ấn [ Lưu ] để lưu chứng từ. Số liệu sẽ được xử lý và cập nhật vào các sổ sách kế toán: sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 515 và sổ liên quan.

**FAST Giấy báo có (thu) của ngân hàng. Kỳ : 01/10/09-31/12/09**

Loại phiếu thu	9	Khác	Ngày ht	24/12/2009
Mã khách	NH002	NH TMCP Quốc tế - CNHP	Ngày lập pt	24/12/2009
Địa chỉ	Số 23 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP		Quyển số	
Ng. nộp tiền			Số pt	BC 24/12
Lý do nộp	Thu lãi tiền gửi		TGGD	VND 1,00
Tk nợ	112102	Tiền VND gửi NH TMCP Quốc tế - CNHP	Hạn TT	0

F4-Thêm dòng mới, F5-Tính tỷ giá ghi sổ, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk có	Tên tài khoản	Ps có VND	Diễn giải	Vụ việc
5152	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2 488 796	Thu lãi tiền gửi	

Sửa trường tiền     Sửa tỷ giá ghi sổ

SỐ HỒ: 2 488 796

Xử lý: Ghi vào sổ cái

Lưu    Mới    Copy    In chữ    Hủy bỏ    Xóa    Xem    Tìm    Quay ra

**Màn hình 13: Màn hình nhập liệu giấy báo có BC 24/12**

**Biểu số 2.20 : Giấy báo có BC 24/12**

<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	
<b>VIB</b>	Số: 0090900410 Ngày: 24/12/2009
Chi nhánh : Chi nhánh Hải Phòng	
Mã số thuế: 0100233488-002	
Mã số khách hàng:	00072737
Số tài khoản:	009704060008440
Tên tài khoản:	CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG
Nội dung:	## Lãi nhập gốc ##
Số tiền bằng chữ:	Số tiền: 2.488.796 VND
<i>Hai triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm chín mươi sáu đồng.</i>	Số dư: 992.872.650 VND
Giao dịch viên/ NV nghiệp vụ GDVC 13207	Kiểm soát KSV 10432

**Biểu số 2.21 : Sổ Nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...
10/12	PC 331	Thanh toán tiền điện thoại T11/2009			
		Chi phí điện thoại	64281	227.272	
		Tiền mặt VN	1111		227.272
		Thuế GTGT được khấu trừ	13311	22.728	
		Tiền mặt VN	1111		22.728
....	...	.....	...	....	....
19/12	HD 075473	Bán hàng(Cty CP Lisemco2)			
		Phải thu của khách hàng	13111	888.357.191	
		Doanh thu bán hàng hoá	5111		888.357.191
		Phải thu của khách hàng	13111	44.417.860	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		44.417.860
		Giá vốn hàng bán	632	859.912.637	
		Hàng hoá	1561		859.912.637
...	...	...	...	...	...
20/12	PN 024635	Mua hàng(CtyTNHH thép Thanh Bình- HTC)			
		Phải trả cho người bán	33111		895.895.513
		Thuế GTGT được khấu trừ	13311	663.572	
		Hàng hoá	1561	853.233.822	
....	...	.....	...	...	...
24/12	BC 24/12	<b>Thu lãi tiền gửi (NH TMCP Quốc tế - CNHP)</b>			
		<b>Tiền VND gửi NH TMCP Quốc tế- CNHP</b>	<b>112102</b>	<b>2.488.796</b>	
		<b>Lãi tiền gửi, tiền cho vay</b>	<b>5152</b>		<b>2.488.796</b>
...	...	.....	...	...	....
28/12	UNC 120	Trả lãi vay GNN số 05 (Trương Thị Toán)			
		Chi phí lãi vay	6352	4.487.530	
		Tiền VND gửi NH ACB	112103		4.487.530
	...	...	...	...	....

Tổng cộng : 317.341.605.712 317.341.605.712

**Biểu số 2.22 : Sổ cái TK 515**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
**Tài khoản : 515- Doanh thu hoạt động tài chính**  
 Từ ngày 01/10/2009 đến 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TKĐỨ	Số tiền	
Ngày	Số				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
24/12	BC 24/12	NH TMCP Quốc tế -CNHP	Thu lãi tiền gửi	112102		2.488.796
25/12	BC 171	Ngân hàng Ngoại thương -HP	Thu lãi tiền gửi	112101		7.620.058
30/12	BC 114/09	NH XNK Việt Nam-CNHP	Thu lãi tiền gửi	112105		3.966.408
....	....	....	....	...	....	....
31/12	PKT	-	K/C doanh thu HĐ tài chính	911	102.063.255	

Tổng phát sinh nợ : 102.063.255

Tổng phát sinh có : 102.063.255

Số dư cuối kỳ:

Ngày....tháng...năm....

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

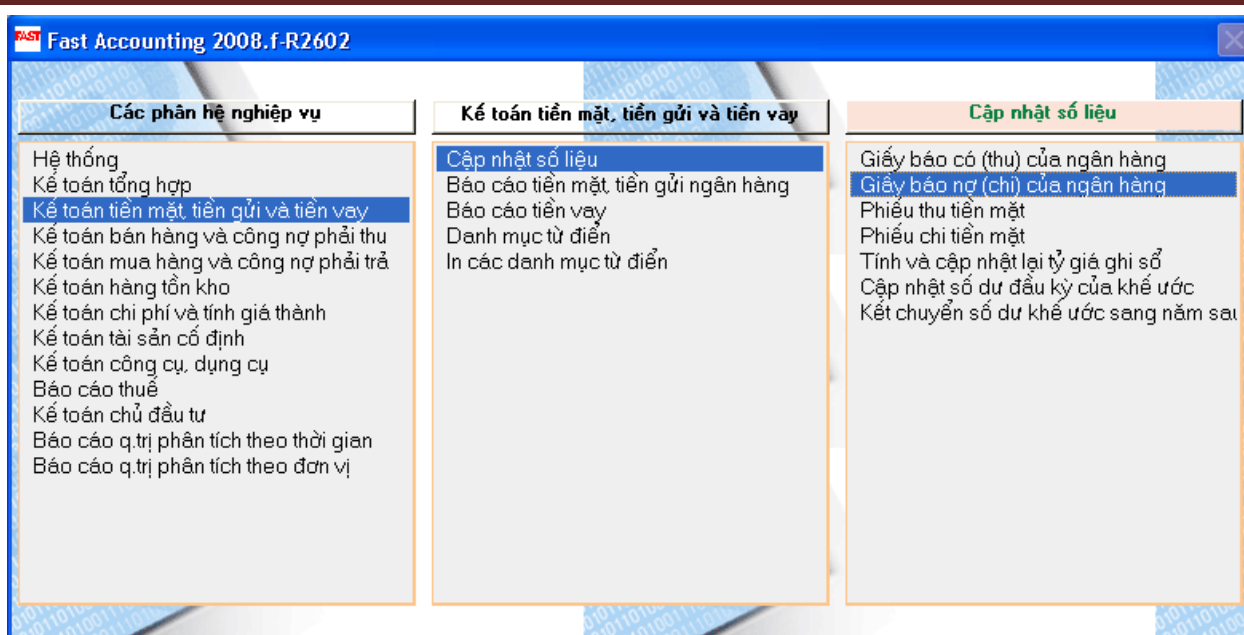
NGƯỜI GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Xuân Hoà

**Ví dụ 06:**

Ngày 28/12, trả tiền lãi vay giấy nhận nợ số 05 ( vay của bà Trương Thị Toán), số tiền là 4.487.530, trả bằng chuyển khoản qua ngân hàng thương mại Á Châu- ACB. Căn cứ vào giấy báo nợ ( **Biểu số 2.23**), kế toán tiến hành cập nhật vào phần mềm. Kế toán vào phân hệ nghiệp vụ **Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay** \Cập nhật số liệu \ **Giấy báo nợ (chi) của ngân hàng.**



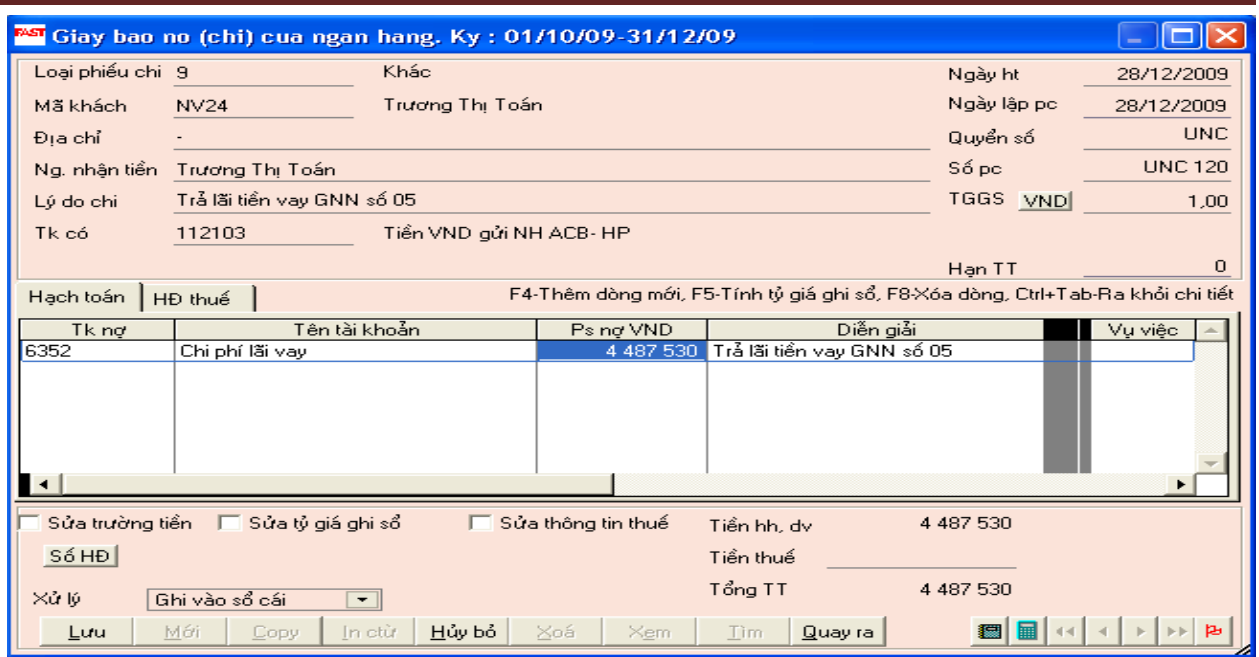


**Màn hình 14: Giao diện Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay | Cập nhật số liệu | Giấy báo nợ ( chi) của ngân hàng**

**Biểu số 2.23 : Giấy báo nợ**

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU ASIA COMMERCIAL BANK	Mã GDV: BATCH Mã KH: 10366
<p><b>GIẤY BÁO NỢ</b>                  Ngày 28/12/2009</p> <p>Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG</p> <p>Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:</p> <p>Số tài khoản ghi Có: 3409698                  Số tiền bằng số: 4.487.530                  Số tiền bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm tám bảy nghìn, năm trăm ba mươi đồng.</p> <p>Nội dung: ## Trả lãi tiền vay GNN số 05 ##</p>	
Giao dịch viên	Kiểm soát

Kế toán cập nhật các thông tin trên màn hình nhập liệu như màn hình minh hoạ dưới đây, rồi ấn [ Lưu ] để lưu chứng từ. Số liệu sẽ được phần mềm xử lý để đưa lên sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 635 và TK liên quan( TK 112103).



Màn hình 15: Màn hình nhập liệu giấy báo nợ

**Biểu số 2.24: Sổ Nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...
02/12	UNC 02/12	Trả lãi tiền vay GNN số 218.09 (NH TMCP Quốc tế)			
		Chi phí lãi vay	6352	62.226.228	
		Tiền VND gửi NH Quốc tế	112102		62.226.228
...	...	...	...	...	...
24/12	BC 24/12	Thu lãi tiền gửi (NH TMCP Quốc tế - CNHP)			
		Tiền VND gửi NH TMCP Quốc tế- CNHP	112102	2.488.796	
		Lãi tiền cho vay, tiền gửi	5151		2.488.796
...	...	...	...	...	...
28/12	UNC 120	Trả lãi tiền vay GNN số 05 (Trương Thị Toán)			
		Chi phí lãi vay	6352	4.487.530	
		Tiền VND gửi NH ACB	112103		4.487.530
...	...	...	...	...	...

Tổng cộng :

317.341.605.712

317.341.605.712

**Biểu số 2.25: Sổ cái TK 635**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
**Tài khoản : 635- Chi phí tài chính**  
 Từ ngày 01/10/2009 đến 31/12/2009

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Số dư đầu kỳ		
Ngày	Số			TKĐÚ	Số tiền	
				Nợ	Có	
...	...	...	...	...	...	
02/12	UNC 02/12	Ngân hàng TMCP Quốc tế - CNHP	Trả tiền lãi vay GNN số 218.09	112102	62.226.228	
02/12	UNC 02/12	Ngân hàng TMCP Quốc tế - CNHP	Trả tiền lãi vay GNN số 218.10	112102	19.933.333	
...	...	...	...	...	...	
24/12	UNC 14/09	Ngân hàng XNK Việt Nam - CNHP	Trả tiền lãi vay KU số 1603LDS-928	112105	16.624.717	
...	...	...	...	...	...	
<b>28/12</b>	<b>UNC 120</b>	<b>Trương Thị Toán</b>	<b>Trả tiền lãi vay GNN số 05</b>	<b>112103</b>	<b>4.487.530</b>	
31/12	PKT	-	K/C chi phí tài chính	911	1.396.279.460	

Tổng phát sinh nợ : 1.396.279.460  
 Tổng phát sinh có : 1.396.279.460  
 Số dư cuối kỳ

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
 (Ký, họ tên)

Ngày....tháng...năm....  
 NGƯỜI GHI SỔ  
 (Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty CP thép Châu Phong)

**2.2.5. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

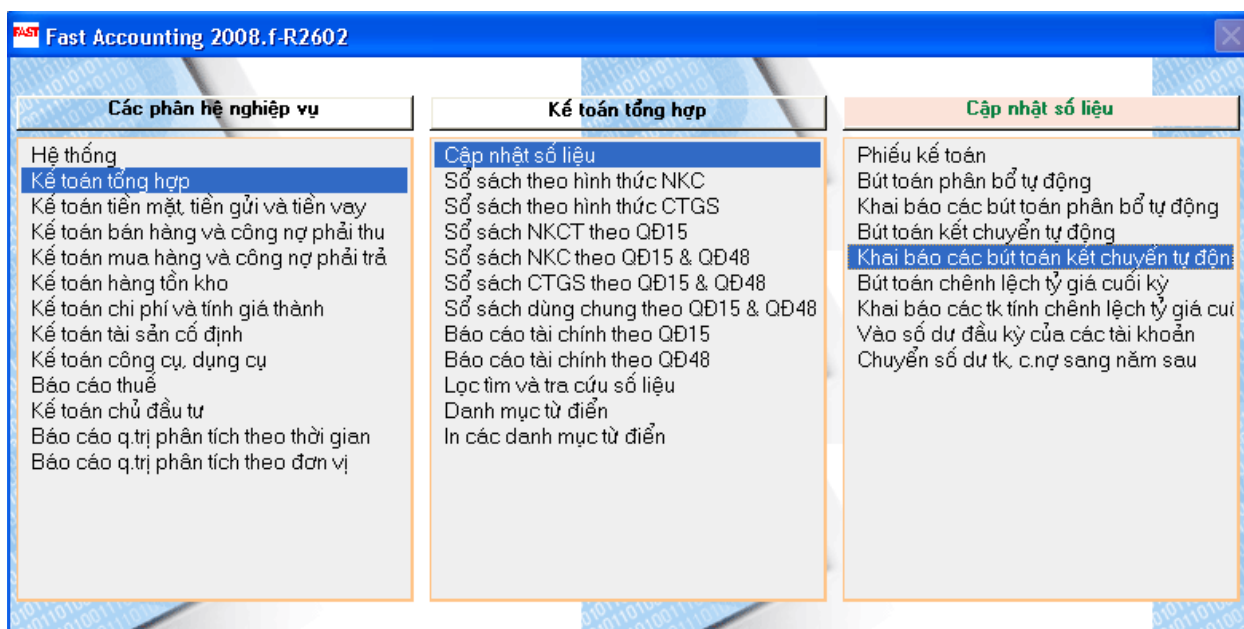
Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần thép Châu Phong là kết quả tổng hợp của các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác trong kỳ kế toán, được thể hiện bằng chỉ tiêu lãi (lỗ).

Tài khoản kế toán sử dụng là tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh” và tài khoản 421-“Lợi nhuận chưa phân phối”

Cuối kỳ, căn cứ vào các kết quả đã đạt được, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Do việc thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí thường lặp lại vào cuối mỗi kỳ nên phần mềm kế toán Fast Accounting cho phép tự động thực hiện các bút toán này. Để làm được điều đó, kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển cần thiết, đánh số thứ tự theo trình tự thực hiện kết chuyển cuối kỳ.

→ Vào phân hệ nghiệp vụ **Kế toán tổng hợp** | **Cập nhật số liệu** | **Khai báo các bút toán kết chuyển tự động**.



Kế toán thực hiện khai báo tài khoản “chuyển”, tài khoản “nhận” cho từng nhóm bút toán một và khai báo việc kết chuyển được thực hiện từ tài khoản ghi Nợ sang tài khoản ghi Có (VD N511- C911) hoặc ngược lại (N911- C632).

Như minh họa sau:

**FAST** Danh sách các bút toán kết chuyển. F2-Xem, F3-Sửa, F4-Them, F8-Xóa, ESC-Quay ra

Sst	ten_bt	Tk_Co	Tk_No	Loai_kc	Kc_vv_yn	c_ma_bph	kc_Ma_hd	Kc_gt_vv
1	K/C chiết khấu thương mại	521	511	Co->No	0	0	0	0
2	K/C khoản giảm giá hàng bán	532	511	Co->No	0	0	0	0
3	K/C trị giá hàng bán bị trả lại	531	511	Co->No	0	0	0	0
4	K/C DT bán hàng	911	511	No->Co	0	0	0	0
5	K/C DT tài chính	911	515	No->Co	0	0	0	0
6	K/C thu nhập khác							
7	K/C giá vốn							
8	K/C chi phí tài chính							
9	K/C chi phí bán hàng							
10	K/C chi phí QLDN							
11	K/C chi phí khác							
12	K/C chi phí thuế TNDN							
13	K/C lãi							
14	K/C lỗ							

**FAST** Khai báo các bút toán kết chuyển tự động

Sst:

Tên bút toán:

Tk ghi nợ:  Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK ghi có:  Xác định kết quả kinh doanh

Loại k/c:  1-Kết chuyển từ Tk Có -> Tk Nợ, 2-Kết chuyển từ Tk Nợ -> Tk Có, 3 - Tự động

K/c theo vv:  1-Có, 0 - Không kết chuyển theo vụ việc

K/c theo bph:  1-Có, 0 - Không

K/c theo hd:  1-Có, 0 - Không

Chỉ kc ps theo ma\_vv:  1-Có, 0 - Không

Cuối kỳ, để thực hiện kết chuyển tự động, kế toán vào phân hệ nghiệp vụ **Kế toán tổng hợp \ Cập nhật số liệu\ Bút toán kết chuyển tự động**, kế toán đánh dấu các bút toán kết chuyển cần thiết, ấn phím F4- tạo các bút toán KC, phần mềm sẽ thực hiện kết chuyển tự động.

❖ Kết quả kinh doanh trong quý IV được tổng hợp như sau:

<i>KQ HĐ sản xuất, kinh doanh</i>	=	<i>DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	-	<i>Giá vốn hàng bán</i>	-	<i>Chi phí bán hàng</i>	-	<i>Chi phí quản lý DN</i>
-----------------------------------	---	--	---	-------------------------	---	-------------------------	---	---------------------------

Do trong kỳ không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu nên doanh thu thuần đúng bằng doanh thu bán hàng phát sinh trong kỳ.

$$\begin{aligned}
 + ) \quad \mathbf{KQ\ HĐ\ KD} &= 60.324.968.539 - 57.524.130.714 + 273.940.135 - \\
 &\quad 538.021.437 \\
 &= \mathbf{1.988.876.253}
 \end{aligned}$$

<i>KQ HĐ tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính</i>
--

$$+) \quad \mathbf{KQ\ HĐ\ tài\ chính} = 102.063.255 - 1.396.279.460 = \mathbf{-1.294.216.205}$$

<i>KQ hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác</i>
---

Tuy nhiên, trong quý 4 không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác

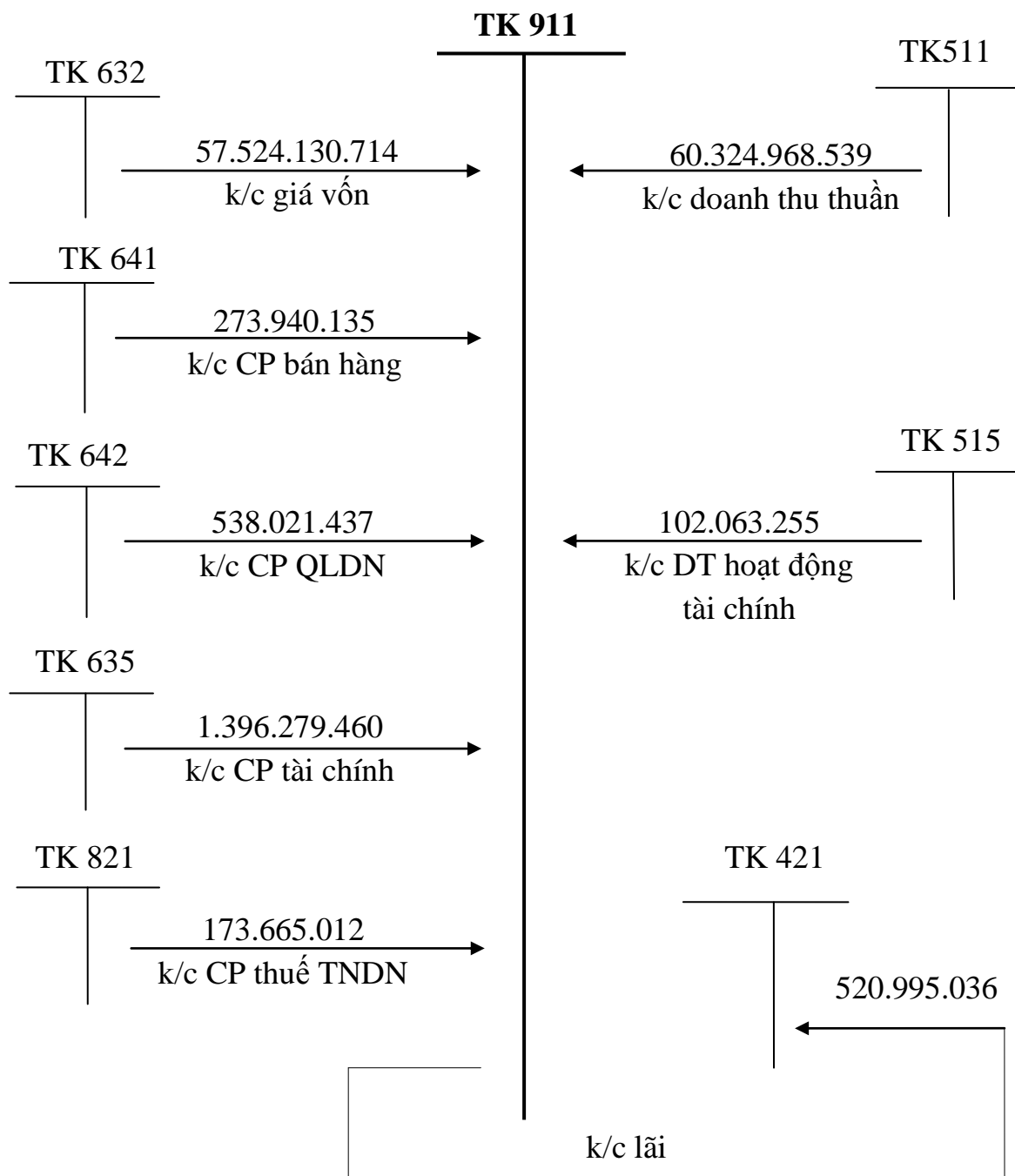
+ ) **KQ hoạt động khác = 0.**

→ **Tổng lợi nhuận trước thuế = 694.660.048**

+ ) Thuế TNDN =  $694.660.048 * 25\% = 173.665.012$

→ **Tổng lợi nhuận sau thuế =  $694.660.048 - 173.665.012 = 520.995.036$**

**Sơ đồ tổng hợp xác định kết quả kinh doanh quý IV năm 2009**



**Biểu số 2.26 : Sổ Nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
 Từ ngày 01/10/2009 đến 31/12/2009

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
....	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...
31/12	PKT	KC doanh thu bán hàng			
		Doanh thu bán hàng hoá và CCDV	511	60.324.968.539	
		Xác định KQKD	911		60.324.968.539
31/12	PKT	KC doanh thu tài chính			
		Doanh thu HĐ tài chính	515	102.063.255	
		Xác định KQKD	911		102.063.255
31/12	PKT	KC giá vốn			
		Xác định KQKD	911	57.524.130.714	
		Giá vốn hàng bán	632		57.524.130.714
31/12	PKT	KC chi phí tài chính			
		Xác định KQKD	911	1.396.279.460	
		Chi phí tài chính	635		1.396.279.460
31/12	PKT	KC chi phí bán hàng			
		Xác định KQKD	911	273.940.135	
		Chi phí bán hàng	641		273.940.135
31/12	PKT	KC chi phí QLDN			
		Xác định KQKD	911	538.021.437	
		Chi phí quản lý DN	642		538.021.437
31/12	PKT	KC chi phí thuế TNDN			
		Xác định KQKD	911	173.665.012	
		Chi phí thuế TNDN	821		173.665.012
31/12	PKT	KC lãi			
		Xác định KQKD	911	520.995.036	
		Lợi nhuận chưa phân phối	421		520.995.036

Cộng 317.341.605.712 317.341.605.712

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
 (Ký, họ tên)

Ngày ...tháng...năm  
 GIÁM ĐỐC  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty cổ phần thép Châu Phong)

**Biểu số 2.27: Sổ cái TK 911**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
**Tài khoản: 911- Xác định KQKD**  
 Từ ngày 01/10/2009 đến 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/12	PKT	-	KC doanh thu bán hàng	511		60.324.968.539
31/12	PKT	-	KC doanh thu tài chính	515		102.063.255
31/12	PKT	-	KC giá vốn hàng bán	632	57.524.130.714	
31/12	PKT	-	KC chi phí tài chính	635	1.396.279.460	
31/12	PKT	-	KC chi phí bán hàng	641	273.940.135	
31/12	PKT	-	KC chi phí QLDN	642	538.021.437	
31/12	PKT	-	KC thuế TNDN	821	173.665.012	
31/12	PKT	-	KC lãi	421	520.995.036	

Tổng phát sinh nợ: 60.427.031.794

Tổng phát sinh có: 60.427.031.794

Số dư cuối kỳ:

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
 (Ký, họ tên)

Ngày....tháng....năm....  
 NGƯỜI GHI SỔ  
 (Ký, họ tên)

Nguyễn Xuân Hoà

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty CP thép Châu Phong)



**Biểu số 2.28 : Sổ cái TK 821**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản: 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/12	PKT 115	-	Thuế TNDN phải nộp	3334	173.665.012	
31/12	PKT	-	KC thuế TNDN	911		173.665.012

Tổng phát sinh nợ: 173.665.012

Tổng phát sinh có: 173.665.012

Số dư có cuối kỳ:

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...  
NGƯỜI GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.29 : Sổ cái TK 421**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản: 421- Lợi nhuận chưa phân phối**

Từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Số dư đầu kỳ: 698.399.425

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/12	PKT	-	Kết chuyển lãi	911		520.995.036

Tổng phát sinh nợ:

Tổng phát sinh có: 520.995.036

Số dư có cuối kỳ: 1.219.394.461

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...  
NGƯỜI GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.30: Báo cáo kết quả kinh doanh**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂU PHONG

Thôn Tràng Duệ-xã Lê Lợi- huyện An Dương- HP

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 4/2009	Lũy kế cả năm
1	2	3	4	5
1.Doanh thu bán hàng và c/c DV	01	VI.25	60.324.968.539	209.791.280.809
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và c/c DV (10 = 01 – 02)	10		60.324.968.539	209.791.280.809
4.Giá vốn hàng bán	11	VI.27	57.524.130.714	199.675.597.485
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và c/c DV (20 = 10 – 11)	20		2.800.837.825	10.115.683.324
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	102.063.255	544.331.806
7.Chi phí tài chính	22	VI.27	1.396.279.460	6.237.012.336
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.396.279.460	6.237.012.336
8.Chi phí bán hàng	24		273.940.135	781.520.202
- Chi phí bán hàng	24A		273.940.135	781.520.202
- Chi phí chờ kết chuyển	24B			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		538.021.437	2.013.608.404
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 – 22 – 24)	30		694.660.048	1.627.874.188
11.Thu nhập khác	31			
12.Chi phí khác	32			2.014.907
13.Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40			-2.014.907
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		694.660.048	1.625.859.281
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	173.665.012	406.464.820
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)	60		520.995.036	1.219.394.461

### CHƯƠNG 3:

## **MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHÂUPHONG**

### **3.1. Nhận xét về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty cổ phần thép Châu Phong.**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, đặc biệt nước ta đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới (WTO), đây là một bước ngoặt lớn đối với nền kinh tế Việt Nam sau mười mấy năm đàm phán. Nó đã mở ra nhiều cơ hội cũng như tạo ra những thách thức lớn cho các doanh nghiệp trong nước. Mặt khác, sự cạnh tranh và sự ảnh hưởng lẫn nhau ngày càng lớn giữa các doanh nghiệp khiến cho bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển đều phải tự tìm cho mình một phương hướng và cách thức hoạt động hiệu quả nhất. Nhà nước tạo ra môi trường còn các doanh nghiệp phải tạo cho mình một thị trường để hoạt động, ngoài ra các doanh nghiệp được phép cạnh tranh trong khuôn khổ luật định và được Nhà nước bảo vệ.

Trước sự tác động và ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới tới nền kinh tế Việt Nam nói chung và nền kinh tế của thành phố Hải Phòng nói riêng, trong năm qua, ban giám đốc công ty cổ phần thép Châu Phong đã luôn cố gắng tìm ra những giải pháp để công ty có thể trụ vững trên thị trường và tiếp tục phát triển. Công ty đã quan tâm đến việc xây dựng cơ cấu quản lý, tổ chức bộ máy kế toán sao cho phù hợp và đạt được hiệu quả trong công việc...

#### **3.1.1. Những ưu điểm :**

##### **✦ Về bộ máy quản lý:**

Công ty cổ phần thép Châu Phong đã tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, linh hoạt và hiệu quả. Công ty đã xác định quy chế làm việc rõ ràng, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng bộ phận trong công ty.

---

✦ Về bộ máy kế toán:

Trong phòng tài chính kế toán có sự phân chia công việc và phối hợp giữa các nhân viên góp phần làm giảm khối lượng công việc. Hệ thống kế toán của công ty đã đi vào nề nếp, được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý. Mỗi nhân viên kế toán đều có tinh thần trách nhiệm cao, nắm vững chính sách chế độ của Nhà nước cũng như nhiệm vụ của mình, làm việc có khoa học, có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, tạo điều kiện cho mọi người có khả năng đi sâu tìm hiểu, nâng cao nghiệp vụ, phát huy hết khả năng, sức lực của mình.

✦ Về hệ thống chứng từ kế toán:

Sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đảm bảo có các yếu tố đúng chế độ kế toán của bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, và có đầy đủ chữ ký của những người có trách nhiệm, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Chứng từ sử dụng được luân chuyển theo đúng quy định, sau khi luân chuyển các chứng từ được bảo quản, lưu trữ riêng biệt thành các tập theo thời gian và nội dung chứng từ tại phòng kế toán.

✦ Về hệ thống tài khoản:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung. Bên cạnh đó, kế toán cũng chi tiết thêm các tài khoản cấp 2, cấp 3 phù hợp với yêu cầu quản lý của từng đối tượng.

✦ Về hệ thống sổ sách kế toán:

Công ty sử dụng phần mềm kế toán máy được thiết kế theo hình thức Nhật ký chung, đây là phương pháp ghi sổ tương đối đơn giản, thuận tiện cho quá trình lập và theo dõi. Các mẫu sổ sách theo hình thức kế toán Nhật ký chung do

phần mềm thiết kế vẫn đảm bảo có đầy đủ các yếu tố theo quy định của Chế độ sổ kế toán (theo Nghị định 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2005 của Chính phủ) nhưng không giống hoàn toàn mẫu sổ ghi bằng tay.

Vào cuối mỗi kỳ hạch toán, các loại sổ sách kế toán được in ra, đóng quyển, lưu trữ, bảo quản theo đúng quy định. Tài liệu gốc được lưu trong phần mềm máy tính giúp cho việc tra cứu lại thông tin được dễ dàng, thuận tiện.

✦ Việc ứng dụng khoa học công nghệ :

Công ty đã vi tính hoá công tác hạch toán kế toán của mình. Công ty sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting rất thuận tiện cho công tác kế toán, làm giảm bớt khối lượng lớn công việc cho kế toán viên. Theo đó, mỗi kế toán chỉ cần nhập các số liệu đầu vào vào các phân hệ nghiệp vụ kế toán phù hợp, phần mềm kế toán sẽ tự động xử lý thông tin và lập ra các sổ sách báo cáo có liên quan.

Việc sử dụng phần mềm này đã tạo điều kiện cho công tác hạch toán kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của công ty cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời cho nhà quản trị, giúp nhà quản trị quản lý tốt nguồn tài chính của doanh nghiệp.

✦ Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty. Bởi lẽ nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông, phản ánh hiệu quả kinh doanh của công ty trong một khoảng thời gian xác định.

Việc hạch toán doanh thu, chi phí được bộ phận kế toán thực hiện đầy đủ, kịp thời, phù hợp với các nguyên tắc hạch toán doanh thu, chi phí theo các chuẩn mực kế toán quy định.

Công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh là kế thừa và tổng hợp lại các kết quả của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí, việc kế toán doanh thu, chi phí hợp lý đã làm cho công tác xác định kết quả kinh doanh cung cấp được

những thông tin tương đối chính xác, kịp thời giúp cho nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính của công ty, tránh rơi vào tình trạng “lãi giả, lỗ thật”.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm cần phát huy, công tác kế toán của công ty cũng không thể tránh khỏi những mặt còn tồn tại mà công ty có khả năng cải tiến và hoàn thiện nhằm đáp ứng hơn nữa yêu cầu trong công tác quản lý, nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

### **3.1.2. Những mặt hạn chế:**

✦ Công ty có số lượng các chủng loại mặt hàng thép là tương đối lớn, nhưng việc mã hoá tên các đối tượng hàng hoá chưa thực sự khoa học khiến cho việc hạch toán doanh thu, giá vốn còn khó khăn, có thể dẫn đến nhầm lẫn.

✦ Việc áp dụng phần mềm kế toán Fast Accounting-2008.f cho bộ phận kế toán một mặt tạo ra rất nhiều thuận lợi kể trên nhưng đi đôi với nó là đòi hỏi trình độ chuyên môn của kế toán cao. Vì chỉ cần một sai sót nhỏ sẽ làm thay đổi toàn bộ số liệu trong các sổ kế toán trên máy liên quan.

Ngoài ra, công tác kế toán được vi tính hoá nên khi gặp sự cố như hỏng hóc, virus xâm nhập... sẽ làm cho máy tính bị tê liệt, phần mềm tạm thời không hoạt động được, hệ thống dữ liệu kế toán có thể không đảm bảo tính chính xác, thông tin kế toán có thể bị gián đoạn.

✦ Công ty bán hàng chủ yếu theo phương pháp bán buôn qua kho: giao hàng trực tiếp tại kho hoặc chuyển hàng theo hợp đồng. Nhưng khi chuyển hàng cho bên mua theo hợp đồng, lúc này hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của công ty, nhưng kế toán không sử dụng tài khoản 157- Hàng gửi bán để phản ánh trị giá hàng xuất kho.

✦ Công ty chưa phân biệt rạch ròi giữa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, việc hạch toán các khoản chi phí này diễn ra lẫn lộn gây ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí kinh doanh.

✦ Công ty chưa có những chính sách về chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán phù hợp để kích thích việc tiêu thụ hàng hoá, và đẩy nhanh công tác thu hồi nợ.

✦ Hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, trong lĩnh vực kinh doanh thép của công ty thì yếu tố thị trường chi phối rất lớn. Mọi sự trì trệ trong công tác tiêu thụ hay giá cả tăng giảm đột biến đều có thể ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, kế toán không tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Châu Phong.**

#### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện:**

Trong toàn cảnh nền kinh tế thế giới là “một ngôi nhà chung” , xu hướng quốc tế hóa, thương mại hóa ngày càng được mở rộng và phát triển đã tạo nhiều cơ hội cũng như những thách thức lớn cho hầu hết nền kinh tế các nước trên thế giới. Đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế thị trường luôn chịu sự tác động mạnh mẽ của các quy luật kinh tế, thì nền kinh tế của các nước luôn phải vận động trong một môi trường cạnh tranh hết sức gay gắt. Với nền kinh tế mở, quán triệt phương châm “Việt Nam muốn làm bạn với các nước trên thế giới, hợp tác cùng có lợi trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau”, nền kinh tế Việt Nam đã trở thành một bộ phận của nền kinh tế thế giới. Và từ tháng 11 năm 2007, khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO thì nền kinh tế Việt Nam đã thực sự “thay da đổi thịt”.

Tuy nhiên, để đáp ứng và tồn tại trên thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp không thể tự hài lòng với với những gì đã đạt được. Muốn chiếm lĩnh được thị trường thì các doanh nghiệp nói chung, và công ty cổ phần thép Châu Phong nói riêng phải cạnh tranh hết sức gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, sáng tạo, nhạy bén nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác phát triển, nâng cao chất lượng hàng hoá cung cấp nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu thị trường.

Để làm được điều đó, trước hết các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến, hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hoá lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất. Trong các công cụ quản lý đó, kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và đặc

lực. Thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán: chứng từ, tài khoản, tính toán, tổng hợp, cân đối có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, trung thực, kịp thời về tình hình tài sản và sự biến động của tài sản. Điều đó giúp cho nhà lãnh đạo đưa ra những quyết định đúng đắn, mang lại hiệu quả kinh tế; đồng thời đưa lại cái nhìn tổng quan cho các nhà đầu tư về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để họ có thể đưa ra những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời.

Bên cạnh đó, trong doanh nghiệp thương mại, quá trình tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp được đưa lên hàng đầu và là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển doanh nghiệp trên thị trường.

Vì vậy doanh nghiệp phải đổi mới và hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng sao cho phù hợp với thực trạng kinh tế, yêu cầu quản lý để mang lại hiệu quả cao nhất cho doanh nghiệp.

### **3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện:**

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn, đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, để việc hoàn thiện có tính khả thi thì phải dựa trên một số nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ kế toán.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, phải kết hợp hài hoà giữa lý thuyết và thực tế. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.



- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi đem lại hiệu quả cao.

### **3.3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

Qua thời gian tìm hiểu và thực tập tại công ty cổ phần thép Châu Phong, được tiếp cận với thực tế công tác tổ chức kế toán tại công ty, em nhận thấy: về cơ bản công tác kế toán của công ty đã tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước và Bộ tài chính ban hành, đồng thời phù hợp với tình hình thực tế của công ty. Tuy nhiên bên cạnh đó, không thể tránh khỏi những mặt còn tồn tại, chưa tối ưu. Trên góc độ của một sinh viên, em xin đưa ra một số ý kiến nhỏ nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của công ty.

#### **◆ Ý kiến 1:**

Do số lượng chủng loại mặt hàng thép trong công ty là khá lớn, nên kế toán phải tổ chức thống kê, nghiên cứu và mã hoá các đối tượng hàng hoá cho khoa học hơn, tránh bị nhầm lẫn trong hạch toán.

VD : Mã TA0151- Thép tấm cuộn TQ từ 5ly đến 12 ly x1500 xC

TA0159- Thép tấm cuộn TQ từ 6ly đến 12 ly x1500 xC

Hay mã hàng TA0173 - Thép tấm cuộn từ 4ly đến 12 ly x1500x C

& TA0174 - Thép tấm cuộn từ 4ly đến 12 ly x1500 xC

Khi mã hoá đối tượng hàng hoá như vậy, sẽ khiến cho việc hạch toán doanh thu, giá vốn sẽ không thể đảm bảo tính an toàn, chính xác. Kế toán có thể nhầm lẫn giữa các đối tượng hàng hoá với nhau, ảnh hưởng đến kết quả kiểm kê hàng hoá thực tế, có hàng hoá sẽ bị thừa ra, có hàng hoá bị thiếu hụt so với số liệu trên sổ kế toán, ảnh hưởng đến kết quả xác định kết quả kinh doanh.

#### **◆ Ý kiến 2:**

- Do công ty sử dụng máy tính làm phương tiện để tiến hành công tác quản lý, hạch toán kế toán nên có thể xảy ra những sự cố về máy tính như hỏng hóc, virus... do đó công ty cần có những biện pháp để ngăn chặn và khắc phục

như : yêu cầu các nhân viên kế toán thực hiện đúng quy định, tránh cập nhật những nguồn dữ liệu bên ngoài không cần thiết với công việc trong máy tính như qua cổng USB để tránh virus xâm nhập vào máy...

- Công ty cũng nên tuyển dụng và đào tạo đội ngũ kế toán không những giỏi về nghiệp vụ mà còn biết xử lý một số tình huống hồng hóc thông thường.

- Bên cạnh đó, việc sử dụng phần mềm kế toán trong hạch toán cũng đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, nên việc tổ chức tập huấn cho nhân viên kế toán làm quen cũng như sử dụng thành thạo ứng dụng phần mềm kế toán là một công việc cần thiết.

- Công ty nên khuyến khích, tạo điều kiện cho các kế toán viên tham gia các khoá đào tạo để nâng cao trình độ kế toán, nắm bắt kịp thời, chính xác các chế độ kế toán, các chính sách thuế mới ban hành, nhằm hoàn thiện và không ngừng đổi mới công tác kế toán cho thích hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường, góp phần thúc đẩy kinh doanh cho công ty.

### ◆ Ý kiến 3:

Công ty thực hiện phương thức bán hàng là chuyển hàng chờ chấp nhận. Theo thoả thuận, đến thời điểm xác định, công ty sẽ vận chuyển hàng cho khách hàng đến địa điểm đã quy định trong hợp đồng kinh tế, như vậy, hàng xuất kho nhưng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, cho đến khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán. Do đó, trong quá trình hạch toán, kế toán phải đưa TK 157- Hàng gửi bán để theo dõi trị giá hàng hoá xuất kho này.

Khi xuất kho chuyển hàng chờ chấp nhận, kế toán ghi:

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 157} \\ \text{Có TK 156} \end{array} \right.$$

Khi khách hàng nhận được hàng, chấp nhận lô hàng, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán, kế toán mới được ghi nhận doanh thu, và giá vốn cho lô hàng:

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 111, 112, 131} \\ \text{Có TK 5111} \\ \text{Có TK 3331} \end{array} \right.$$

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 632} \\ \text{Có TK 157} \end{array} \right.$$

Ví dụ: Ngày 25/12, công ty cổ phần thép Châu Phong xuất hàng chuyển cho công ty cổ phần sản xuất và thương mại Trường Phước. Theo thoả thuận trong hợp đồng kinh tế ký kết ngày 06/12, công ty sẽ giao hàng cho khách hàng tại Đà Nẵng. Khi xuất kho lô hàng, kế toán sẽ phản ánh:

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 157: 277.592.108} \\ \text{Có TK 156: 277.592.108} \end{array} \right.$$

Khi khách hàng nhận được hàng, chấp nhận thanh toán, kế toán phản ánh:

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 112: 300.254.859} \\ \text{Có TK 5111: 285.957.009} \\ \text{Có TK 33311: 14.297.850} \end{array} \right.$$

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 632: 277.592.108} \\ \text{Có TK 157: 277.592.108} \end{array} \right.$$

#### ◆ Ý kiến 4:

Công ty nên có những chính sách ưu đãi với những khách hàng lớn, khách hàng thường xuyên, lâu năm. Có các chính sách về chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán hợp lý để thúc đẩy tiêu thụ và thu hồi công nợ.

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, những chính sách ưu đãi hợp lý, linh hoạt trong bán hàng sẽ là công cụ hữu hiệu cho việc thu hút khách hàng, tăng cường khả năng tiêu thụ hàng hoá, tăng lợi nhuận cho công ty.

#### ◆ Ý kiến 5:

Kế toán công ty phản ánh chi phí khấu hao toàn bộ tài sản cố định của công ty vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Như vậy là toàn bộ chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng lại hạch toán vào chi phí quản lý. Hạch toán như vậy là kế toán đã sử dụng sai tài khoản và làm phản ánh sai lệch nội dung chi phí của các bộ phận. Việc này tuy không làm thay đổi kết quả kinh doanh nhưng lại gây ảnh hưởng đến việc quản lý chi phí từ đó gián tiếp gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty. Để khắc phục, kế toán công ty cần phải phân bổ khấu hao cho các bộ phận sử dụng cho phù hợp.

Ví dụ: Trích khấu hao TSCĐ tháng 12/2009 là: 48.953.083, kế toán ghi:

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 6424: 48.953.083} \\ \text{Có TK 2141: 48.953.083} \end{array} \right.$$

Trong đó, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng là: 15.921.333, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý là: 33.031.750. Như vậy, kế toán phải phản ánh :

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 6414: 15.921.333} \\ \text{Có TK 2141: 15.921.333} \end{array} \right.$$

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 6424: 33.031.750} \\ \text{Có TK 2141: 33.031.750} \end{array} \right.$$

◆ **Ý kiến 6:**

Hàng hoá của công ty là mặt hàng thép các loại, giá bán của hàng hoá này chịu chi phối rất lớn từ sự biến động của thị trường thế giới cũng như trong nước. Mọi sự trì trệ trong công tác tiêu thụ hay giá cả tăng giảm đột biến đều có thể ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả kinh doanh của công ty. Kế toán nên trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, đó là điều cần thiết để đảm bảo tính ổn định cho hoạt động kinh doanh của công ty.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc tính trước để đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh phần giá trị có khả năng bị giảm xuống thấp hơn so với giá trị đã ghi sổ của hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là biện pháp nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, hàng hoá tồn kho bị giảm giá; đồng thời cũng để phản ánh giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhằm đưa ra một hình ảnh trung thực về tài sản của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính cuối kỳ hạch toán.

- *Điều kiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

- Cuối niên độ kế toán (31/12), nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện đối với từng loại hàng tồn kho

- Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy

- *Tài khoản sử dụng:* Đề trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng **TK 159**- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Kết cấu của TK159 như sau:

Bên Nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

- *Phương pháp xác định mức dự phòng:*

Mức trích lập được tính theo công thức như sau:

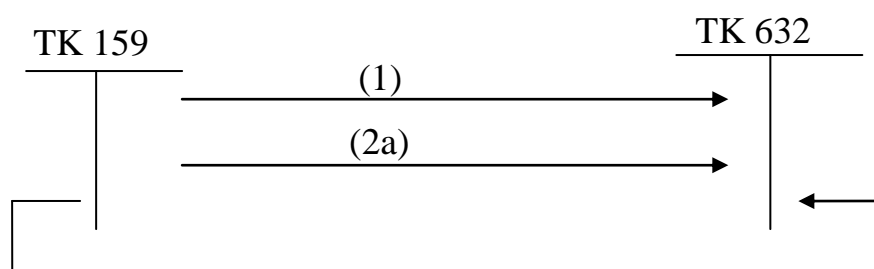
$$\begin{matrix} \text{Mức dự} \\ \text{phòng cần} \\ \text{lập cho hàng} \\ \text{tồn kho i} \\ \text{năm N+1} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Lượng hàng hoá} \\ \text{i tồn kho tại thời} \\ \text{điểm ngày} \\ \text{31/12/N} \end{matrix} * \left( \begin{matrix} \text{Giá gốc đơn vị} \\ \text{của hàng tồn} \\ \text{kho i ghi sổ kế} \\ \text{toán ngày} \\ \text{31/12/N} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giá trị thuần} \\ \text{đơn vị có thể} \\ \text{thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{tồn kho i ngày} \\ \text{31/12/N} \end{matrix} \right)$$

Trong đó:

Giá gốc đơn vị của hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí thu mua và chi phí liên quan trực tiếp khác theo quy định trong chuẩn mực kế toán số 02- Hàng tồn kho ban hành theo quyết định số 149/2001/ QĐ-BTC ngày 31/12/2001.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- *Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:*



(1): Cuối kỳ kế toán năm N (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên:

{ Nợ TK 632- Giá vốn hàng bán  
Có TK 159- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

2. Cuối kỳ kế toán năm N+1 (hoặc quý) tiếp theo:

(2a) Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì doanh nghiệp phải trích lập thêm bằng số chênh lệch đó, ghi:

{ Nợ TK 632- giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)  
Có TK 159- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(2b) Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì doanh nghiệp phải hoàn nhập số chênh lệch đó, ghi:

{ Nợ TK 159- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho  
Có TK 632- Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Trong niên độ kế toán tiếp theo, với những hàng tồn kho đã lập dự phòng từ kỳ trước, nếu đã bán thì ngoài việc ghi nhận bút toán doanh thu, giá vốn, kế toán phải hoàn nhập dự phòng đã lập cho số hàng tồn kho đó với giá trị đúng bằng với số dự phòng cần lập.

• *Chú ý:*

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Việc đánh giá giá trị thuần đơn vị có thể thực hiện được của hàng tồn kho là một công việc ước tính đòi hỏi nhà quản lý phải dựa trên những bằng chứng tin cậy thu thập được ở thời điểm ước tính, phải biết lựa chọn đánh giá chính xác và có chọn lọc sao cho giá trị ước tính phải hợp lý, sát thực.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải đảm bảo tuân theo đúng quy định theo thông tư 13/2006/TT-BTC: hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

- Ví dụ minh họa:

Ngày 31/12/2009, số lượng mặt hàng thép TA0122- Thép tấm TQ 10ly x 2000 x 12000- Hai Xi Rong là 42.350 kg với đơn giá 18.047( đ/kg). Tại thời điểm này, giá trên thị trường chỉ có 16.982(đ/kg)

Khi đó, công ty sẽ lập mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho

$$= 42.350 * ( 18.047 - 16.982 ) = 45.102.750$$

Kế toán ghi bút toán:

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 632: 45.102.750} \\ \text{Có TK 159: 45.102.750} \end{array} \right.$$

Việc lập dự phòng được thực hiện cho từng loại hàng hoá mà doanh nghiệp xét thấy có sự biến động lớn gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Sau khi lập dự phòng cho từng mặt hàng thì kế toán sẽ tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**BẢNG KÊ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO**

Tên HH	Mã HH	ĐVT	Số lượng	ĐG ghi sổ	ĐG thực tế	Mức chênh lệch	Mức dự phòng
Thép tấm TQ 10ly x2000 x12000 - Hai Xi Rong	TA 0122	kg	42.350	18.047	16.982	1.065	45.102.750
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>Cộng</b>							

## KẾT LUẬN

Xu thế hội nhập mở ra một thị trường rộng lớn cùng với nhiều cơ hội mà các doanh nghiệp có thể nắm bắt để thành công, đồng thời cũng tạo ra cho các doanh nghiệp môi trường cạnh tranh rộng rãi hơn và gay gắt hơn. Trong điều kiện đó, kế toán được các doanh nghiệp sử dụng như một công cụ khoa học để tiếp cận một cách khách quan, phản ánh chính xác các thông tin kinh tế, sự biến động về tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các phương án kinh doanh phù hợp với nguồn lực của doanh nghiệp và thích ứng với môi trường kinh doanh. Trong đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu quan trọng, góp phần không nhỏ vào sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Qua quá trình thực tập tại công ty cổ phần thép Châu Phong, được tiếp cận, tìm hiểu về thực tế công tác kế toán, với sự giúp đỡ của các cô chú cán bộ trong công ty, và sự hướng dẫn tận tình của cô giáo- thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo, em đã hoàn thành xong bài khoá luận tốt nghiệp với đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thép Châu Phong”.

Tuy nhiên, do thời gian thực tập không nhiều, cộng với sự hạn chế về năng lực, trình độ kiến thức, nhận thức nên bài viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Em rất mong nhận được sự nhận xét, góp ý của cô giáo - thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo - giáo viên trực tiếp hướng dẫn cùng với giúp đỡ, chỉ bảo của các thầy cô giáo trong khoa Quản Trị Kinh Doanh để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2010

*Sinh viên*

*Phạm Thùy Dung*



### **Tài liệu tham khảo**

1. Kế toán tài chính – Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp - Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC  
Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán  
Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán
3. Hệ thống báo cáo sổ sách kế toán của Công ty cổ phần thép Châu Phong
4. Chuẩn mực số 14 “Doanh thu và Thu nhập khác” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
5. Các trang web : Webketoan.com, Danketoan.com

## MUC LUC

Lời mở đầu .....	1
<b>Chương 1: Những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại</b> .....	<b>3</b>
<b>1.1. Lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại</b>	<b>3</b>
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	3
1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	4
1.1.2.1. <i>Doanh thu</i> .....	4
1.1.2.2. <i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i> .....	5
1.1.2.3. <i>Chi phí</i> .....	6
1.1.2.4. <i>Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp</i> .....	7
1.1.3. Thời điểm ghi nhận, nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	7
1.1.3.1. <i>Thời điểm, điều kiện ghi nhận doanh thu</i> .....	7
1.1.3.2. <i>Một số nguyên tắc hạch toán doanh thu trong doanh nghiệp thương mại</i> .	.8
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ....	10
1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .	.10
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	10
1.2.1.1. <i>Một số phương thức bán hàng</i> .....	11
1.2.1.2. <i>Chứng từ kế toán sử dụng</i> .....	11
1.2.1.3. <i>Tài khoản sử dụng</i> .....	12
1.2.1.4. <i>Trình tự hạch toán</i> .....	13
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	15
1.2.2.1. <i>Chứng từ kế toán sử dụng</i> .....	15
1.2.2.2. <i>Tài khoản sử dụng</i> .....	15
1.2.2.3. <i>Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu</i> .....	17
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	18

1.2.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán .....	18
1.2.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng .....	20
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng .....	20
1.2.3.4. Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán.....	22
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng ( CPBH ) .....	23
1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng .....	23
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	23
1.2.4.3. Trình tự hạch toán chi phí bán hàng .....	24
1.2.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....	26
1.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng .....	26
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	26
1.2.5.3. Trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	27
1.2.6. Kế toán hoạt động tài chính .....	28
1.2.6.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	28
1.2.6.2. Kế toán chi phí tài chính.....	29
1.2.6.3. Trình tự hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính .....	29
1.2.7. Kế toán thu nhập, chi phí khác trong doanh nghiệp .....	31
1.2.7.1. Chứng từ sử dụng.....	31
1.2.7.2. Tài khoản sử dụng.....	31
1.2.7.3. Trình tự hạch toán thu nhập khác và chi phí khác .....	33
1.2.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp .....	34
1.2.8.1. Tài khoản sử dụng .....	34
1.2.8.2. Trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành .....	34
1.2.9. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	35
1.2.9.1. Cách xác định kết quả kinh doanh .....	35
1.2.9.2. Tài khoản sử dụng .....	36
1.2.9.3. Trình tự hạch toán .....	38
1.3. Tổ chức vận dụng sổ kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	38
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	39

1.3.2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	39
1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái .....	40
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ.....	41
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	42
<b>Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Châu Phong.....</b>	<b>43</b>
2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty cổ phần thép Châu Phong.....	43
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty cổ phần thép Châu Phong .....	43
2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....	44
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần thép Châu Phong....	47
2.1.3.1. Bộ máy kế toán của công ty .....	47
2.1.3.2. Đặc điểm chính sách, chế độ kế toán áp dụng .....	48
2.1.3.3. Đặc điểm hình thức kế toán máy công ty đang áp dụng .....	49
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thép Châu Phong.....	53
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ .....	53
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng.....	53
2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng .....	53
2.2.1.3. Quy trình hạch toán .....	54
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán .....	61
2.2.2.1. Chứng từ kế toán, tài khoản, sổ sách sử dụng.....	62
2.2.2.2. Quy trình hạch toán .....	62
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	70
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	70
2.2.3.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng.....	70
2.2.3.3. Quy trình hạch toán .....	71
2.2.4. Kế toán hoạt động tài chính .....	84
2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	84
2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng.....	84
2.2.4.3. Quy trình hạch toán .....	84

2.2.5. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	92
<b>Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Châu Phong.....</b>	<b>99</b>
3.1. Nhận xét về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty cổ phần thép Châu Phong.....	99
3.1.1. Những ưu điểm .....	99
3.1.2. Những mặt hạn chế.....	102
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Châu Phong .....	103
3.2.1. <i>Sự cần thiết phải hoàn thiện</i> .....	103
3.2.2. <i>Nguyên tắc hoàn thiện</i> .....	104
3.2.3. <i>Một số kiến nghị hoàn thiện</i> .....	105
Kết luận .....	112
Tài liệu tham khảo.....	113